**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐTNĐ**

**1. Tổng số ý kiến: 62 văn bản góp ý.**

**- Đồng ý: 15 gồm: Vụ Tài chính Bộ GTVT; Vụ ATGT Bộ GTVT, Bộ LĐ-TB&XH; Các Sở GTVT: Hậu Giang; Bạc Liêu; Điện Biên, Gia Lai, Hà Nam, Long An, Ninh Thuận, Phú Yên, Tuyên Quang, Phú Yên, Thanh Hóa, Bình Thuận.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dự thảo xin ý kiến** | **Ý kiến góp ý** | **Tiếp thu, giải trình** | **Dự thảo sau tiếp thu, giải trình** |
| **NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  | **NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |
| *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;* ***Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019****;* |  |  | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;* ***Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019****;* |
| *Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;* | **Vụ TCCB Bộ GTVT; Tiền Giang, Bộ TN&MT***:* Đề nghị bỏ cụm từ “và Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020”. Lý do: Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực vào ngày 01/01/2022. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì:  Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định “*Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành*”, Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực vào ngày 01/01/2022. Dự thảo Nghị định này dự kiến sẽ có hiệu lực cùng hoặc sau ngày 01/01/2022 để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | *Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;* |
| *Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;* |  |  | *Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;* |
| *Căn cứ* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; |  |  | *Căn cứ* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; |
| *Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14 tháng 6 năm 2019.* | **Tiền Giang, Lạng Sơn, Thái Bình**: bổ sung cụm từ “căn cứ” trước *Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14 tháng 6 năm 2019.*  Đề nghị bỏ dấu chấm “.” sau “*Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14 tháng 6 năm 2019”.* Thay dấu “;” quy định tại mẫu số 01 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo | *Căn cứ Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14 tháng 6 năm 2019;* |
| *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;* |  |  | *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;* |
| *Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.* |  |  | *Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.* |
| **Chương I** |  |  | **Chương I** |
| **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** |  |  | **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | **1. Thái Bình:** Bổ sung nội dung quy định các hành vi vi phạm trong vùng nước cảng biển thì áp dụng xử phạt hành chính trong lĩnh vực hàng hải.  2. **Bộ CA**: Về phạm vi điều chỉnh: Cần quy định rõ đối với các tuyến vận tải ven biển SB. Đặc biệt, cần bổ sung đầy đủ các thẩm quyền để kiểm tra, phát hiện, xử lý có hiệu quả các phương tiện thủy nội địa hoạt động trên các tuyến hàng hải thuộc các sông trong nội địa tại các văn bản QPPL khác có liên quan. | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung của hàng hải thuộc phạm vi quy định của NĐ XPVPHC lĩnh vực hàng hải, trường hợp liên quan đến ĐTNĐ đã được quy định tại khoản 2 Điều 1, khoản 5 Điều 2 Dự thảo.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì:  - Hiện nay, các quy định nội dung chưa quy định cụ thể về tuyến vận tải ven biển SB, do vậy chưa có cơ sở để quy định hành vi vi phạm hành chính;  - Đối với các hành vi vi phạm của phương tiện thủy nội địa trên tuyến hàng hải được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này và Nghị định số 142/2017/NĐ-CP về xử phạt VPHC trong lĩnh vực hàng hải. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |
| 1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền **lập biên bản,** **thẩm quyền** xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. | **1. Lâm Đồng:** Sửa đổi nội dung tại khoản 1, Điều 1 thành: “*Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt,* ***mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với*** *hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*”  **2. Bộ QP**: Tại khoản 1 Điều 1 và khoản 2 Điều 2, đề nghị bổ sung cụm từ "vi phạm hành chính" vào sau cụm từ "thẩm quyền lập biên bản" để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật XLVPHC và thống nhất với Điều 39 Dự thảo.  **3. Cục Quản lý dược**: Đề nghị sửa khoản 1 Điều 1 như sau:  "Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả ***đối với từng hành vi vi phạm hành chính*** và thẩm quyền **lập biên bản,** **thẩm quyền** xử phạt vi phạm hành chính ***theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính*** trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa." | 1, 3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì khái niệm "mức xử phạt", "thẩm quyền xử phạt" đã bao hàm và được quy định cụ thể đến từng chức danh.  2. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Nghị định này quy định về:  a) Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; |
| Các hành vi vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; vận tải đường thủy nội địa; tai nạn giao thông đường thủy nội địa và tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa; tổ chức hoạt động trên vùng nước ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải cũng được áp dụng các quy định tại Nghị định này để xử phạt. | **Bộ Tư pháp**: Đoạn 2 khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định “*Các hành vi vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; … tại Nghị định này để xử phạt*”. Bộ Tư pháp cho rằng phạm vi điều chỉnh về các hành vi vi phạm được nêu tại quy định này chưa được rõ ràng, đầy đủ. Do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc, chỉnh sửa lại theo hướng liệt kê lần lượt theo tên của các Mục thuộc Chương II dự thảo Nghị định sẽ đảm bảo rõ ràng, đầy đủ. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì các hành vi vi phạm quy định ở đây đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 101a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014 về áp dụng pháp luật đối với hoạt động của phương tiện ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải. | b) Các hành vi vi phạm về hoạt động của phương tiện thủy nội địa ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải, bao gồm: Vi phạm của phương tiện thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; vận tải đường thủy nội địa; tai nạn giao thông đường thủy nội địa và tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa. |
| 2. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng các quy định tại các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác có liên quan. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 40, 42, 43, 44 và 45 của Nghị định này khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản này được xử phạt theo thẩm quyền. | **1. Thái Bình**: Đề nghị bỏ nội dung "Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 40, 42, 43, 44 và 45 của Nghị định này khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản này được xử phạt theo thẩm quyền" vì nội hàm của các điều trên trong Nghị định đã quy định rất rõ thẩm quyền, đồng thời, trong các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính khác cũng đều có quy định.  **2. Bộ CA**: Tại khoản 2, Điều 1 bổ sung thêm thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân *“Điều 41”.* | 1, 2. Dự thảo điều chỉnh quy định này theo hướng kế thừa Nghị định số 132/2015/NĐ-CP do quá trình áp dụng không có khó khăn, vướng mắc, đồng thời, giúp giải quyết các trường hợp hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa không được quy định tại Nghị định này có căn cứ xử lý. | 2. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến giao thông đường thủy nội địa không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng các quy định tại các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác có liên quan. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |
| 1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại Việt Nam. | **Thái Bình:** Đề nghị sửa đối tượng áp dụng tại Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT và 80/2014/TT-BGTVT theo NĐ. | Nội dung không liên quan trực tiếp đến dự thảo. | 1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tại Việt Nam. |
| 2. Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này. |  |  | 2. Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này. |
| 3. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm: | **Bộ TN&MT**: Khoản 3 Điều 2 về đối tượng áp dụng, đề nghị rà soát lại bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan, ví dụ: Luật đầu tư năm 2020. | Tiếp thu, rà soát. | 3. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm: |
| a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;  b) Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;  c) Đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;  đ) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;  e) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);  g) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;  h) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;  i) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật. | **1. Bộ KHĐT**:  Điểm a khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao”. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ nghĩa nội dung này, trong đó giải thích sự khác biệt trong trường hợp cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao (ví dụ: các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa có hành vi vi phạm trong lĩnh vực này thi có bị xử phạt vi phạm hành chính như đối với các cơ quan nhà nước khác vi phạm hay không.  **2. Bộ QP**: Đề nghị bỏ điểm b khoản 3 Điều 2 vì đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân là cơ quan nhà nước, thuộc trường hợp đã được quy định tại điểm a khoản này. | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì: "*Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.*  *Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan*.”  2. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);  b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;  c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;  d) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;  đ) Đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật. |
| 4. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm. | **Bộ VH-TT&DL**: Đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị định vì 2 đối tượng này thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì:  Tại khoản 4: làm rõ tư cách của Hộ kinh doanh, hộ gia đình vì đây là các chủ thể đặc biệt.  Tại khoản 5: Quy định các trường hợp có liên quan đến lĩnh vực hàng hải, thủy sản. | 4. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm. |
| 5. Thuyền viên tàu biển, tàu cá khi hoạt động trên đường thủy nội địa có hành vi vi phạm quy định tại Điều 10, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 38 hoặc người điều khiển tàu cá có hành vi vi phạm quy định tại Điều 27 của Nghị định này thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các điều đó; đối với những hành vi vi phạm hành chính khác thì áp dụng hình thức, mức xử phạt quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, thủy sản để xử phạt. | **Bộ Tư pháp**: Khoản 5 Điều 2 quy định: “*Thuyền viên tàu biển, tàu cá khi hoạt động trên đường thủy nội địa có hành vi vi phạm quy định tại Điều 10, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 38 .. thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các điều đó*”, có nghĩa là đối với các tàu biển, tàu cá khi hoạt động trên đường thủy nội địa thì chỉ có “thuyền viên” bị xử phạt vi phạm hành chính khi thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại các điều nêu trên. Bộ Tư pháp cho rằng, quy định có thể không đầy đủ, không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong dự thảo Nghị định, ví dụ: Điều 25 có nội dung về “vi phạm quy định về trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện khi có hoạt động kiểm tra, kiểm soát”, như vậy, đối tượng thực hiện hành vi vi phạm được quy định tại Điều 25 bao gồm cả thuyền viên và người lái phương tiện. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu lại quy định tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị định. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì theo quy định của pháp luật hàng hải, thuyền viên là thuật ngữ chung, chỉ những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm nhiệm chức danh trên tàu biển Việt Nam; theo quy định pháp luật hàng hải không có chức danh người lái phương tiện | 5. Thuyền viên tàu biển, tàu cá khi hoạt động trên đường thủy nội địa có hành vi vi phạm quy định tại Điều 11, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 36 và Điều 38 của Nghị định này thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các Điều đó, đối với những hành vi vi phạm hành chính khác thì áp dụng hình thức, mức xử phạt quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, thủy sản để xử phạt. |
| **Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính** |  |  | **Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính** |
| Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 01 năm, đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng công trình, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 02 năm. | **1. Hải Dương**: Tại Điều 3, đề nghị bổ sung (căn cứ Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính): *“Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 01 năm, đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng công trình, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 02 năm.* ***Cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt”.***  **2. Bộ Tư pháp**:  Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Thời hiệu … là 01 năm, đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng công trình, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 02 năm”.* Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng một số điều trong dự thảo Nghị định quy định các vi phạm về xây dựng công trình, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa nhưng các hành vi vi phạm cụ thể lại xuất phát từ những quy phạm nội dung được quy định trong lĩnh vực giao thông đường thủy, ví dụ như Điều 5 (*Vi phạm quy định về xây dựng công trình trên vùng nước đường thủy nội địa*)  Đây là các hành vi vi phạm được căn cứ vào các quy phạm nội dung trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, ví dụ: Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP quy định “*Trước khi đưa công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa vào khai thác, sử dụng, chủ đầu tư phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp bảo vệ công trình. Nội dung thông báo phải ghi rõ tên công trình, quy mô, công dụng của công trình, thời gian đưa công trình vào khai thác, sử dụng*”. Do đó, Bộ Tư pháp cho rằng, quy định này chưa được rõ ràng, cụ thể, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, nêu cụ thể những hành vi vi phạm nào quy định trong dự thảo nghị định về xây dựng công trình, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa áp dụng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm (theo thời hiệu xử phạt vi phạm chính trong lĩnh vực xây dựng và bảo vệ môi trường được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC đã được sửa đổi, bổ sung).  **3. Bộ TN&MT**: Điều 3, về thời hiệu xử phạt, đề nghị trong trường hợp không quy định các hành vi vi phạm về môi trường tại nghị định này thì bỏ qua quy định ”bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 02 năm”.  **4. Bộ KHĐT**:  Điều 3 dự thảo Nghị định: để đảm bảo chỉ có 01 cách hiểu duy nhất, phù hợp với quy định về ngôn ngữ, cách diễn đạt trong văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa điều 3 như sau:  "***Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính***  *1. Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa (không bao gồm các hành vi vi phạm được quy định tải khoản 2 Điều này). Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm.*  *2. Đối với các hành vi vi phạm hành chính về xây dựng công trình, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm*.” | **1.** Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì cách xác định thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã được quy định cụ thể tại điểm d khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC 2012.  2. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ KHĐT chỉnh sửa trong dự thảo.  "…đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, nạo vét, đường dây, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 02 năm" (liệt kê KCHT theo Luật, NĐ 08 và công trình ngoài).  **3.** Đối với ý kiến của **Bộ TN&MT**: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì dự thảo có quy định xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường tại khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 6 Điều 10, khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 21 … | 1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa là 01 năm; trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm đối với các hành vi vi phạm hành chính sau:  a) Vi phạm quy định về xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;  b) Vi phạm quy định về hoạt động nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản có liên quan đến liên quan đến đường thủy nội địa;  c) Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;  d) Vi phạm quy định về xây dựng công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa nhưng có liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, gồm: xây dựng kè, đập thủy lợi, cầu, bến phà, phong điện, nhiệt điện, thủy điện; công trình vượt qua luồng trên không hoặc dưới đáy luồng; công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa.  3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:  a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại khoản 4 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;  b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại khoản 5 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.  4. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm như sau:  a) Vi phạm quy định về thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền trước khi thi công công trình, tổ chức hoạt động trên đường thủy nội địa;  b) Vi phạm quy định về thông báo, cáo cáo khi thi công công trình, tổ chức hoạt động trên đường thủy nội địa và đưa công trình vào hoạt động;  c) Vi phạm quy định bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa mà thời điểm phát hiện đã gây sạt, lở, hư hỏng công trình đó hoặc gây cản trở giao thông;  d) Vi phạm quy tắc giao thông dẫn tới tai nạn giao thông đường thủy nội địa;  đ) Vi phạm quy định về thông báo vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và không có giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu của phương tiện, thủy phi cơ sau khi đã vào, rời, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;  e) Vi phạm được phát hiện thông qua phương kỹ thuật nghiệp vụ: thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ khi phát hiện hành vi vi phạm;  g) Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã được thực hiện xong trước thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm thì cũng được xác định là hành vi vi phạm đã kết thúc.  5. Các hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này được xác định là hành vi vi phạm đang thực hiện. |
| **Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả và áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính**  1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây đối với mỗi hành vi vi phạm:  a) Cảnh cáo;  b) Phạt tiền. | **1. Bộ QP**: Đề nghị quy định hình thức xử phạt "Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính" vừa là hình thức xử phạt chính, vừa là hình thức xử phạt bổ sung vì, theo quy định tại Điều 21 Luật XLVPHC thì hình thức xử phạt "Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính" có thể quy định là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung. Trong lĩnh vực GT ĐTNĐ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thường có giá trị lớn, nếu chỉ quy định là hình thức xử phạt bổ sung sẽ dẫn đến tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị cao hơn mức tiền xử phạt chính là không phù hợp. Ví dụ, hành vi tổ chức đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội địa, quy định tại khoản 7 Điều 26 dự thảo Nghị định , hình thức xử phạt chính từ 50 đến 70 triệu đồng, hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu phương tiện. Trong trường hợp này, nếu phương tiện có giá trị cao hơn mức tiền phạt (hình thức xử phạt chính) sẽ không phù hợp. | **1.** Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì trong toàn dự thảo không quy định tịch thu tang vât, phương tiện vi phạm hành chính là hình thức xử phạt chính đối với bất kỳ hành vi vi phạm nào. Đồng thời, theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020 đã quy định một số chức danh có quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính mà không giới hạn bởi giá trị của tang vật, phương tiện.  Tại dự thảo Nghị định này hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chỉ áp dụng đối với những hành vi vi phạm hành chính mang tính nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng có mức xử phạt cao, phù hợp với các chức danh có quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính mà không giới hạn bởi giá trị của tang vật, phương tiện. | **Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả**  1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:  a) Cảnh cáo;  b) Phạt tiền. |
| 2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây: | **Bộ QP**: Tại khoản 2, bổ sung hình thức xử phạt bổ sung "Tịch thu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn" để thống nhất với quy định tại điểm b khoản 6 Điều 22 dự thảo. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì "giấy chứng nhận khả năng chuyên môn" được quy định tại điểm b khoản 6 Điều 22 dự thảo là một loại tang vật vi phạm hành chính. | 2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:  a) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;  b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.  3. Hình thức xử phạt cảnh cáo được áp dụng theo quy định tại Điều 22 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. |
| a) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng; |  |  |
| b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng; |  |  |
| c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. | **Bộ CA**: Điểm c, khoản 2 sửa đổi, bổ sung như sau “c) Tịch thu tang vật **vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính”.** | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
|  | **Bộ CA**: Bổ sung thêm điểm d vào khoản 2 với nội dung **“d) Trục xuất.”** | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đặc thù của ngành GTĐT nội địa ít có sự tham gia của các đối tượng nước ngoài, theo đó, dự thảo Nghị định không áp dụng hình thức xử phạt trục xuất đối với các hành vi vi phạm. |
| 3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. | **1. Bộ Tư pháp, Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ VHTT và DL, Bộ Công an*:*** Theo quy định tại Điều 4 và điểm k khoản 1 Điều 28 Luật XLVPHC, Chính phủ có quyền quy định các biện pháp khắc phục hậu quả trong các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính  Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định chỉ quy định chung “*Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này*”, mà không quy định theo hướng liệt kê cụ thể về các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng trong dự thảo Nghị định. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi quy định này theo hướng liệt kê cụ thể về các biện pháp khắc phục hậu quả do Chính phủ quy định, nhằm đảm bảo việc quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (trong đó có áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả) của các chức danh cũng như việc áp dụng pháp luật được dễ dàng hơn, đồng thời, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống các nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo | 4. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Chương II Nghị định này, bao gồm:  a) Buộc tháo dỡ nhà, nhà nổi, công trình vi phạm;  b) Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định;  c) Buộc thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định hoặc kế hoạch môi trường theo quy định;  d) Buộc hoàn trả chi phí trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định;  đ) Buộc di chuyển súc vật, phương tiện, cây, đồ vật, lều, quán, tre, gỗ vi phạm;  e) Buộc xóa số đăng ký không đúng quy định trên phương tiện;  g) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;  h) Buộc dỡ bỏ, di dời ngư cụ, dụng cụ khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản vi phạm;  i) Buộc thực hiện đăng kiểm theo quy định đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm tự ý hoán cải; trường hợp phần hoán cải được cơ quan đăng kiểm kiểm tra không thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật theo quy định thì buộc phải tháo dỡ;  k) Buộc đưa hành khách, xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô, hàng hóa vượt quá số lượng, sức chở hoặc không được phép chở lên khỏi phương tiện và phải tổ chức cho số hành khách chở vượt quá sức chở của phương tiện đến nơi an toàn;  l) Buộc đưa lên khỏi phương tiện, hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ;  m) Buộc xếp hàng hóa theo đúng quy định;  n) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm vệ sinh, môi trường đối với hành vi vi phạm. |
| 4. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt **mức tối đa áp dụng** đối với cá nhân. | **Bộ Tư pháp, Bộ VHTTDL**:  Về áp dụng mức phạt tiền trong dự thảo Nghị định  Khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “Thẩm quyền … áp dụng đối với cá nhân.”  Bộ Tư pháp cho rằng, quy định nêu trên là chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu xây dựng nội dung này thành một điều khoản riêng về “Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức”, trong đó quy định cụ thể về mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa đối với cá nhân và tổ chức, mức phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định trong dự thảo Nghị định là với cá nhân hay tổ chức, thẩm quyền phạt tiền của các chức danh được quy định tại Chương III dự thảo Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân hay tổ chức. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo (bổ sung khoản 6 vào Điều 4). | 5. Mức phạt tiền của mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân; trường hợp có cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.  6. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với tổ chức bằng 02 lần thẩm quyền xử phạt **mức tối đa áp dụng** đối với cá nhân. |
|  | **TP. Hồ Chí Minh:** Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả và áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính  Đề xuất bổ sung thêm khoản 5 như sau:  *“5. Mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ quy định tại Điều 19 và Điều 23 của Nghị định này. Mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.*  Lý do: Để cụ thể hơn trong công tác xử phạt đối với tổ chức và cá nhân. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo (bổ sung khoản 5 vào Điều 4). |  |
|  | **Bộ TN&MT:** Khoản 4 Điều 4, đề nghị bỏ quy định “mức tối đa áp dụng” cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, căn cứ theo nguyên tắc cùa Luật XLVPHC. |  |
|  | **Bộ KHĐT:**  Khoản 4 Điều 4 Dự thảo Nghị định quy định “thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt mức tối đa áp dụng đối với cá nhân”.  Khoản 2 Điều 24 Luật XLVPHC 2012 quy định “Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân”. Mặt khác, căn cứ theo Luật XLVPHC, chỉ quy định mức phạt tiền tối đa của người có thẩm quyền xử phạt, không có quy định về “thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt mức tối đa áp dụng đối với cá nhân”. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa khoản 4 Điều 4 Dự thảo cho phù hợp với các quy định tại Luật XLVPHC. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì, căn cứ khoản 1 Điều 52 Luật XLVPHC 2012 thì: *"Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các điều từ 38 đến 51 của Luật này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỉ lệ phần trăm quy định tại Luật này đối với chức danh đó…".* |  |
| **Chương II** |  |  | **Chương II** |
| **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** |  |  | **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** |
| **Mục 1.** |  |  | **Mục 1.** |
| **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  | **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |
|  |  |  | **Điều 5. Vi phạm quy định về xây dựng kè, đập thủy lợi, cầu, bến phà, phong điện, nhiệt điện, thủy điện, công trình vượt qua luồng trên không, dưới đáy luồng và các công trình khác** **ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa**  1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn theo quy định cho cơ quan có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi đưa công trình vào sử dụng.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố hạn chế giao thông trước khi thi công công trình theo quy định;  b) Thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong suốt quá trình thi công công trình trên đường thủy nội địa, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này.  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi xây dựng công trình;  b) Không có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong suốt quá trình thi công công trình trên đường thủy nội địa;  c) Không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong suốt quá trình thi công công trình trên đường thủy nội địa, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này. |
| **Điều 5. Vi phạm quy định về xây dựng công trình trên vùng nước đường thủy nội địa** | **Bộ CA:** Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau “ Điều 5. Vi phạm quy định về xây dựng công trình, **dựng nhà, làm nhà nổi hoặc các cấu trúc nổi khác** trên vùng nước đường thủy nội địa” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo | **Nội dung Điều này được tách ra và quy định tại Điều 5 và Điều 11 dự thảo.** |
| 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: | **1. Lạng Sơn**: Đề nghị cơ quan chủ trì sử dụng thống nhất cụm từ “***đối* *với mỗi hành vi vi phạm****”* hoặc *“****đối với một trong các hành vi vi phạm****”* tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 dự thảo.  **2. Hà Tĩnh**: Khoản 1 Điều 5: Tách lỗi vi phạm “*không bàn giao hoặc bàn giao không đúng thời hạn, không đủ hồ sơ*” (Điểm a), “*không thông báo hoặc thông báo không đúng thời gian*” (Điểm b) thành các lỗi riêng biệt với mức xử phạt khác nhau. | Tiếp thu các ý kiến góp ý, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| a) Không bàn giao hoặc bàn giao không đúng thời hạn, không đủ hồ sơ công trình có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi đưa công trình vào sử dụng;  b) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời gian đưa công trình vào sử dụng theo quy định. | **Vụ KCHT**: Điểm a khoản 1: đề nghị bỏ hành vi vi phạm “bàn giao không đủ hồ sơ công trình”, do trường hợp chủ đầu tư, chủ công trình khi bàn giao hồ sơ mà chưa đủ theo quy định thì bộ phận, cá nhân tiếp nhận hồ sơ, có trách nhiệm hướng dẫn để chủ đầu tư, chủ công trình bổ sung hồ sơ theo quy định. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trên vùng nước đường thủy nội địa không đúng quy định. | **1. Ninh Bình**: Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo: Đề nghị áp dụng khung phạt cao hơn mới đủ tính răn đe (vì mức phạt quy định tại Nghị định này thấp hơn mức phạt quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, thủy sản).  **2. Cục HHVN**: Đề nghị bổ sung quy định: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trên vùng nước đường thủy nội địa sai vị trí được phép…".  **3. Thanh tra Bộ**:  Tại khoản 2 Điều 5 của dự thảo, đề nghị thay cụm từ”quy định” bằng cùm từ “Giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa”, lý do: cho phù hợp với khoản 3 Điều 15 Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004. | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì trường hợp này bao gồm cả việc không được cấp phép, sai vị trí, sai các yêu cầu kỹ thuật....  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính khái quát vì quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật GTĐTNĐ 2004 chỉ quy định trong trường hợp bảo vệ luồng. |
| 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trái phép ở vùng nước ngoài phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa nhưng có ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa. | **Bộ CA**:  1. Sửa đổi cụm từ “trái phép” trong khoản 3, 4, 5 thành cụm từ “không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định”.  2. Khoản 3 sửa đổi, bổ sung như sau “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi **~~xây dựng công trình, dựng nhà,~~** làm nhà nổi **hoặc các cấu trúc nổi khác không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định** ở vùng nước ngoài phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa **hoặc** **vùng nước chưa được tổ chức quản lý** nhưng có ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa”, để phù hợp với Điều 101a Luật GT ĐTNĐ. | 1. Tiếp thu, sửa đổi cụm từ "trái phép" thành "không đúng quy định".  2. Dự thảo bỏ khoản 3 do nằm ngoài phạm vi quản lý của các cơ quan quản lý chuyên ngành GTVT ĐTNĐ. |
| 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. |  |  |
| 5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi trái phép trong phạm vi luồng đường thủy nội địa . |  |  |
| 6. Biện pháp khắc phục hậu quả  Buộc tháo dỡ phần vi phạm của nhà, nhà nổi, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và buộc tháo dỡ nhà, nhà nổi, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều này. | **Vụ TCCB**: Khoản 6 Điều 5: Đề nghị xem xét sửa cụm từ “tháo dỡ” thành “phá dỡ” cho phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật XLVPHC sửa đổi năm 2020 | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| **Điều 6. Vi phạm quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa** | **Cục HHVN, Thái Bình:**  Đề nghị xem xét bổ sung các hành vi: Không thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng cảng, bến thủy nội địa đúng thời hạn quy định; Không tuân thủ đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng cảng, bến thủy nội địa đúng thời hạn quy định. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung này đã có quy định tại Khoản 8 Điều 28 Mục 5 Chương II dự thảo. | **Điều 6. Vi phạm quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa** |
| 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không thông báo kịp thời khi có vật chướng ngại xuất hiện trên luồng đường thủy nội địa theo quy định hoặc khi luồng đường thủy nội địa thay đổi;  b) Không lập hồ sơ theo dõi vật chướng ngại trên đường thủy nội địa có ảnh hưởng đến an toàn giao thông theo quy định;  c) Không vận hành âu tàu hoặc vận hành âu tàu không đúng quy trình. | **1. Bộ Tư pháp**: Điểm a khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định “*Không thông báo kịp thời … thay đổi”,* đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ về tính “kịp thời” của việc không thông báo hay nói cách khác, hiểu như thế nào về “không thông báo kịp thời”.  **2. Thanh tra Bộ**:  Tại điểm a khoản 1 Điều 6 của dự thảo, đề nghị viết lại thành “Không thông báo hoặc thông báo không kịp thời khi có vật chướng ngại …” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không lập hồ sơ theo dõi vật chướng ngại trên đường thủy nội địa có ảnh hưởng đến an toàn giao thông theo quy định;  b) Không đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố hạn chế giao thông theo quy định;  c) Không lập hoặc lập nhưng không ghi chép đầy đủ hồ sơ quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định. |
| 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không kịp thời bảo đảm an toàn giao thông khi phát hiện vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa;  b) Không sửa chữa kè, đập giao thông, âu tàu bị hư hại. | **Thanh tra Bộ**:  Tại điểm a khoản 2 Điều 6 của dự thảo, đề nghị bỏ cụm từ ”xử lý” hoặc làm rõ khái niệm “xử lý kịp thời bảo đảm an toàn giao thông”. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông khi phát hiện vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa theo quy định;  b) Không sửa chữa kè, đập giao thông, âu tàu và công trình khác bị hư hại;  c) Không thực hiện đúng phương án, bảo trì được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;  d) Không vận hành âu tàu hoặc vận hành âu tàu không đúng quy định;  đ) Không kiểm định chất lượng công trình theo quy định. |
| 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc sửa chữa công trình bị hư hại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. |  |  |  |
| **Điều 7. Vi phạm quy định nạo vét vùng nước đường thủy nội địa** |  |  | **Điều 7. Vi phạm quy định nạo vét vùng nước đường thủy nội địa** |
| 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: |  |  | 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Sử dụng mỗi phương tiện **nạo vét**, phương tiện vận chuyển chất nạo vét **để thực hiện nạo vét** **mà** không lắp đặt thiết bị giám sát theo quy định hoặc thiết bị giám sát không bảo đảm **tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định** hoặc **thiết bị giám sát không hoạt động**”; | **Vụ KCHT**: Điểm a khoản 1: Đề nghị dùng từ “hệ thống giám sát nạo vét” thay cho từ “thiết bị giám sát” để thống nhất với quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | a) Sử dụng mỗi phương tiện nạo vét, phương tiện vận chuyển chất nạo vét để thực hiện nạo vét mà không lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét theo quy định;  b) Hệ thống giám sát nạo vét trên mỗi phương tiện nạo vét, phương tiện vận chuyển chất nạo vét không bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định;  c) Hệ thống giám sát nạo vét trên mỗi phương tiện nạo vét, phương tiện vận chuyển chất nạo vét không hoạt động theo quy định; |
| b) Sử dụng mỗi phương tiện **nạo vét**, vận chuyển chất nạo vét **không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định**”; |  |  | d) Sử dụng mỗi phương tiện nạo vét, vận chuyển chất nạo vét không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; |
| c) Không ghi chép kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và **vận chuyển đổ chất nạo vét** hoặc không ghi nhật ký thi công theo quy định. |  |  | đ) Không ghi kết quả giám sát hoặc ghi kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và vận chuyển đổ chất nạo vét không đúng quy định; |
|  |  |  | e) Không ghi nhật ký hoặc ghi nhật ký thi công nạo vét không đúng quy định; |
|  |  |  | g) Không có bảng niêm yết thông tin hoặc bảng niêm yết thông tin tại công trường nạo vét không đúng quy định; |
|  |  |  | h) Không thông báo kế hoạch triển khai thực hiện (thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại, số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện) trước khi tiến hành thi công nạo vét cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; |
|  |  |  | i) Thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong suốt quá trình thi công công trình trên đường thủy nội địa, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này. |
| 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đổ **chất nạo vét** **không đúng vị trí quy định**. | **Thanh tra Bộ**:  Tại khoản 2 Điều 7 của dự thào, đề nghị bổ sung cụm từ “được cấp có thẩm quyền” vào sau từ “nạo vét không đúng vị trí” để trở thành cụm từ “nạo vét không đúng vị trí được cấp có thẩm quyền quy định” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Đổ chất nạo vét không đúng vị trí theo quy định;  b) Không thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định khi thi công nạo vét;  c) Không có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong suốt quá trình thi công công trình trên đường thủy nội địa;  d) Không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong suốt quá trình thi công công trình trên đường thủy nội địa, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này. |
| 3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nạo vét vùng nước đường thủy nội địa không đúng yêu cầu kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. | **Bộ CA**: Tại Điều 7 sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nạo vét vùng nước đường thủy nội địa không đúng yêu cầu kỹ thuật **theo quy định hoặc các yêu cầu khác tại văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.** | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đã có sự bóc tách hành vi vi phạm trong hoạt động nạo vét tại dự thảo. Đồng thời, chỉ xử phạt các hành vi vi phạm đã được quy định rõ tại các văn bản quy phạm pháp luật về nội dung. | 3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nạo vét vùng nước đường thủy nội địa không đúng yêu cầu kỹ thuật (đúng độ sâu, mái dốc thiết kế, có kể đến các sai số cho phép theo đúng quy định) đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. |
| 4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi nạo vét **vùng nước** đường thủy nội địa **mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.** | **Thanh tra Bộ**:  Tại khoản 4 Điều 7 của dự thảo, đề nghị bổ sung từ ”trong” vào sau cụm từ “nạo vét”, lý do: cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh được quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. |
| 5. Hình thức xử phạt bổ sung  a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;  ~~b) Tịch thu phương tiện, thiết bị, dụng cụ sử dụng để nạo vét, vận chuyển chất nạo vét đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;~~  c) Tịch thu cát, sỏi hoặc khoáng sản khác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. | **Bộ TN&MT**: Điểm c khoản 5 Điều 7, đề nghị chỉnh sửa quy định: “Tịch thu cát, sỏi **hoặc** khoáng sản khác ..” thành “Tịch thu cát, sỏi **và** khoáng sản khác ...”.  **Bộ Tư pháp**: Điểm c khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định áp dụng hình thức xử phạt bổ sung “tịch thu cát, sỏi hoặc khoáng sản khác”. Bộ Tư pháp cho rằng, hành vi vi phạm này là hành vi sai về yêu cầu kỹ thuật, không phải sai về mục đích nạo vét vùng nước đường thủy nội địa để khai thác được cát, sỏi hoặc khoáng sản khác, do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc, nghiên cứu lại để quy định hình thức xử phạt cho phù hợp. | Dự thảo đề nghị bỏ hình thức xử phạt bổ sung nhằm đảm bảo tính khả thi của quy định. |  |
| 6. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. |  |  | 5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc cá nhân, tổ chức vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này khôi phục lại tình trạng ban đầu do hành vi vi phạm gây ra;  b) Buộc cá nhân, tổ chức vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch môi trường theo quy định. |
| **Điều 8. Vi phạm quy định về trục vớt, thanh thải vật chướng ngại** |  |  | **Điều 8. Vi phạm quy định về trục vớt, thanh thải vật chướng ngại** |
| 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo hoặc cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo không đúng theo quy định về tài sản chìm đắm, vật chướng ngại trên các tuyến đường thủy nội địa. |  |  | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không cung cấp thông tin hoặc không thông báo hoặc không báo cáo theo quy định về tài sản chìm đắm, vật chướng ngại trên các tuyến đường thủy nội địa;  b) Cung cấp thông tin hoặc thông báo hoặc báo cáo không đúng theo quy định về tài sản chìm đắm, vật chướng ngại trên các tuyến đường thủy nội địa. |
| 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc không trình phương án trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại đúng thời hạn theo quy định. |  |  | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không lập phương án trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại theo quy định;  b) Không trình phương án trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại đúng thời hạn theo quy định. |
| 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không lắp đặt hoặc lắp đặt không kịp thời báo hiệu phù hợp với vị trí tài sản bị chìm đắm, vật chướng ngại; |  |  |  |
| b) Thực hiện việc trục vớt hoặc kết thúc việc trục vớt tài sản bị chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại quá thời gian quy định; | **Thanh tra Bộ**:  Tại điểm b khoản 3 Điều 8 của dự thảo, đề nghị viết lại thành “Thực hiện việc trục vớt tài sản bị chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại vượt quá thời gian quy định”, Lý do: việc trục vớt tài sản bị chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại mà vượt quá thời gian đã được cấp có thẩm quyền quy định đã cấu thành hành vi vi phạm để áp dụng xử phạt VPHC đối với các cá nhân, tổ chức thực hiện. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | a) Thực hiện việc trục vớt tài sản bị chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại vượt quá thời gian quy định; |
| c) Trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền; |  |  | b) Trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền; |
| d) Không thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định; | **Thái Bình**: Đề nghị bỏ quy định này vì đây là hợp đồng dân sự giữa các bên có liên quan đến tài sản chìm đắm. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 14, Điều 24 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP. | c) Không thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định; |
| đ) Trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại không đầy đủ hoặc không đúng phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. |  |  | d) Trục vớt tài sản chìm đắm, thanh thải vật chướng ngại không đúng phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. |
| 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trục vớt phương tiện bị chìm đắm hoặc không thanh thải vật chướng ngại khác theo quy định. | **Tiền Giang**: Tại khoản 4 Điều 8: Đề nghị xem xét lại nội dung “vật chướng ngại khác” do chưa rõ nghĩa. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo đảm bảo phù hợp với thực tế. | 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không trục vớt tài sản bị chìm đắm theo quy định;  b) Không thanh thải vật chướng ngại theo quy định. |
| 5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc hoàn trả chi phí trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này. | **Bộ CA**: Tại Điều 8 sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau “Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả chi phí trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định đối với các hành vi vi phạm được quy định tại **điểm d,** điểm đ khoản 3 **và khoản 4** Điều này” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc cá nhân, tổ chức có các hành vi vi phạm được quy định tại điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều này hoàn trả chi phí trục vớt tài sản chìm đắm thực tế phát sinh. |
|  |  |  | **Điều 9. Vi phạm quy định về điều tiết khống chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc lập nhưng ghi chép sổ sách, nhật ký không đúng quy định.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng phương án điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa theo quy định.  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa theo quy định. |
| **Điều 9. Vi phạm quy định về thiết lập, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa**  1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì mỗi báo hiệu đường thủy nội địa theo quy chuẩn kỹ thuật hoặc không thỏa thuận thông số kỹ thuật, phương án bố trí mỗi báo hiệu trước khi thiết lập báo hiệu theo quy định. | **Bộ CA**: Tại Điều 9 sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 như sau “1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi **~~không duy trì mỗi báo hiệu đường thủy nội địa theo quy chuẩn kỹ thuật hoặc~~** không thỏa thuận thông số kỹ thuật, phương án bố trí mỗi báo hiệu trước khi thiết lập báo hiệu theo quy định. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | **Điều 10. Vi phạm quy định về thiết lập, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa**  1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thỏa thuận thông số kỹ thuật hoặc phương án bố trí mỗi báo hiệu trước khi thiết lập báo hiệu theo quy định. |
| 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập mỗi báo hiệu không đúng quy chuẩn kỹ thuật báo hiệu đường thủy nội địa hoặc thông tin chỉ dẫn trên báo hiệu không đúng quy định. | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập mỗi báo hiệu không đúng quy chuẩn kỹ thuật báo hiệu đường thủy nội địa **hoặc không duy trì mỗi báo hiệu đường thủy nội địa theo quy chuẩn kỹ thuật** hoặc thông tin chỉ dẫn trên báo hiệu không đúng quy định.” |  | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì mỗi báo hiệu theo quy định. |
| 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thiết lập mỗi báo hiệu trên luồng đường thủy nội địa, tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, vị trí vật chướng ngại, công trình, khu vực hoạt động trên đường thủy nội địa theo quy định hoặc phương án đã được duyệt. |  |  | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thiết lập mỗi báo hiệu trên luồng đường thủy nội địa, tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, vị trí vật chướng ngại, công trình, khu vực hoạt động trên đường thủy nội địa theo quy định hoặc phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. |
| **Điều 10. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa** | **Vụ KCHT:** Đề nghị bổ sung các hành vi vi phạm *lấn chiếm, nạo vét trái quy định* vào quy định của Điều 10. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì:  - Hành vi nạo vét trái quy định đã được quy định tại Điều 7 Dự thảo;  - Hành vi lấn chiếm được quy định tại điểm a khoản 8 Điều này. | **Điều 11. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa** |
| 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Đổ rác hoặc rơm, rạ xuống vùng nước đường thủy nội địa;  b) Buộc động vật vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng. | **TP. Hồ Chí Minh**:  Để cụ thể hóa hành vi vi phạm; đề nghị bổ sung:  Tại điểm a khoản 1 đề xuất bổ sung thêm từ “Đổ rác hoặc rơm, rạ xuống vùng nước đường thuỷ nội địa” thành *“Đổ rác, rơm, rạ* ***hoặc chất thải*** *xuống vùng nước đường thuỷ nội địa”.* | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì cụm từ "chất thải" có phạm vi rộng, có thể gây nhầm lẫn với các hành vi liên quan đến bảo vệ môi trường. | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Đổ rác hoặc rơm, rạ xuống vùng nước đường thủy nội địa;  b) Buộc động vật vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng. |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Trồng cây, để đồ vật, dựng lều, quán hoặc có hành vi khác che khuất hoặc làm hạn chế tác dụng của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc làm hạn chế tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;  b) Buộc phương tiện vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa. |  |  | 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Trồng cây, để đồ vật, dựng lều, quán hoặc có hành vi khác che khuất hoặc làm hạn chế tác dụng của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc làm hạn chế tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;  b) Buộc phương tiện vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa. |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi để đồ vật, tre, gỗ trôi tự do trong phạm vi luồng đường thủy nội địa. |  |  | 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi để đồ vật, tre, gỗ trôi tự do trong phạm vi luồng đường thủy nội địa. |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi để bùn, đất, cát, sỏi hoặc chất thải khác rơi, trôi xuống vùng nước đường thủy nội địa. | **Hải Dương, Bộ Nội vụ, Bộ KHĐT**: Khoản 4, Điều 10: Đề nghị quy định chi tiết hơn về nội dung hành vi vi phạm và có định lượng cụ thể hơn để làm căn cứ xác định hành vi vi phạm. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì mức phạt tương đối thấp, nhằm mục đích giáo dục, răn đe, tường hợp gấy ô nhiễm môi trường sẽ áp dụng các quy định XPVPHC lĩnh vực môi trường. | 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi để bùn, đất, cát, sỏi hoặc chất thải khác rơi, trôi xuống vùng nước đường thủy nội địa. |
| 5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi tự ý dịch chuyển mỗi báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc có hành vi khác làm mất tác dụng của mỗi báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa. | **TP. Hồ Chí Minh**: Tại khoản 5 đề xuất bổ sung thêm nội dung xử phạt đối với hành vi: ***Cố ý thực hiện dịch chuyển mỗi báo hiệu đường thuỷ nội địa nhiều lần***. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì mỗi lần thực hiện hành vi tự ý dịch chuyển mỗi báo hiệu đường thủy nội địa là một lần vi phạm hành chính, số lần tự ý thực hiện hành vi tương ứng với số lần bị xử phạt (Khoản 2 Điều 1 Luật sử đổi, bổ sung Luật XLVPHC 2020: "*Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng*"). | 5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Tự ý dịch chuyển mỗi báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng;  b) Có hành vi làm mất tác dụng của mỗi báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa. |
| 6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Tự ý tháo dỡ cấu kiện hoặc lấy đất, đá của công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;  b) Đổ bùn, đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác không đúng quy định xuống vùng nước đường thủy nội địa, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này. |  |  | 6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Tự ý tháo dỡ cấu kiện hoặc lấy đất, đá của công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;  b) Đổ bùn, đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác không đúng quy định xuống vùng nước đường thủy nội địa, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này;  c) Xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi không đúng quy định trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. |
| 7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Làm sạt lở kè, đập giao thông;  b) Điều khiển phương tiện hoặc để phương tiện đâm, va vào công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình hoặc gây cản trở giao thông. |  |  | 7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Làm sạt lở kè, đập giao thông;  b) Hành vi xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi không đúng quy định trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu. |
| 8. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Cố ý tạo vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa gây cản trở giao thông;  b) Sử dụng chất nổ làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa. |  |  | 8. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Xây dựng công trình, dựng nhà, làm nhà nổi không đúng quy định trong phạm vi luồng đường thủy nội địa;  b) Cố ý tạo vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa gây cản trở giao thông;  c) Điều khiển phương tiện hoặc để phương tiện đâm, va vào công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình hoặc gây cản trở giao thông, trừ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 25 Nghị định này;  d) Sử dụng chất nổ làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa. |
| 9. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc di chuyển phương tiện, cây, đồ vật, lều, quán, tre, gỗ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;  b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều này. |  |  | 9. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc di chuyển súc vật, phương tiện, cây, đồ vật, lều, quán, tre, gỗ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;  b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm a khoản 7, điểm b khoản 8 Điều này;  c) Buộc tháo dỡ nhà, nhà nổi, công trình vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6, điểm b khoản 7 và điểm a khoản 8 Điều này. |
| **Điều 11. Vi phạm quy định** **về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công công trình, nạo vét, hoạt động khoáng sản, tổ chức hoạt động trên vùng nước đường thủy nội địa** | **1. Trà Vinh**: Đề nghị bỏ cụm từ "tổ chức hoạt động" và bỏ điểm đ khoản 2 do trùng lặp với hành vi quy định tại Điều 13.  **2. Thanh tra Bộ**:  Tại Điều 11 của dự thảo, đề nghị bổ sung chế tài xử phạt đối với hành vi: đề xảy ra tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng | 1. Đề nghị giữa nguyên như dự thảo vì quy định này áp dụng đối với việc thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông khi triển khai các hoạt động.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì chỉ cần có hành vi để xảy ra tai nạn giao thông là áp dụng mức xử phạt cao nhất, còn trường hợphậu quả nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng sẽ do pháp luật hình sự xử lý. | **Điều 12. Vi phạm quy định về bảo đảm trật tự an, toàn giao thông đường thủy nội địa khi khai thác tài nguyên, khoáng sản**  1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi khai thác tài nguyên, khoáng sản.  2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau:  a) Không có phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trong suốt quá trình khai thác tài nguyên, khoáng sản;  b) Không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi khai thác tài nguyên, khoáng sản.  3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi khai thác tài nguyên, khoáng sản không đúng vị trí, phạm vi khu vực khai thác, cao độ nạo vét, khai thác theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền. |
| 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây:  a) Để phương tiện, thiết bị thi công gây cản trở giao thông;  b) Không rà quét, thanh thải vật chướng ngại sau khi thi công công trình, trục vớt phương tiện chìm đắm.  2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa trước khi thực hiện một trong các hoạt động sau đây trên vùng nước đường thủy nội địa:  a) Xây dựng công trình, trục vớt, thanh thải vật chướng ngại;  b) Nạo vét;  c) Khảo sát, thăm dò, khai thác cát, sỏi, bùn, đất hoặc khoáng sản khác;  d) Nuôi trồng thủy, hải sản; | **1. Bộ CA**: Tại Điều 11, bỏ điểm b khoản 1 vì trùng với quy định tại khoản 4 Điều 8  **2. Nam Định**: Đề nghị bổ sung cụm từ (hoặc thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông quá thời gian quy định) sau cụm từ (đảm bảo an toàn giao thông) tại khoản 2, cụ thể:  "2... không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông **hoặc thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông quá thời gian quy định** đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc ...:".  **3.** **Thái Bình**: Đề nghị bổ sung tại khoản 2 Điều 11 quy định buộc di dời dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện thủy nội địa. | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì khoản 4 Điều 8 quy định hành vi vi phạm khi thực hiện thi công công trình, trục vớt phương tiện chìm đắm, còn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 áp dụng sau khi thực hiện các hoạt động thi công mà không thu dọn.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì "thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông quá thời gian quy định" là một trường hợp của việc "thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông".  3. Đề nghị giữ nguyên vì đã được quy định tại 5 Điều 12 dự thảo. |
| đ) Tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, diễn tập (trừ trường hợp diễn tập bí mật quốc phòng, an ninh theo quy định). | **TP. Hồ Chí Minh**: Tại điểm đ khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 13 có nội dung bị trùng lắp như *“tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, diễn tập”.*  Do đó, đề xuất nhập 2 hai khoản thành 1 khoản vì có cùng một nội dung và tính chất sự việc. | Đề nghị giữa nguyên như dự thảo vì quy định này chỉ áp dụng đối với việc thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông khi triển khai các hoạt động. |
| 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận khi thực hiện một trong các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này trên vùng nước đường thủy nội địa. | **Cục HHVN**: Đề nghị xem xét bỏ hành vi: "… không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông…" để tránh trùng lặp với hành vi "thực hiện không đúng phương án đảm bảo an toàn giao thông" đã quy định tại khoản 2 Điều này. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì hành vi: "… không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông…" có tính chất nghiêm trọng hơn hành vi "thực hiện không đúng phương án đảm bảo an toàn giao thông". |
| 4. Phạt tiền từ 65.000.000 đến 75.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này **để xảy ra** tai nạn giao thông đường thủy nội địa. |  |  |
|  | **TP. Hồ Chí Minh**: Đề xuất bổ sung thêm khoản 5 về **“Biện pháp khắc phục hậu quả:**  *a) Buộc tạm ngừng thi công công trình và các hoạt động cho đến khi thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm an toàn giao thông thủy tại khu vực.*  *b) Buộc khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn giao thông đối với việc thi công công trình và các hoạt động khi chưa có phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.”*  Lý do: Để đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do đã có sự điều chỉnh, cân nhắc tính khả thi của quy định. |
| **Điều 12. Vi phạm quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trong hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đánh bắt thủy sản, hải sản lưu động gây cản trở giao thông.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản không đúng theo hướng dẫn của đơn vị quản lý đường thủy nội địa.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không dỡ bỏ dụng cụ, không di dời phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản ngay sau khi chấm dứt hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa;  b) Không dỡ bỏ, di chuyển, thu hẹp dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản theo thông báo của đơn vị quản lý đường thủy nội địa.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đặt dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trên luồng đường thủy nội địa.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc di dời dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;  b) Buộc dỡ bỏ, di dời, thu hẹp dụng cụ, phương tiện nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, hải sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này. | **1. Bộ CA**: Tại Điều 12, bổ sung thêm một khoản liền trước khoản 2 như sau **“Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản ngoài phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa.”** | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | **Điều 13. Vi phạm quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trong hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản (bè cá, lồng cá, đăng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản, hải sản)**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Đánh bắt thủy sản, hải sản lưu động hoặc đặt ngư cụ, dụng cụ khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản gây cản trở giao thông;  b) Không dỡ, di chuyển ngư cụ, dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản khi chấm dứt hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản hoặc không theo thông báo của đơn vị quản lý đường thủy nội địa;  c) Thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có phương án bảo đảm an toàn giao thông được cơ quan thẩm quyền chấp thuận;  b) Không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này.  c) Không có văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền về vị trí, phạm vi khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản.  3. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc di dời ngư cụ, dụng cụ khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;  b) Buộc dỡ bỏ, di dời, thu hẹp ngư cụ, dụng cụ khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. |
| **Điều 13. Vi phạm quy định về tổ chức hoạt động trên vùng nước đường thủy nội địa** |  |  | **Điều 14. Vi phạm quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa khi tổ chức hoạt động vui chơi giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội, họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề** |
| 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, điều tiết, chống va trôi, khảo sát, thăm dò trên vùng nước đường thủy nội địa không đúng phương án đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, điều tiết, chống va trôi, khảo sát, thăm dò trên vùng nước đường thủy nội địa mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động hoặc chấp thuận vùng hoạt động. | **Nam Định**: Đề nghị bổ sung cụm từ (hoặc thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông quá thời gian quy định) sau cụm từ (không đúng phương án) tại khoản 1. | Dự thảo bỏ quy định này do trùng với các nội dung đã được quy định tại khoản 1 Điều 9, điểm c, đ khoản 2 Điều 12 dự thảo. | 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa về vị trí, phạm vi tổ chức hoạt động;  b) Không có hoặc không thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa chấp thuận;  c) Họp chợ không đúng vị trí quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc gây cản trở giao thông;  d) Không đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố hạn chế giao thông theo quy định. |
| **Mục 2.** |  |  | **Mục 2.** |
| **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN** |  |  | **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN** |
| **Điều 14. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện** |  |  | **Điều 15. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè vào hoạt động mà không bảo đảm điều kiện an toàn theo quy định. | **1. Quảng Nam**: khoản 1 Điều 14 quy định hành vi “đưa phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè vào hoạt đông mà không đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định”: chưa phân định rõ đối tượng bị xử phạt, cần quy định rõ chủ thể vi phạm là người điều khiển hay phương tiện.  **2. Bộ CA**: Bổ sung khoản 1 như sau “... phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người **hoặc phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước** hoặc bè vào hoạt động mà không bảo đảm điều kiện an toàn theo quy định **tại điểm a khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường thủy nội địa**”. | 1. Tiếp thu, dự thảo đã điều chỉnh lại cách diễn đạt phù hợp.  2. Tiếp thu **một phần** liên quan đến dẫn chiếu, chỉnh sửa trong dự thảo.  Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. | **Điều 15. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không kẻ, sơn, gắn số đăng ký hoặc kẻ, sơn, gắn số đăng ký của phương tiện không đúng quy định hoặc số đăng ký phương tiện bị che khuất, bong tróc, mất dấu;  b) Không kẻ, sơn, gắn vạch dấu mớn nước an toàn (dấu mạn khô) của phương tiện hoặc kẻ, sơn, gắn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện không đúng theo quy định hoặc vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện bị che khuất, bong tróc, mất dấu;  c) Không kẻ, sơn, gắn biển ghi số người hoặc kẻ, sơn, gắn biển ghi số người được phép chở trên phương tiện không đúng quy định hoặc biển ghi số người bị che khuất, bong tróc, mất dấu;  d) Không có biển hiệu theo quy định, áp dụng đối với phương tiện chở khách du lịch; đ) Khai thác, sử dụng phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè không bảo đảm điều kiện an toàn theo quy định.  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người:  a) Không mang theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực và giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện thế chấp);  b) Không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc khai báo không đúng sự thật để đăng ký phương tiện theo quy định.  3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người:  a) Không mang theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực và giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện thế chấp);  b) Không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo quy định;  c) Không đăng ký lại phương tiện theo quy định;  d) Không đăng kiểm lại phương tiện theo quy định;  đ) Không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc khai báo không đúng sự thật để đăng ký, đăng kiểm phương tiện theo quy định.  4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người:  a) Vi phạm một trong các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;  b) Không có sổ danh bạ thuyền viên theo quy định. |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người khi có một trong các hành vi vi phạm dưới đây: | **1. NHNN Việt Nam:** Đề nghị bổ sung "Giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện thế chấp" cho thống nhất với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 49 dự thảo.  **2. Sở GTVT Cà Mau**: Bổ sung hành vi vi phạm "Không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện" đối với các nhóm, loại phương tiện chưa được quy định tại khoản 2 Điều 14 như: Phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người…; phương tiện có động cơ sức chở trên 100 khách; phà có sức chở trên 100 khách… | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| a) Không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; | **Bộ QP**: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 14 như sau: "Không có hoặc không mang theo bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện" vì theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân được thế chấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng, tổ chức tín dụng. Thực tế hiện nay, nhiều trường hợp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được thế chấp tại ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng; quá trình khai thác, sử dụng phương tiện, chủ phương tiện hoặc người quản lý phương tiện chỉ mang bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.  **Sở GTVT Bắc Kạn, Hà Tĩnh, Trà Vinh, Thái Bình**; **Thanh tra Bộ, Bộ QP, Bộ CA:**  Tại điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 14 của dự thảo, đề nghị tách cụm từ “Không có hoặc không mang theo” thành 02 hành vi: “Không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện” và “Không mang theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện”; bổ sung chế tài xử phạt đối với hành vi “Không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện” với mức xử phạt theo hướng cao hơn, lý do: cho phù hợp với quy định tại Luật Xử lý VPHC năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều năm 2020). |  |
| b) Không kẻ, không gắn số đăng ký hoặc kẻ, gắn số đăng ký của phương tiện không đúng quy định hoặc số đăng ký phương tiện bị che khuất; | **1. Bộ QP:** Bổ sung cụm từ "bong tróc, mất dấu" vào liền cuối điểm b, d, vì đây, là hành vi tương tự được quy định tại các điểm này, làm ảnh hưởng đến việc quan sát, nắm số đăng ký phương tiện.  **2. Quảng Nam**: Đối với điểm b khoản 2 hành vi “không kẻ, không gắn số đăng ký hoặc kẻ, gắn số đăng ký của phương tiện không đúng quy định hoặc số đăng ký phương tiện bị che khuất” là hành vi vi phạm của chủ phương tiện nhưng dự thảo NĐ lại không ghi rõ chủ thể vi phạm, điều này cũng tương tự đối với điểm c, d khoản 2. | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì hình thức xử phạt được áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi. |
| c) Không sơn vạch dấu mớn nước an toàn (dấu mạn khô) của phương tiện hoặc kẻ vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện không đúng theo quy định hoặc bị che khuất; | **Bộ QP:** Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau: "Không **kẻ** vạch dấu mớn nước an toàn (dấu mạn khô) của phương tiện hoặc kẻ vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện không đúng theo quy định hoặc bị che khuất, **bong tróc, mất dấu**"; để phù hợp với thuật ngữ "kẻ" đã được sử dụng tại các điểm, khoản, điều trong dự thảo Nghị định. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo |
| d) Không kẻ, gắn biển ghi số người hoặc kẻ, gắn biển ghi số người được phép chở trên phương tiện không đúng quy định hoặc biển ghi số người bị che khuất; |  |  |
| đ) Không ghi nhật ký hành trình của phương tiện theo quy định. | **Bộ QP**: Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau: "Không ghi hoặc ghi không đầy đủ nhật ký hành trình hoặc nhật ký máy của phương tiện theo quy định", để bảo đảm chặt chẽ, đầy đủ đối với hành vi vi phạm này.  **Hải Dương**: Điểm đ, Khoản 2, Điều 14: Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và các mức xử phạt tại các quy định khác xuyên suốt Dự thảo Nghị định, đề nghị tăng mức phạt tiền đối với hành vi “Không ghi nhật ký hành trình của phương tiện theo quy định” do việc “ghi nhật ký hành trình của phương tiện” rất quan trọng trong hoạt động vận tải thủy nội địa, liên quan đến trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền trưởng và thuyền viên, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình quản lý, theo dõi, giám sát các hoạt động của phương tiện, hành trình phương tiện và công tác bảo đảm trật tự ATGT, đặc biệt cần thiết khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa.  **Cục ĐKVN, Thái Bình**: Kiến nghị bỏ vì theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT thì sổ nhật ký hành trình chỉ yêu cầu đối với phương tiện có trọng tải từ 250 tấn trở lên, từ 50 khách trở lên. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo |
|  | **Cục ĐKVN:** Đề nghị bổ sung quy định:Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này hoặc không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực ~~hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định~~, như sau: phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng phương tiện không có sổ danh bạ thuyền viên hoặc không có sổ nhật ký phương tiện theo quy định hoặc phương tiện chở khách du lịch không có biển hiệu theo quy định, như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;  b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;  c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. | **1. Bộ QP**: Tại khoản 3 Điều 14 bổ sung cụm từ "hoặc Sổ nhật ký hành trình hoặc Sổ nhật ký máy" vào sau cụm từ "Sổ danh bạ thuyền viên" để thống nhất nội dung các hành vi vi phạm trong dự thảo Nghị định. Khoản này được viết lại như sau: "Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng phương tiện không có Sổ danh bạ thuyền viên hoặc ***Sổ nhật ký hành trình hoặc Sổ nhật ký máy theo quy định*** hoặc phương tiện chở khách du lịch không có biển hiệu theo quy định, như sau:".  **2. Đà Nẵng**: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 14 như sau: "Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng phương tiện không có sổ danh bạ thuyền viên **hoặc không ghi danh sách thuyền viên vào số danh bạ thuyền viên** hoặc không có sổ nhật ký phương tiện hoặc **không ghi nhật ký phương tiện** theo quy định hoặc phương tiện chở khách du lịch không có biển hiệu theo quy định, như sau".  **3. Ninh Bình**: Đề nghị bổ sung hành vi "**không ghi chép hoặc ghi chép không đầy đủ, không đúng nhật ký hành trình của phương tiện"** vì hiện nay rất nhiều phương tiện có sổ nhật ký phương tiện nhưng không ghi chép hoặc ghi chép không đầy đủ. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo |
| 4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này hoặc không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, như sau: | **Hà Tĩnh, Trà Vinh, Bộ Tư pháp, Bộ QP**: Khoản 4 Điều 14: Tách lỗi vi phạm “*không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định*” thành lỗi vi phạm riêng biệt với mức xử phạt khác nhau cho phù hợp với khoản 1 Điều 53 dự thảo.  **Bộ CA**: Khổ thứ nhất Khoản 4 sửa đổi, bổ sung như sau “Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này **~~hoặc không có~~** hoặc không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện **~~hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định~~**, như sau:" | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người; | **Bộ CA**: Điểm a, khoản 4 bổ sung như sau “a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng …, **phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước”.** | Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. |
| b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; | **Bộ CA**: Điểm b khoản 4, Điều 14 bổ sung xử phạt phương tiện từ 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa. | Tiếp thu, dự thảo đã rà soát, điều chỉnh lại các nhóm phương tiện cho phù hợp và đầy đủ. |
| c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa; |  |  |
| d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  |
| 5. Phạt tiền từ 3.000.000 đến 5.000.000 đối với phương tiện chở dầu có tổng dung tích từ 150RT trở lên, phương tiện chở hàng có tổng dung tích từ 400RT trở lên không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt theo quy định. | **Bộ QP**: Tại khoản 5 Điều 14, đề nghị sửa đổi ký hiệu "RT" thành "GT" để bảo đảm đúng quy định của Công ước quốc tế về dung tích. | Dự thảo bỏ quy định này do đã được quy định tại khoản 2 Điều 34 dự thảo. |
| 6. Hình thức xử phạt bổ sung: | **2. Đồng Tháp**:  Kiến nghị bổ sung: "Đình chỉ hoạt động của phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi không có giấy…. không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát việc đình chỉ hoạt động".  Lý do: Hành vi vi phạm áp dụng hình thức phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của phương tiện gặp rất nhiều khó khăn trong việc giám sát người vi phạm có hay không thực hiện việc đưa phương tiện vào hoạt động trong thời gian bị đình chỉ. Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn Tỉnh chưa có các bến, bãi để thực hiện việc tạm giữ phương tiện trong thời gian bị đình chỉ hoạt động.  **3. Bộ TN&MT:**  Tại khoản 6 Điều 14, đề nghị xem lại quy định áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đối với tất cả các hành vi vi phạm tại Điều này hay không. | Dự thảo bỏ quy định này do phương tiện không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định đương nhiên không đủ điều kiện hoạt động và không được hoạt động. |
| Đình chỉ hoạt động của phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định. |
| **Điều 15. Vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện**  **(Tích hợp vào Điều 15 mới)** | **1. Cần Thơ:** Bổ sung quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện đối với mô tô chạy nước vào Điều 15 dự thảo.  Hiện nay, tình trạng các mô tô nước chạy với tốc độ cao, không đăng ký, đăng kiểm diễn ra nhiều làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người dân, tiềm ẩn nguy cơ cao về tai nạn trên đường thủy nhưng chưa được xử lý kịp thời do cần phải có sự kết hợp giữa các cơ quan chức năng liên quan, dẫn đến tính răn đe, ngăn chặn không cao. Do đó, đề nghị cơ quan chức năng bổ sung thêm Điều, khoản, điểm quy định về đăng ký, đăng kiểm đối với mô tô chạy nước để tăng biện pháp chế tài cho lực lượng cảnh sát giao thông đường thủy xử lý đối với các phương tiện này, góp phần hạn chế thấp nhất các nguy cơ tiềm ẩn tai nạn.  **2. Lai Châu**: đề nghị bổ sung thêm nội dung về mức xử phạt đối với “Phương tiện sử dụng các loại động cơ có công suất máy chính dưới 5 sức ngựa, hoặc có sức chở dưới 5 người”.  **3.** **Thanh tra Bộ:**  Nên tách Điều 16 vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện thành 2 điều riêng, để có thể quy định đầy đủ các hành vi vi phạm trong hoạt động đăng ký, đăng kiểm phương tiện. | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật GTĐTNĐ, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 48/2019/NĐ-CP, loại hình phương tiện này là phương tiện thủy nội địa, phải thực hiện đăng ký, đăng kiểm theo quy định tương ứng.  2. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nhóm hành vi này có nhiều điểm tương tự và trong quá trình dự thảo, đã rà soát các hành vi đẩm bảo tính đày đủ, thống nhất. |
| 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc không nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định, như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;  c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;  d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. | **1. Quảng Nam**: Tại khoản 1 Điều 15 quy định “Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc không nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định” là hành vi vi phạm của chủ phương tiện, đề nghị dự thảo bổ sung “xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ phương tiện không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc không nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định.  **2. Bộ CA**: Điểm a, khoản 1 bổ sung như sau “Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người **hoặc phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước**” | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì hình thức xử phạt được áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi.  2. Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. |
| 2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi khai báo không đúng sự thật để đăng ký, đăng kiểm phương tiện; mượn, thuê, cho mượn, cho thuê thiết bị, dụng cụ để được đăng kiểm, như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;  c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;  d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. | **Thanh tra Bộ**: Tại khoản 2 Điều 15 của dự thảo, đề nghị bổ sung hành vi “không khai báo”, do đó viết lại thành cụm từ: “Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi không khai báo hoặc khai báo không đúng sự thật để đăng ký, đăng kiểm phương tiện”. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì trường hợp làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm phải thực hiện hành vi khai báo mới có thể được cấp đăng ký, đăng kiểm. |
| 3. Xử phạt đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không đúng quy định hoặc kẻ, gắn biển số đăng ký giả trên phương tiện, như sau:  a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;  c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;  d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. | **1. Bộ QP, Thái Bình**: Tại khoản 3, 4 Điều 15, đề nghị làm rõ thế nào là sử dụng không đúng và Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không đúng quy định, để thống nhất áp dụng giữa hai khoản này.  **2. Thanh tra Bộ**:  Tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 của dự thào, đề nghị thay cụm từ “đúng quy định” bằng cụm từ “do cơ quan có thẩm quyền cấp”.  **3. Bộ CA**: Bỏ khoản 3, bổ sung vào 02 khoản mới như sau:  *“(1) Xử phạt vi phạm hành chính từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc đối với hành vi phương tiện hoạt động mà không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện không đúng quy định hoặc quá 90 ngày kể từ ngày phải đăng ký lại phương tiện theo quy định.*  *(2) Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm tại khoản (1) Điều này hoặc phương tiện hoạt động mà không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực hoặc phương tiện không bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hoặc hành vi sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không đúng quy định hoặc kẻ, gắn biển số đăng ký giả trên phương tiện, như sau:*  *a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người; phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;*  *b) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;*  *c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;*  *d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.”* | 1,2. Tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng liệt kê cụ thể các trường hợp.  3. Tiếp thu một phần về chia nhóm phương tiện. Dự thảo đã ra soát lại, đảm bảo không bỏ sót các nhóm phương tiện và có mức xử phạt phù hợp.  Không tiếp thu nội dung sử dụng giấy chứng nhận quá 90 ngày kể từ ngày phải đăng ký lại phương tiện theo quy định vì nội dung này chỉ cần cấu thành hành vi, không yêu cầu điều kiện quá bao nhiêu ngày.  Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. |
| 4. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tịch thu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không đúng quy định, biển số đăng ký giả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. | **1. Hải Dương**: Tại Khoản 4, Điều 15: Đề nghị bổ sung thành: “*4. Hình thức .. … khoản 3 Điều này* ***hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đã được cấp do hành vi khai báo không đúng sự thật để đăng ký, đăng kiểm phương tiện; mượn, thuê, cho mượn, cho thuê thiết bị, dụng cụ để được đăng kiểm quy định tại khoản 2 Điều này.****”*  **2. Bộ Tư pháp***:*  Khoản 4 Điều 15 dự thảo Nghị định quy định hình thức xử phạt bổ sung “Tịch thu … các hành vi “sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không đúng quy định” quy định tại khoản 3 Điều này. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng đây là những loại giấy tờ, điều kiện để hoạt động của phương tiện thủy nội địa (Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa), việc quy định áp dụng hình thức tịch thu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường là không hợp lý, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng vi phạm.  **3. Bộ CA**: Khoản 4 bổ sung như sau: “*a)* Tịch thu … tại khoản 3 Điều này.  *b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng.”* | 1. Tiếp thu ý kiến của Hải Dương, Bộ Công an, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Đối với ý kiến của Bộ Tư pháp: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo bởi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường bị tẩy, xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp không đảm bảo tính pháp lý nên không thể được tiếp tục sử dụng.  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 81/2013/NĐ-CP. |
| 5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc xóa số đăng ký giả kẻ trên phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. | **Hải Dương:** Tại Khoản 5, Điều 15: Đề nghị bổ sung: *“5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc xóa số đăng ký giả kẻ trên phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.* ***Buộc các phương tiện có hành vi vi phạm tại khoản 2, khoản 3 Điều này buộc phải đăng ký, đăng kiểm lại trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông****”* | Đề nghị không bổ sung nội dung vì hoạt động đăng ký, đăng kiểm lại trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông là hoạt động bắt buộc phải thực hiện theo quy định.  Đồng thời, dự thảo bỏ quy định này do hành vi kẻ số đăng ký giả tại Điều này được loại bỏ (đã có quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 dự thảo) |
| **Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện** | **Quảng Nam:**  Các hành vi vi phạm tại Điều 16 đều là hành vi của chủ phương tiện nên đề nghị bổ sung: “Điều 16. Xử phạt chủ phương tiện vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện:" | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì hình thức xử phạt được áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi. | **Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện**  **(*Dự thảo kết cấu lại cách viết cho hợp lý*)** |
| 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi hành vi trang bị không đủ số lượng hoặc không đúng chủng loại, bố trí không đúng vị trí, sử dụng quá thời hạn quy định của thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cá nhân), dụng cụ cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện, áp dụng đối với mỗi thiết bị, dụng cụ theo quy định như sau: | **1. Bộ QP**: Đề nghị bổ sung hành vi "không có sơ đồ hệ thống cứu hỏa" và hành vi "trang, thiết bị, dụng cụ an toàn, dụng cụ cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy không đảm bảo chất lượng" vào khoản 1 Điều 16; vì đây là những thiết bị, dụng cụ, yếu tố bảo đảm an toàn phương tiện đã được pháp luật quy định.  **2. Bộ CA**: Khoản 1, khoản 2 bổ sung xử phạt đối với phương tiện từ 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa. | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định này chỉ áp dụng đối với phương tiện. Căn cứ quy định tại NĐ số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 24/11/2020, phương tiện thủy không thuộc danh mục phải lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.  2. Tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị hoặc trang bị không đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân theo quy định, mức phạt tính trên mỗi áo phao, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa, mức phạt tính trên mỗi thiết bị, dụng cụ:  a) Trang bị không đủ số lượng thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân), dụng cụ cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện;  b) Trang bị không đúng chủng loại, bố trí không đúng vị trí, sử dụng quá thời hạn quy định của thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân), dụng cụ cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện.  3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người.  5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người, phương tiện có công dụng tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi. |
| a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa; | **Bộ CA**: Điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2 bổ sung như sau “Phạt tiền ... hoạt động trên đường thủy nội địa **hoặc phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước”.** | Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. |
| b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa (sau đây viết tắt là sức ngựa) hoặc có sức chở dưới 05 người; |  |  |
| c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người; |  |  |
| d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; |  |  |
| đ) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa; |  |  |
| e) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  |
| 2. Xử phạt đối với hành vi không trang bị hoặc trang bị không đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân, áp dụng đối với mỗi áo phao, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân theo quy định, như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa;  b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa (sau đây viết tắt là sức ngựa) hoặc có sức chở dưới 05 người;  c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;  d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;  đ) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;  e) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. | **1. Đồng Tháp**:  - Theo quy định trong  Dự thảo sẽ có 02 cách hiểu như sau:  + Cách hiểu 1: Kiểm tra phương tiện 49 khách trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện (quy định trang bị 50 áo phao) sau đó đối chiếu với số lượng áo phao thực tế (áo phao thực tế có 45 áo, thiếu 05 áo). Người có thẩm quyền xử phạt sẽ căn cứ vào sức chở, trọng tải toàn phần, công suất máy của phương tiện để tiến hành xử phạt người vi phạm (thiếu 05 áo phao, Mức tiền phạt 6.000.000 đồng).  + Cách hiểu 2: Người có thẩm quyền xử phạt sẽ tiến hành xử phạt trên mỗi áo phao trang bị thiếu (thiếu 05 áo pháo x bình quân của khung tiền phạt đối với phương tiện đến 50 khách là 6.000.000 đồng = Mức tiền phạt 30.000.000đ).  - Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể cách xác định hành vi vi phạm như nêu ở trên và các hành vi tương tự được quy định tại Điều 33; nhằm thống nhất cách áp dụng mức tiền phạt.  **2. Thái Bình:** Tách hành vi không trang bị và trang bị không đầy đủ thành hai mức xử phạt khác nhau. | 1. Ý kiến của Đồng Tháp: Tiếp thu, bỏ quy định tách nhóm phương tiện, quy định chung một mức xử phạt đối với tất cả các loại phương tiện.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì mức phạt áp dụng đối với mỗi trang thiết bị thiếu. |  |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lắp thiết bị thông tin trên mỗi phương tiện theo quy định hoặc thiết bị thông tin liên lạc không hoạt động, áp dụng đối với mỗi thiết bị. | **1. Bộ QP**: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau để đảm bảo chặt chẽ đối với hành vi không lắp, lắp nhưng không duy trì hoạt động: "Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lắp **hoặc không duy trì hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc** trên mỗi phương tiện theo quy định, áp dụng đối với mỗi thiết bị **trừ trường hợp thiết bị thông tin** **liên lạc** **bị hư hỏng nhưng chưa khắc phục được vì lý do khách quan**".  **2. Hải Dương**:  **2.1.** Đề nghị bổ sung: *“3. Phạt tiền từ … trên mỗi phương tiện theo quy định* ***bắt buộc phải lắp đặt*** *hoặc thiết bị thông tin ..".* | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, căn cứ Điều 11 Luật XLVPHC.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì yêu cầu "theo quy định" đã đảm bảo tính bắt buộc. | 6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt, trang bị thiết bị thông tin hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) trên mỗi phương tiện theo quy định hoặc không duy trì hoạt động của thiết bị thông tin hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định, áp dụng đối với mỗi thiết bị. |
| 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với các hành vi không lắp đặt, trang bị thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoặc không duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này. | **2.2.** *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng … theo quy định* ***đối với các phương tiện bắt buộc phải lắp đặt****, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này.”* Ngày 04/4/2018, Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành Quyết dịnh số 666/QĐBGTVT phê duyệt Đề án lắp đặt thiết bị tự động nhận dạng AIS và trang bị VHF trên phương tiện thủy nội địa, tuy nhiên, theo Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa, mới quy định việc lắp đặt các thiết bị này trên một số phương tiện vận tải hành khách (Điều 6, 7, 8); thực tế, nhiều phương tiện thủy nội địa (đặc biệt là phương tiện nhỏ) chưa được trang bị, lắp đặt các thiết bị này. Việc xử phạt VPHC đối với các hành vi liên quan đến lắp đặt thiết bị thông tin liên lạc và thiết bị nhận dạng tự động (AIS) quy định tại Khoản 3, 4 Điều 16 của Dự thảo đề nghị có lộ trình cụ thể về thời gian thực hiện (cần có các văn bản quy phạm pháp luật quy định về nội dung cụ thể, chi tiết trước khi triển khai và có thời gian tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trước khi thực hiện kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm).  **3. TP. Hồ Chí Minh:**  Đề nghị bổ sung thêm hành vi quy định tại khoản 4 như sau: Không lắp đặt thiết bị định vị và camera giám sát hành trình trên phương tiện khi tham gia vận chuyển khoáng sản. | Nội dung góp ý không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo. Đồng thời, gộp nội dung khoản 3 vào khoản 4 cũ thành khoản 6 dự thảo mới.  3. Nội dung đề nghị đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 dự thảo. |  |
| **Điều 17. Vi phạm quy định về công dụng, vùng hoạt động của phương tiện** | **Bộ QP:** Đề nghị bổ sung hành vi "vi phạm quy định về tuyến hoạt động của phương tiện", vì hành vi này thường xuyên xảy ra trên thực tế, thuộc nhóm hành vi vùng hoạt động của phương tiện. | Đề nghị giữa nguyên vì vùng hoạt động của phương tiện được ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do cơ quan đăng kiểm cấp. Đồng thời, quy định này để phù hợp với Luật Giao thông đường thủy nội địa, tại khoản 3 Điều 77 Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định như sau: “Người vận tải đường thủy nội địa chỉ được đưa phương tiện vào khai thác đúng với công dụng và vùng hoạt động theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm”. | **Điều 17. Vi phạm quy định về công dụng, vùng hoạt động của phương tiện**  ***(Kết cấu lại cách diễn đạt cho phù hợp)*** |
| Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đưa phương tiện vào khai thác không đúng công dụng hoặc không đúng vùng hoạt động của phương tiện theo quy định như sau: |  |  | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Khai thác, sử dụng phương tiện không đúng công dụng;  b) Khai thác không đúng vùng hoạt động của phương tiện.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.  5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người; | **Bộ CA**: Khoản 1 sửa đổi, bổ sung như sau: “1. Phạt tiền từ ... có sức chở dưới 5 người **hoặc phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước hoặc phương tiện thể thao”;** | Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người. |  |  |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa. |  |  |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa. |  |  |
| 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  |
| 6. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này. | **Quảng Nam**: Đề nghị bổ sung như sau:  “Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn của người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điều này".  **Bộ CA**: Khoản 6 sửa đổi, bổ sung như sau “6. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại *khoản 3, 4,5* Điều này." | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 6. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của của thuyền viên, người lái phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này. |
| **Điều 18. Vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện** |  |  | **Điều 18. Vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đối với hành vi khai thác phương tiện quá niên hạn sử dụng theo quy định. | **1. Bộ QP**: Đề nghị cụ thể hóa thời gian khai thác phương tiện quá niên hạn sử dụng để áp dụng được thống nhất về hình thức xử phạt, mức xử phạt (ví dụ: Quá 01 tháng, 02 tháng,… hay 01 năm, 02 năm,…).  **2. Hải Dương**:  Đề nghị sửa khoản 1 Điều 18 thành: “*1. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000* ***đồng*** *đối với hành vi khai thác phương tiện quá niên hạn sử dụng theo quy định".* | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì hành vi khai thác phương tiện quá niên hạn sử dụng được xử phạt ở mức cao nhất theo quy định, do vậy, chỉ cần xảy ra hành vi khai thác phương tiện quá niên hạn là cấu thành hành vi vi phạm.  2. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi khai thác, **sử dụng** phương tiện quá niên hạn sử dụng theo quy định. |
| 2. Hình thức xử phạt bổ sung: | **Hải Dương**:  Đề nghị sửa khoản 2 Điều 18 thành:  *Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ* ***10 tháng đến 12 tháng*** *đối với hành vi vi phạm quy định tại* ***Khoản 1*** *Điều này.* | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đây là hình thức xử phạt bổ sung, mức xử phạt như vậy là phù hợp. | 2. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này. | Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. |
| **Điều 19. Vi phạm quy định về đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện** |  |  | **Điều 19. Vi phạm quy định về hoạt động đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định; |  |  | a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định; |
| b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định; |  |  | b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định; |
| c) Không có đủ cơ sở vật chất hoặc thiếu một trong những trang thiết bị phục vụ nhu cầu đóng mới, sửa chữa tàu hoặc trang thiết bị không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện theo quy định; |  |  | c) Không có đủ cơ sở vật chất hoặc thiếu một trong những trang thiết bị phục vụ nhu cầu đóng mới, sửa chữa phương tiện hoặc trang thiết bị không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện theo quy định; |
| d) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý tại cơ sở theo quy định; |  |  | d) Không có hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý tại cơ sở theo quy định; |
| đ) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án đảm bảo an toàn **giao thông** khi hạ thủy phương tiện theo quy định. |  |  | đ) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án đảm bảo an toàn giao thông khi hạ thủy phương tiện theo quy định. |
| 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không có hồ sơ hoặc thực hiện không đúng hồ sơ thiết kế được cơ quan đăng kiểm thẩm định khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thuộc diện đăng kiểm; |  |  | a) Không có hồ sơ hoặc thực hiện không đúng hồ sơ thiết kế được cơ quan đăng kiểm thẩm định khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thuộc diện đăng kiểm; |
| b) Không đảm bảo điều kiện giám sát, quản lý chất lượng khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện theo quy định; |  |  | b) Không đảm bảo điều kiện giám sát, quản lý chất lượng khi đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện theo quy định; |
| c) Thiếu từ 01 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ đóng tàu theo quy định. |  |  | c) Thiếu từ 01 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ đóng tàu theo quy định. |
| 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện tự ý hoán cải, thay đổi tính năng, kết cấu, công dụng của phương tiện so với thiết kế ban đầu vào hoạt động. | **Bộ CA**: Tại khoản 3 Điều 19 bổ sung như sau “Phạt tiền ... đối với hành vi **tự ý hoán cải, thay đổi tính năng, kết cấu, công dụng của phương tiện so với thiết kế ban đầu hoặc đưa phương tiện tự ý hoán cải vào hoạt động”.** | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện tự ý hoán cải chỉ có ảnh hưởng đến giao thông đường thủy nội địa khi được đưa vào họat động. | 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện thuộc diện đăng kiểm tự ý hoán cải, thay đổi tính năng, kết cấu, công dụng của phương tiện so với thiết kế ban đầu vào hoạt động. |
| 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vikhông có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. | **Tiền Giang:**  Tại khoản 4 Điều 19 của dự thảo Nghị định: “phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy đinh”, đề nghị bỏ đối với hành vi này. Lý do: hành vi này trùng lắp với Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã quy định (tại điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 11). | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đây là những hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định này để đảm có thể bao quát được tất cả các hành vi vi phạm liên quan đến giao thông đường thủy nội địa; đồng thời đảm bảo phù hợp với khoản 5 Điều 2 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP “…Trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực này nhưng do tính chất vi phạm đặc thù của hành vi đó, thì có thể quy định và xử phạt trong nghị định xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực khác…” | 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. |
| 5. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã khi hành nghề đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện theo quy định. |  |  | 5. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã khi hành nghề đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện theo quy định. |
|  |  |  | 6. Hình thức xử phạt bổ sung  Đình chỉ hoạt động cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này cho đến khi hoàn thành các điều kiện cần thiết theo quy định. |
| 6. Biện pháp khắc phục hậu quả  Buộc tháo dỡ phần hoán cải phương tiện thuộc diện đăng kiểm không đúng quy định theo điểm a khoản 2 và **khoản 3** Điều này. | TP. HCM: Đề nghị bổ sung hình thức xử phạt bổ sung tịch thu các máy móc, thiết bị khác tự ý lắp, gắn lên phương tiện (các máy móc không đúng với hồ sơ kỹ thuật phương tiện) đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. |  | 7. Biện pháp khắc phục hậu quả  Đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm tự ý hoán cải quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này, chủ phương tiện phải thực hiện đăng kiểm theo quy định. Trường hợp phần hoán cải được cơ quan đăng kiểm kiểm tra không thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật theo quy định thì buộc phải tháo dỡ. |
| **Mục 3.** |  |  | **Mục 3.** |
| **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN, CHỦ PHƯƠNG TIỆN** |  |  | **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN, CHỦ PHƯƠNG TIỆN** |
| **Điều 20. Vi phạm quy định về trách nhiệm của chủ phương tiện, người thuê phương tiện** |  |  | **Điều 20. Vi phạm quy định về trách nhiệm của chủ phương tiện, người thuê phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không lập sổ danh bạ thuyền viên theo quy định. | **Bộ QP**: Bổ sung hành vi "không lập Sổ nhật ký hành trình hoặc Sổ nhật ký máy đối với phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 250 tấn trở lên hoặc phương tiện chở khách có sức chở từ 50 khách chở lên" vào khoản 1, để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa. | Dự thảo đã bỏ nội dung này do trùng với quy định tại Điều 15 dự thảo quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện. |  |
| 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây của chủ phương tiện, người thuê phương tiện: |  |  | 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ phương tiện, người thuê phương tiện có mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Giao người không đủ điều kiện về sức khỏe, tuổi, không có chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định điều khiển (lái) phương tiện, làm việc trên phương tiện; | **1. Đồng Tháp:**  Tại điểm a khoản 2 Điều 20, Kiến nghị bổ sung: Giao người không đủ điều kiện về sức khỏe….. giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn không phù hợp theo quy định điều khiển (lái) phương tiện, làm việc trên phương tiện.  **2. Trà Vinh**: Đề nghị sửa như sau: "**Trực tiếp** giao người không đủ điều kiện…" để có chế tài xử phạt đối với cá nhân vừa là chủ phương tiện vừa điều khiển phương tiện không đủ các điều kiện theo quy định.  **3. Bộ CA**: Điểm a, khoản 2 bổ sung như sau “a) …, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn**,** *giấy chứng nhận lái phương tiện* theo quy định điều khiển (lái) phương tiện, làm việc trên phương tiện”. | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì trường hợp người điều khiển phương tiện không đáp ứng quy định sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 22, 23 của Dự thảo.  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì theo quy định của pháp luật nội dung hiện nay không còn giấy chứng nhận lái phương tiện. | a) Giao người không đủ điều kiện về sức khỏe, tuổi, không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn không phù hợp theo quy định điều khiển (lái) phương tiện, làm việc trên phương tiện; |
| b) Sử dụng thuyền viên làm việc quá thời gian quy định; |  |  | b) Không bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên làm việc trên phương tiện theo quy định;  c) Không bố trí cho thuyền viên nghỉ đủ số ngày nghỉ hằng năm theo quy định; |
| c) Không bố trí đủ định biên thuyền viên theo quy định hoặc sử dụng thuyền viên không có tên trong danh bạ thuyền viên. | **1. Bộ QP**:  - Bổ sung đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là "thuyền trưởng" vào điểm c khoản 2 vì thực tế, nhiều trường hợp chủ tàu khoán cho thuyền trưởng quản lý hoạt động của phương tiện theo chuyến và để giảm chi phí phát sinh thuê nhân công, thuyền trưởng thường sử dụng người (thuyền viên) làm việc trên tàu không đủ định biên và không ghi vào Sổ danh bạ thuyền viên theo quy định của pháp luật.  - Đề nghị cân nhắc nghiên cứu gộp hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 quy định xử phạt đối với hành vi "không lập Sổ danh bạ thuyền viên theo quy định" vào khoản 3 Điều 14 thành hành vi "sử dụng phương tiện không lập Sổ danh bạ thuyền viên hoặc không lập Sổ nhật ký hành trình hoặc Sổ nhật ký máy của phương tiện hoặc sử dụng các loại số này không đúng mẫu quy định", vì các khoản này đều quy định về Sổ danh bạ thuyền viên, Sổ nhật ký hành trình, Sổ nhật ký máy và có chế tài xử phạt tương đương nhau.  **2. Đồng Tháp**: Tại điểm c khoản 2 Điều 20 dự thảo, Kiến nghị sửa đổi: Chuyển hành vi vi phạm được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 sang khoản 1 Điều 21. Lý do: Căn cứ Điều 6 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa quy định: “Thuyền trưởng là người chỉ huy cao nhất trên phương tiện ….” nên việc bố trí đủ định biên thuyền viên hoặc sử dụng thuyền viên là trách nhiệm của thuyền trưởng không phải trách nhiệm của chủ phương tiện. | 1. - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì chế tài xử phạt hành vi vi phạm của thuyền trưởng đã được quy định tại Điều 21 Dự thảo.  - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì khoản 3 Điều 14 quy định xử phạt hành vi không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019. | d) Không bố trí đủ định biên thuyền viên theo quy định hoặc sử dụng thuyền viên không có tên trong danh bạ thuyền viên; |
|  |  | Bổ sung theo ý kiến góp ý của Hải Dương tại khoản 2 Điều 21. | đ) Nhận, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện hoạt động hoặc không đủ định biên theo quy định; |
|  |  |  | e) Nhận, sử dụng thuyền viên làm việc trên phương tiện không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định. |
| 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê phương tiện không đủ điều kiện hoạt động. | **Bộ CA**: Khoản 3 bổ sung như sau “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê phương tiện **hoặc** không đủ điều kiện hoạt động **hoặc vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm**”. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 Luật GT ĐTNĐ đã bao gồm tất cả các điều kiện và đăng ký, đăng kiểm, định biên...  Bổ sung điểm b, c theo Điều 98a Luật GT ĐTNĐ. | 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Cho thuê phương tiện không đủ điều kiện hoạt động;  b) Cho người khác thuê lại phương tiện, thuyền viên trên phương tiện thuê (trừ trường hợp được chủ phương tiện đồng ý bằng văn bản);  c) Sử dụng phương tiện thuê làm tài sản thế chấp. |
| **Điều 21. Vi phạm quy định về trách nhiệm, điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện** |  |  | **Điều 21. Vi phạm quy định về trách nhiệm, điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: | **Bộ QP**: Tại khoản 1 Điều 21, đề nghị bổ sung hành vi "Không có hoặc ghi bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh trên phương tiện", để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 11 Điều 6 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện có mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không hướng dẫn hành khách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm và thoát hiểm; | **1. Thanh tra Bộ**:  Tại điểm a khoản 1 Điều 21 của dự thảo, đề nghị bổ sung hành vi “không niêm yết” và bổ sung cụm từ “theo quy định” vào sau cụm từ “thoát hiểm” để trở thành cụm từ “Không niêm yết, hướng dẫn hành khách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm và thoát hiểm theo quy định”.  2. **Bộ CA**: Điểm a, khoản 2 bổ sung như sau “..., giấy chứng nhận khả năng chuyên môn**, giấy chứng nhận lái phương tiện** theo quy định ...” | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định nội dung hiện không còn giấy chứng nhận lái phương tiện. | a) Không hướng dẫn hành khách sử dụng các thiết bị chữa cháy, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm và thoát hiểm; |
| b) Không thực hiện biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thu gom, lưu trữ và chuyển chất thải đến nơi tiếp nhận để xử lý theo quy định; |  |  | b) Không thực hiện biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thu gom, lưu trữ và chuyển chất thải đến nơi tiếp nhận để xử lý theo quy định; |
| c) Thuyền trưởng không trực tiếp bàn giao nhiệm vụ cho thuyền phó hoặc người được ủy quyền khi rời phương tiện; |  |  | c) Thuyền trưởng không trực tiếp bàn giao nhiệm vụ cho thuyền phó hoặc người được ủy quyền khi rời phương tiện; |
| d) Thuyền trưởng không bố trí thuyền viên trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu hoặc không bố trí người cảnh giới khi phương tiện hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế; |  |  | d) Thuyền trưởng không bố trí thuyền viên trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu hoặc không bố trí người cảnh giới khi phương tiện hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế; |
| đ) Thuyền viên được bố trí trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu mà không có mặt trên phương tiện hoặc không thực hiện trông coi phương tiện theo quy định; |  |  | đ) Thuyền viên được bố trí trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu mà không có mặt trên phương tiện hoặc không thực hiện trông coi phương tiện theo quy định; |
| e) Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó không có mặt trên phương tiện trong ca làm việc theo quy định khi phương tiện đang hành trình; |  |  | e) Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó không có mặt trên phương tiện trong ca làm việc theo quy định khi phương tiện đang hành trình; |
| g) Không thông báo cho Cảng vụ (nơi cấp giấy phép rời cảng, bến, khu neo đậu) về sự thay đổi thuyền viên khi phương tiện rời cảng, bến, khu neo đậu. |  |  | g) Không thông báo cho Cảng vụ (nơi cấp giấy phép rời cảng, bến, khu neo đậu) về sự thay đổi thuyền viên khi phương tiện rời cảng, bến, khu neo đậu; |
|  |  |  | h) Không có hoặc không ghi bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh trên phương tiện. |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Giao người không đủ điều kiện về sức khỏe, tuổi, không có chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định thay mình điều khiển hoặc lái phương tiện; |  |  | a) Giao người không đủ điều kiện về sức khỏe, tuổi, không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định thay mình điều khiển hoặc lái phương tiện; |
| b) Thuyền trưởng không trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa và các trường hợp khác theo quy định; |  |  | b) Thuyền trưởng không trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa và các trường hợp khác theo quy định; |
| c) Thuyền viên không phải là thuyền trưởng mà trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa hoặc trong các trường hợp khác theo quy định thuyền trưởng phải trực tiếp điều khiển phương tiện; |  |  | c) Thuyền viên không phải là thuyền trưởng mà trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa hoặc trong các trường hợp khác theo quy định thuyền trưởng phải trực tiếp điều khiển phương tiện; |
| d) Nhận, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện hoạt động hoặc không đủ định biên theo quy định; | **1. Hải Dương**: Đưa các hành vi quy định tại Điểm d, đ tại Khoản 2 Điều 21 vào hành vi quy định tại Điều 20: Vi phạm quy định về trách nhiệm của chủ phương tiện, người thuê phương tiện cho phù hợp.  **2. Bộ CA**: Điểm d, khoản 2 bổ sung như sau “Nhận, sử dụng phương tiện **hoặc** không đảm bảo điều kiện hoạt động **hoặc vi phạm về đăng ký, đăng kiểm** hoặc không đủ định biên theo quy định”. | 1. Tiếp thu, bổ sung vào Điều 21 dự thảo, mức phạt cao hơn đối với thuyền viên, người lái phương tiện.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 Luật GT ĐTNĐ đã bao gồm tất cả các điều kiện và đăng ký, đăng kiểm, định biên..... | d) Nhận, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện hoạt động hoặc không đủ định biên theo quy định; |
| đ) Nhận, sử dụng thuyền viên làm việc trên phương tiện không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định. |  |  | đ) Nhận, sử dụng thuyền viên làm việc trên phương tiện không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định; |
|  |  |  | e) Bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên. |
| 3. Xử phạt đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn hoặc có các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng, như sau: |  |  | 3. Xử phạt đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn hoặc có các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng, như sau: |
| a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc có các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng; |  |  | a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc có các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng; |
| b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam **đến 0,4 miligam/01 lít khí thở**; | **Trà Vinh**: Đề nghị bổ sung hình thức phạt bổ sung tước quyền sử dụng GCNKNCM, CCCM của thuyền viên, người lái phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 minigam/100 minilít máu khí thở hoặc 0,25 miligam đến 0,4 minigam/01 lít khí thở nhằm mang tính răn đe và tuyên truyền phòng, chống tác hại rượu, bia. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở; |
| c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc **vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở**. |  |  | c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở. |
| 4. Hình thức xử phạt bổ sung  Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. | **1. Hải Dương:** Tại Khoản 4, Điều 21 bổ sung thành: “*4. Hình thức xử phạt bổ sung Tước quyền … của thuyền viên, người lái phương* ***tiện từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này*** *và từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.”* | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo | 4. Hình thức xử phạt bổ sung  a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;  b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. |
|  | **2. Lạng Sơn**: Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 21 như sau:  "a) Tước quyền ... đối với hành vi vi phạm quy định tại **điểm a,** khoản 3 Điều này.  b) Tước quyền ... đối với hành vi vi phạm quy định tại **điểm b** khoản 3 Điều này.  c) Tước quyền ... thuyền viên, người lái phương tiện từ ***10*** đến ***14*** tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, khoản 3 Điều này. | 2. Tiếp thu một phần vì đây là hình thức xử phạt bổ sung, phù hợp với đặc thù ngành, vì vậy, đối với hành vi tại điểm a khoản 3 Điều này chưa cần tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện. |  |
| **Điều 22. Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện** |  |  | **Điều 22. Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện không mang theo chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định. |  |  | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện không mang theo giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn theo quy định. |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái phương tiện không có chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn không phù hợp với loại phương tiện theo quy định hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ chuyên môn. | **Bộ CA**: Khoản 2 bổ sung như sau “... với người lái phương tiện không có chứng chỉ chuyên môn, **Giấy chứng nhận lái phương tiện** hoặc chứng chỉ chuyên môn, **Giấy chứng nhận lái phương tiện** không phù hợp với loại phương tiện theo quy định hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ chuyên môn, **Giấy chứng nhận lái phương tiện**”. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì theo quy định pháp luật nội dung hiện nay không còn giấy chứng nhận lái phương tiện. | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người lái phương tiện không có chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn không phù hợp với loại phương tiện theo quy định hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng chứng chỉ chuyên môn. |
| 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền viên không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn quá thời hạn theo quy định hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, như sau: |  |  | 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền viên không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn **hết hiệu lực** theo quy định hoặc đang trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, như sau: |
| a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư; |  |  | a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư; |
| b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền viêntheo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng ba; |  |  | b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền viêntheo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng ba; |
| c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhì, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhì; |  |  | c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhì, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhì; |
| d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhất, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhất. |  |  | d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với thuyền viên theo quy định phải có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhất, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng nhất. |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ chuyên môn hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, cấp lại, đổi chứng chỉ chuyên môn hoặc sử dụng chứng chỉ chuyên môn giả. | **1. Thanh tra Bộ**:  Tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 22 của dự thảo, đề nghị thay thế từ “chứng chỉ chuyên môn giả”, “giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng giả” bằng cụm từ “không do cơ quan có thẩm quyền cấp” hoặc thay bằng cụm từ “có dấu hiệu làm giả”, lý do: việc xác định giấy tờ, chứng chỉ chuyên môn là giả thuộc về các cơ quản nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Luật giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).  2. **Bộ CA**: Khoản 4, bổ sung “..., sửa chữa chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện** hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, cấp lại, đổi chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện** hoặc sử dụng chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện** giả” | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định nội dung hiện không còn giấy chứng nhận lái phương tiện. | 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ chuyên môn hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, cấp lại, đổi chứng chỉ chuyên môn hoặc sử dụng chứng chỉ chuyên môn có số sê ri ở mặt sau không trùng với số sê ri được cấp mới nhất trong sổ cấp của cơ quan có thẩm quyền hoặc chứng chỉ chuyên môn không do cơ quan có thẩm quyền cấp. |
| 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, tẩy xóa, sửa chữa giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, cấp lại, đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng giả. |  |  | 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn hoặc thuê, mượn, tẩy xóa, sửa chữa giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, cấp lại, đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng có số sê ri ở mặt sau không trùng với số sê ri được cấp mới nhất trong sổ cấp của cơ quan có thẩm quyền hoặcgiấy chứng nhận khả năng chuyên môn không thuyền trưởng, máy trưởng không do cơ quan có thẩm quyền cấp. |
| 6. Hình thức xử phạt bổ sung: | **Hải Dương**: Tại Khoản 4, Điều 21 bổ sung thành: “*4. Hình thức xử phạt bổ sung Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương* ***tiện từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này*** *và từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.”* | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì mức xử phạt chính đã phù hợp, đủ sức răn đe. | 6. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi cho thuê, cho mượn chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này; | a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi cho thuê, cho mượn giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này; |
| b) Tịch thu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đối với trường hợp tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, đổi chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc sử dụng chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng giả theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này. | **Bộ CA**: Điểm a, điểm b, khoản 2 bổ sung:  “a) ..., chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện** từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi cho thuê, cho mượn chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện,** giấy chứng nhận khả năng ...  b) ..., chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện** đối với trường hợp tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện,** giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, đổi chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện,** giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc sử dụng chứng chỉ chuyên môn, **giấy chứng nhận lái phương tiện**, ...”. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định nội dung hiện không còn giấy chứng nhận lái phương tiện. | b) Tịch thu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện đối với trường hợp tẩy xóa, sửa chữa giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc kê khai không đúng sự thật để được cấp, đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn có số sê ri ở mặt sau không trùng với số sê ri được cấp mới nhất trong sổ cấp của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này. |
| **Điều 23. Vi phạm quy định về đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng** **thuyền viên, người lái phương tiện** |  |  | **Điều 23. Vi phạm quy định về đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng** **thuyền viên, người lái phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thực hành không có biển “phương tiện huấn luyện”. | **Hải Dương**: Tại Khoản 1, Điều 23: bổ sung thành *“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thực hành không có biển “phương tiện huấn luyện”* ***theo quy định****.”* | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thực hành không có biển “phương tiện huấn luyện”**theo quy định**. |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thi thực hành không phù hợp theo quy định. |  |  | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thi thực hành không phù hợp theo quy định. |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không bảo đảm điều kiện phòng học và phòng thi, kiểm tra theo quy định; |  |  | a) Không bảo đảm điều kiện phòng học và phòng thi, kiểm tra theo quy định; |
| b) Không bảo đảm tiêu chuẩn xưởng và khu vực thực hành theo quy định; |  |  | b) Không bảo đảm tiêu chuẩn xưởng và khu vực thực hành theo quy định; |
| c) Tài liệu giảng dạy không bảo đảm theo quy định; |  |  | c) Tài liệu giảng dạy không bảo đảm theo quy định; |
| d) Giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực hành không bảo đảm điều kiện theo quy định; |  |  | d) Thiếu từ 01 giáo viên dạy lý thuyết, giáo viên dạy thực hành hoặc giáo viên dạy lý thuyết, giáo viên dạy thực hành không bảo đảm điều kiện theo quy định; |
| đ) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định; |  |  | đ) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung, chương trình đào tạo theo quy định; |
| e) Không có quy chế thi, kiểm tra hoặc thực hiện không đúng quy chế thi, kiểm tra. |  |  | e) Không thực hiện đúng quy chế tuyển sinh; |
|  |  |  | g) Tổ chức đào tạo tại địa điểm không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. |
| 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng các loại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoặc không đúng theo giấy chứng nhận cơ sở đào tạo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định. |  |  | 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên hoặc tổ chức đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa không đúng theo giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định. |
| 5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng thuyền viên, người lái phương tiện trong thời gian cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động. |  |  | 5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo, thuyền viên, người lái phương tiện trong thời gian cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động. |
| 6. Hình thức xử phạt bổ sung: |  |  | 6. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 04 tháng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này. |  |  | Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với cơ sở đào tạo vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này. |
| **Điều 24. Vi phạm quy định về trách nhiệm khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa** |  |  | **Điều 24. Vi phạm quy định về trách nhiệm khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa** |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không báo kịp thời cho cơ quan Công an, Cảng vụ hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa. | **Cục HHVN**: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: " Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không báo kịp thời cho cơ quan Công an, **Biên phòng**, Cảng vụ hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để phù hợp với khoản 2 Điều 5 Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT, khoản 2 Điều 5 không có lực lượng biên phòng. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không báo kịp thời cho cơ quan Công an, Cảng vụ hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa. |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây của người gây tai nạn: |  |  | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người gây tai nạn có mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không có mặt đúng thời gian triệu tập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; |  |  | a) Không có mặt đúng thời gian triệu tập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; |
| b) Không cung cấp đầy đủ tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn. |  |  | b) Không cung cấp đầy đủ tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn. |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không bảo vệ hoặc làm thay đổi dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn; |  |  | a) Không bảo vệ hoặc làm thay đổi dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn; |
| b) Không cung cấp tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn. |  |  | b) Không cung cấp tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn. |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi có điều kiện hoặc tham gia nhưng không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hiện trường; |  |  | a) Không tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi có điều kiện hoặc tham gia nhưng không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hiện trường; |
| b) Gây mất trật tự, cản trở việc cứu nạn, xử lý tai nạn; |  |  | b) Gây mất trật tự, cản trở việc cứu nạn, xử lý tai nạn. |
| c) Lợi dụng tai nạn xảy ra để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn. | **Phòng TMCNVN**: Điểm c khoản 4 Điều 24 Dự thảo quy định xử phạt đối với hành vi “lợi dụng tai nạn xảy ra để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn". Quy định này có thể xung đột với quy định của pháp luật về hình sự. Đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ phạm vi của hành vi vi phạm này bị xử phạt vi phạm hành chính đề phân việt với pháp luật hình sự | Tiếp thu, bỏ điểm này . |  |
| 5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi gây tai nạn mà bỏ trốn. |  |  | 5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi gây tai nạn mà bỏ trốn. |
| **Điều 25. Vi phạm quy định về trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện khi có hoạt động kiểm tra, kiểm soát**  1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không chấp hành yêu cầu về kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;  b) Cố tình không dừng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát theo lệnh của người có thẩm quyền;  c) Không xuất trình hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài việc xuất trình giấy tờ của phương tiện, của thuyền viên hoặc người lái phương tiện, hàng hóa khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền;  d) Không đưa hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài thời gian đưa phương tiện về nơi xử lý vi phạm theo yêu cầu của người có thẩm quyền.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chống đối việc kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền. | **1. Hải Dương**: Tại Điều 25: đề nghị tăng mức phạt tiền và có hình thức phạt bổ sung theo quy định tại các hành vi vi phạm tại điều này.  **2. Thanh tra Bộ**:  Tại điều 25 của dự thảo, đề nghị bổ sung các hành vi cản trở, chống đối lại việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ được quy đinh tại Nghị đinh 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ;  **3. Hà Tĩnh**:  3.1. Điểm b Khoản 1 Điều 25 sửa từ “*lệnh*” thành cụm từ “*hiệu lệnh*”  **3.2.** Khoản 2 Điều 25 nâng mức xử phạt đối với hành vi “*chống đối việc kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền*” hoặc quy định chi tiết hơn về hành vi chống đối.  **4. Bộ QP**: Đề nghị làm rõ nội hàm khái niệm "hành vi chống đối" tại Điều 25, để xác định hành vi vi phạm và xử phạt được chính xác, phù hợp; đồng thời, không chồng chéo với hành vi không chấp hành yêu cầu, cố tình không dừng phương tiện, cố tình trì hoãn… quy định tại khoản 1 Điều này. | **1.** Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Tiếp thu và chỉnh sửa tại khoản 2 Điều 25 dự thảo.  (có tham khảo thêm Điều 20 Nghị đinh 167/2013/NĐ-CP)  3.1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  3.2, 4. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo cho phù hợp với quy định tại Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP. | **Chuyển xuống cuối Chương II.** |
| **Mục 4.** |  |  | **Mục 4.** |
| **VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG VÀ QUY ĐỊNH VỀ TÍN HIỆU CỦA PHƯƠNG TIỆN** |  |  | **VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG VÀ QUY ĐỊNH VỀ TÍN HIỆU CỦA PHƯƠNG TIỆN** |
| **Điều 26. Vi phạm quy tắc giao thông** |  |  | **Điều 25. Vi phạm quy tắc giao thông** |
| 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người có mỗi hành vi vi phạm sau đây: | **Bộ CA**: Khoản 1 bổ sung như sau “..., phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người **hoặc phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước**, có mỗi hành vi vi phạm sau đây | Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người có mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Bám, buộc phương tiện của mình vào phương tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm đang hành trình hoặc để phương tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm bám, buộc vào phương tiện của mình, trừ trường hợp cứu hộ, cứu nạn hoặc trường hợp bất khả kháng; |  |  | a) Bám, buộc phương tiện của mình vào phương tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm đang hành trình hoặc để phương tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm bám, buộc vào phương tiện của mình, trừ trường hợp cứu hộ, cứu nạn hoặc trường hợp bất khả kháng; |
| b) Không tuân theo chỉ dẫn của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc chỉ dẫn của người điều tiết giao thông, trừ hành vi quy định tại khoản 5 Điều này; |  |  | b) Không tuân theo chỉ dẫn của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc chỉ dẫn của người điều tiết giao thông, trừ hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này; |
| c) Không giảm tốc độ của phương tiện theo quy định; |  |  | c) Không giảm tốc độ của phương tiện theo quy định; |
| d) Không phát tín hiệu của phương tiện theo quy định khi vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế hoặc nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp; |  |  | d) Không phát tín hiệu của phương tiện theo quy định khi vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế hoặc nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp; |
| đ) Không phát tín hiệu hoặc phát tín hiệu không đúng quy định khi tránh hoặc vượt nhau; |  |  | đ) Không phát tín hiệu hoặc phát tín hiệu không đúng quy định khi tránh hoặc vượt nhau; |
| e) Vượt phương tiện khác khi chưa được phương tiện đó phát tín hiệu cho vượt; |  |  | e) Vượt phương tiện khác khi chưa được phương tiện đó phát tín hiệu cho vượt; |
| g) Vượt phương tiện khác tại nơi có báo hiệu cấm vượt, phía trước có phương tiện đi ngược lại hay có vật chướng ngại, nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, nơi có báo hiệu chiều rộng luồng bị hạn chế, khi đi qua khoang thông thuyền, âu tàu; |  |  | g) Vượt phương tiện khác tại nơi có báo hiệu cấm vượt, phía trước có phương tiện đi ngược lại hay có vật chướng ngại, nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, nơi có báo hiệu chiều rộng luồng bị hạn chế, khi đi qua khoang thông thuyền, âu tàu; |
| h) Không tránh, không nhường đường cho phương tiện khác theo quy định; |  |  | h) Không tránh, không nhường đường cho phương tiện khác theo quy định; |
| i) Neo đậu phương tiện ở những nơi cấm neo đậu, không thực hiện đúng các quy định về neo đậu phương tiện hoặc neo đậu phương tiện gây cản trở giao thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. |  |  | i) Neo đậu phương tiện ở những nơi cấm neo đậu, không thực hiện đúng các quy định về neo đậu phương tiện hoặc neo đậu phương tiện gây cản trở giao thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định này. |
| 2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau: |  |  | 2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi điều khiển phương tiện vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau: |
| a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; |  |  | a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người; |
| b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa; |  |  | b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 1500 tấn; |
| c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  | c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1500 tấn. |
| 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi neo đậu phương tiện để xếp dỡ chuyển tải hàng hóa hoặc hành khách tại vùng nước không được công bố, cấp giấy phép hoạt động, như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;  c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;  d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. | **1.Trà Vinh**: Đề nghị bổ sung cụm từ "đón, trả" sau từ "hoặc" cho rõ nghĩa.  **2. Bộ CA**: Khoản 3 sửa đổi như sau “Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi neo đậu phương tiện để xếp dỡ chuyển tải hàng hóa **~~hoặc hành khách~~** tại vùng nước không được công bố**~~, cấp giấy phép hoạt động~~**, như sau:…”. | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính đầy đủ của hành vi.  Đồng thời, chuyển nội dung khoản này xuống cuối Điều cho phù hợp. | 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Lạm dụng quyền được nhường đường, quyền ưu tiên gây nguy hiểm hoặc trở ngại cho các phương tiện khác;  b) Điều khiển phương tiện lạng lách gây mất an toàn giao thông đường thủy nội địa;  c) Điều khiển phương tiện chạy tạo sóng gây tổn hại đến công trình giao thông;  d) Điều khiển phương tiện chạy với tốc độ lớn gây mất an giao thông đường thủy nội địa. |
|  | 4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi điều khiển phương tiện vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:  a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;  b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 1500 tấn;  c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1500 tấn. |
| 4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Lạm dụng quyền được nhường đường, quyền ưu tiên gây nguy hiểm hoặc trở ngại cho các phương tiện khác;  b) Điều khiển phương tiện lạng lách gây mất an toàn giao thông đường thủy nội địa;  c) Điều khiển phương tiện chạy tạo sóng gây tổn hại đến công trình giao thông;  d) Điều khiển phương tiện chạy với tốc độ lớn gây mất an giao thông đường thủy nội địa. | **1, Cục HHVN**:  Đề nghị xem xét sửa đổi như sau: "Điều khiển phương tiện chạy **quá tốc độ cho phép** gây mất an giao thông đường thủy nội địa".  **2. Thanh tra Bộ**:  Tại điêm d khoản 4 Điều 26 của dự thảo, đề nghị bổ sung cụm từ “lớn hơn tốc độ cho phép” vào sau từ “tốc độ” để trở thành cụm từ “Điều khiển phương tiện chạy với tốc độ lớn hơn tốc độ cho phép gây mất an toàn giao thông đường thủy nội địa”. | - Nội dung khoản 4 được chuyển lên khoản 3 dự thảo mới.  - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì theo quy định của pháp luật nội dung trong lĩnh vực ĐTNĐ không quy định giới hạn tốc độ của phương tiện |
| 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện không tuân theo báo hiệu thông báo hạn chế về chiều cao, chiều sâu, chiều rộng hoặc báo hiệu hạn chế lai dắt mà gây tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông hoặc làm hư hại đến các công trình trên đường thủy nội địa.  6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tham gia đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội địa.  7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội. |  | Dự thảo kết cấu lại 03 khoản này cho phù hợp với mức độ nghiêm trọng của hành vi. | 5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tham gia đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội địa.  6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Tổ chức đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội địa;  b) Điều khiển phương tiện không tuân theo chỉ dẫn của báo hiệu đường thủy nội địa hoặc chỉ dẫn của người điều tiết giao thông mà gây tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông hoặc làm hư hại đến các công trình trên đường thủy nội địa. |
| 8. Hình thức xử phạt bổ sung: |  |  | 7. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 12 tháng đến 24 tháng đối với vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này; | **Bộ CA**: Điểm a, điểm b, Khoản 8 bổ sung như sau “a) ..., chứng chỉ chuyên môn, **Giấy chứng nhận lái phương tiện** của thuyền viên, người lái phương tiện ....; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, **chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận lái phương tiện** từ 12 tháng đến 24 tháng đối với vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này; | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định nội dung hiện không còn giấy chứng nhận lái phương tiện. | a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này;  b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;  c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ 12 tháng đến 24 tháng đối hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều này; |
| b) Tịch thu phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này. | b) Tịch thu phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại **khoản 6,** khoản 7 Điều này. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | d) Tịch thu phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, điểm a khoản 6 Điều này. |
| 9. Biện pháp khắc phục hậu quả: |  |  |  |
| Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với công trình bị hư hại do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra. |  |  |  |
| **Điều 27. Vi phạm quy định về âm hiệu, đèn hiệu, dấu hiệu và cờ hiệu (sau đây gọi chung là tín hiệu) của phương tiện** |  |  | **Điều 26. Vi phạm quy định về âm hiệu, đèn hiệu, dấu hiệu và cờ hiệu (sau đây gọi chung là tín hiệu) của phương tiện** |
| Xử phạt vi phạm hành chính hành vi bố trí không đủ hoặc không đúng đối với mỗi tín hiệu hoặc mỗi tín hiệu trên phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc mỗi tín hiệu trên phương tiện không hoạt động theo quy định, như sau:  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người. | **Bộ CA**: Tại khoản 1, Điều 27 bổ sung như sau “... hoặc **hoặc phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước”** | - Dự thảo kết cấu lại cách viết cho phù hợp và chia lại các nhóm phương tiện.  - Đối với việc bổ sung phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì phương tiện vui chơi giải trí thuộc một trong hai loại phương tiện, phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển, do vậy, nếu là phương tiện thủy thì áp dụng như phương tiện thủy nội địa, nếu là tàu biển thì xử lý như tàu biển. | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 50 tấn, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc bè có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Bố trí không đủ hoặc không đúng đối với mỗi tín hiệu trên phương tiện theo quy định;  b) Bố trí mỗi tín hiệu trên phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;  c) Để mỗi tín hiệu trên phương tiện không hoạt động theo quy định. |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa.  3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa.  4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  | 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa trở lên, phương tiện có tốc độ trên 30 km/h, phương tiện có động cơ chở khách, phương tiện đưa đón hoa tiêu, phương tiện thực hiện nhiệm vụ trên luồng, tàu cá, phương tiện chở hàng nguy hiểm, phương tiện chở người, động vật bị dịch bệnh, đoàn lai hoặc phương tiện đang bị mắc cạn trên luồng. |
| **Mục 5.** |  | Toàn bộ Mục 5 được viết lại theo hướng tách riêng các đối tượng thành từng Điều nhằm đảm bảo tính khoa học, rõ ràng. | **Mục 5.** |
| **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA, KHU NEO ĐẬU** |  | **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA, KHU NEO ĐẬU** |
| **Điều 28. Vi phạm quy định về quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu** |  |  | Điều 27. Vi phạm quy định về quản lý khai thác khu neo đậu  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chủ khu neo đậu, người quản lý khai thác khu neo đậu có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không đảm bảo điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm theo quy định;  b) Không bố trí hoặc bố trí không đầy đủ mỗi các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nơi chờ cho hành khách theo quy định.  c) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ mỗi thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ khu neo đậu, người quản lý khai thác khu neo đậu có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Hành vi bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận điều khiển phương tiện, thiết bị theo quy định;  b) Khai thác quá phạm vi vùng nước theo quy định;  c) Khai thác không đúng mục đích so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ khu neo đậu, người quản lý khai thác khu neo đậu có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không thực hiện công bố lại hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại, gia hạn hoạt động;  b) Không tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại khi đã được công bố đóng hoạt động;  c) Không cung cấp hồ sơ khi xây dựng công trình, hồ sơ công bố hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;  d) Sử dụng mỗi thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, đăng kiểm hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền trước khi thiết lập khu neo đậu.  5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khu neo đậu đang trong thời gian bị đình chỉ hoạt động hoặc hết thời hạn hoạt động.  6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khu neo đậu mà không thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thu gom, lưu trữ và chuyển chất thải đến nơi tiếp nhận và xử lý theo quy định.  7. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này.  **Điều 28. Vi phạm quy định về quản lý khai thác bến thủy nội địa**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chủ bến thủy nội địa, người quản lý khai thác bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có hoặc có nhưng không niêm yết bảng nội quy hoạt động theo quy định;  b) Không có bảng niêm yết giá vé hoặc niêm yết giá vé đối với bến hành khách không đúng quy định;  c) Không đảm bảo điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm theo quy định;  d) Không ban hành hoặc không niêm yết công khai hoặc không thực hiện đúng quy trình xếp dỡ hàng hóa theo quy định;  đ) Không bố trí hoặc bố trí không đầy đủ mỗi các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nơi chờ cho hành khách theo quy định;  e) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ mỗi thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ bến thủy nội địa, người quản lý khai thác bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không bố trí giao thông kết nối hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi tại cảng, bến hành khách theo quy định;  b) Khai thác quá phạm vi vùng nước theo quy định;  c) Khai thác không đúng mục đích so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động;  d) Tự ý cho phương tiện vào xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách khi phương tiện chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.  đ) Cung cấp dịch vụ không đúng với mức giá niêm yết theo quy định hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu theo quy định;  e) Bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận điều khiển phương tiện, thiết bị theo quy định.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ bến thủy nội địa, người quản lý khai thác bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không thực hiện công bố lại hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại, gia hạn hoạt động;  b) Không tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại khi đã được công bố đóng hoạt động;  c) Sử dụng mỗi thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, đăng kiểm hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối chủ bến thủy nội địa, người quản lý khai thác bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Tự ý thay đổi kết cấu, kích thước, công dụng công trình so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động;  b) Không cung cấp hồ sơ khi xây dựng công trình, hồ sơ công bố, cấp phép hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.  5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền trước khi xây dựng bến thủy nội địa.  6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi khai thác bến thủy nội địa đang trong thời gian bị đình chỉ hoạt động hoặc hết thời hạn hoạt động.  7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với chủ bến thủy nội địa, người quản lý khai thác bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định đối với các bến thủy nội địa tiếp nhận xăng, dầu;  b) Không thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thu gom, lưu trữ và chuyển chất thải đến nơi tiếp nhận và xử lý theo quy định.  8. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này.  **Điều 29. Vi phạm quy định về quản lý khai thác cảng thủy nội địa**  1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ cảng thủy nội địa, người quản lý khai thác cảng thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có hoặc có nhưng không niêm yết bảng nội quy hoạt động theo quy định;  b) Không có bảng niêm yết giá vé hoặc niêm yết giá vé đối với cảng hành khách không đúng quy định;  c) Không đảm bảo điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm theo quy định;  d) Không ban hành hoặc không niêm yết công khai hoặc không thực hiện đúng quy trình xếp dỡ hàng hóa theo quy định;  đ) Không bố trí hoặc bố trí không đầy đủ mỗi các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nơi chờ cho hành khách theo quy định;  e) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ mỗi thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.  2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ cảng thủy nội địa, người quản lý khai thác cảng thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không bố trí giao thông kết nối hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi tại cảng hành khách theo quy định;  b) Khai thác quá phạm vi vùng nước theo quy định;  c) Khai thác không đúng mục đích so với quy định tại quyết định công bố hoạt động;  d) Tự ý cho phương tiện vào xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách khi phương tiện chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.  đ) Cung cấp dịch vụ không đúng với mức giá niêm yết theo quy định hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu theo quy định;  e) Bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận điều khiển phương tiện, thiết bị theo quy định.  3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với chủ cảng thủy nội địa, người quản lý khai thác cảng thủy nội địa có có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không cung cấp hồ sơ khi xây dựng công trình, hồ sơ công bố, cấp phép hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;  b) Không thực hiện duy tu, kiểm định chất lượng cảng thủy nội địa theo quy định.  4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với chủ cảng thủy nội địa, người quản lý khai thác cảng thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không thực hiện công bố lại hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại, gia hạn hoạt động;  b) Không tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại khi đã được công bố đóng hoạt động;  c) Sử dụng mỗi thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, đăng kiểm hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;  d) Tự ý thay đổi kết cấu, kích thước, công dụng công trình so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động.  5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền trước khi xây dựng cảng thủy nội địa.  6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cảng thủy nội địa đang trong thời gian bị đình chỉ hoạt động hoặc hết thời hạn hoạt động.  7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với chủ cảng thủy nội địa, người quản lý khai thác cảng thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định;  b) Không thực hiện các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thu gom, lưu trữ và chuyển chất thải đến nơi tiếp nhận và xử lý theo quy định.  8. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an ninh tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài như sau:  a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục xác nhận hàng năm giấy chứng nhận an ninh cho cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc không thực hiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài đã được phê duyệt hoặc không bố trí hoặc bố trí không đủ người làm công tác an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định;  b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc có giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoàì, nhưng đã hết hiệu lực.  9. Hình thức xử phạt bổ sung  Đình chỉ hoạt động của cảng thủy nội địa từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại 7 Điều này trong trường hợp vi phạm từ 02 lần trở lên.  10. Biện pháp khắc phục hậu quả  Buộc tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này.  **Điều 30. Xử phạt vi phạm hành chính đối với người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu để phương tiện vi phạm quy định về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa**  1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu để phương tiện vi phạm quy định về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa tại bến thủy nội địa như sau:  a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi để mỗi hành khách xuống phương tiện vượt quá sức chở của phương tiện;  b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe mô tô, xe gắn máy xuống phương tiện vượt quá số lượng xe mô tô, xe gắn máy được phép chở theo quy định;  c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô xuống phương tiện vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở theo quy định;  d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn theo quy định;  đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xếp ô tô xuống phương tiện tại bến thủy nội địa không được tiếp nhận phương tiện chở ô tô.  2. Xử phạt đối với hành vi để xe ô tô chở hàng hóa vượt tải trọng được phép chở ra khỏi cảng, bến thủy nội địa như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ trên 10% đến 30% ra khỏi cảng, bến (trừ xe xi téc chở chất lỏng), trên 20% đến 30% đối với xe xi téc chở chất lỏng;  b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ trên 30% đến 50% ra khỏi cảng, bến;  c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100% ra khỏi cảng, bến;  d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% đến 150% ra khỏi cảng, bến;  đ) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 150% ra khỏi cảng, bến.  3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cho phương tiện vào neo đậu, xếp, dỡ hàng hóa, đón, trả hành khách tại các vị trí chưa được công bố, cấp phép hoạt động theo quy định.  4. Hình thức xử phạt bổ sung  Đình chỉ hoạt động của cảng, bến từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm từ 02 lần trở lên.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc đưa người, phương tiện, hàng hóa vượt quá số lượng, sức chở hoặc không được phép chở lên khỏi phương tiện đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.  **Điều 31. Vi phạm quy định về hoạt động của phương tiện, thủy phi cơ trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không để cho người của phương tiện khác đi qua phương tiện của mình.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nội quy cảng, bến thủy nội địa hoặc gây mất trật tự tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.  3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn trước khi đưa phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo quy định như sau:  a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;  c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn;  d) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn.  4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tự ý di chuyển phương tiện hoặc neo đậu phương tiện không đúng nơi quy định trong phạm vi vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;  c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn;  d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn.  5. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của thủy phi cơ như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn trước khi đưa phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;  b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi tự ý di chuyển thủy phi cơ hoặc neo đậu thủy phi cơ không đúng nơi quy định trong phạm vi vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;  c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép vào, rời cảng, bến, khu neo đậu.  6. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không có giấy phép vào, rời cảng, bến, khu neo đậu hoặc không có lệnh điều động theo quy định như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;  c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn;  d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn. |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa): | **1. Đồng Tháp**: Kiến nghị bổ sung khoản 1 Điều 28 dự thảo: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chủ bến, chủ khai thác có mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa):”  **2. Quảng Nam**:  Khoản 1. “Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bên thủy nội địa)” đề nghị bổ sung xử phạt các hành vi sau:  + Không ban hành nội quy hoạt động bến hoặc có ban hành nhưng không niêm yết bảng nội quy hoạt đông bến  +Nội dung nội quy hoạt động không đảm bảo theo quy định. | 1. Tiếp thu chỉnh sửa lại khoản 1 Điều 28 dự thảo.  2. Tiếp thu một phần chỉnh sửa lại điểm a khoản 1 |
| a) Không có bảng nội quy hoạt động theo quy định; | **Thanh tra Bộ**: Tại điểm a khoản 1 Điều 28 của dự thảo, đề nghị bổ sung hành vi “có nhưng không niêm yết bảng nội quy” vào sau cụm từ “không có” để trở thành cụm từ “không có hoặc có nhưng không niêm yết bảng nội quy hoạt động theo quy định” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| b) Không có bảng niêm yết giá vé đối với cảng, bến khách theo quy định; |  |  |
| c) Không đảm bảo điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm theo quy định; |  |  |
| đ) Không ban hành hoặc không niêm yết công khai hoặc không thực hiện đúng quy trình xếp dỡ hàng hóa theo quy định. | **Tiền Giang**: Tại Điều 28: Đề nghị chỉnh sửa điểm “đ” thành điểm “d”. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này (áp dụng đối với cảng thủy nội địa) hoặc đối với bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây: | **Quảng Nam**: khoản 2. “Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này (áp dụng đối với cảng thủy nội địa) hoặc đối với bến thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm sau đây” đề nghị bổ sung xử phạt các hành vi sau:  + Không lắp đặt thiết bị camera để ghi hình ảnh phương tiện ra, vào bến hoặc có lắp nhưng không đảm bảo hoạt động theo quy định;  + Không lắp đặt thiết bị camera để ghi hình ảnh phương tiện ra, vào Trạm cân hoặc có lắp nhưng không đảm bảo hoạt động theo quy định. | Đề nghị giữ nguyên các hành vi quy định như dự thảo vì theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của chủ cảng, bến, người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu không có nội dung này. |
| a) Không bố trí giao thông kết nối hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi tại cảng, bến hành khách theo quy định; | **Hải Dương**: Tại Khoản 2, Điều 28: đề nghị tăng mức xử phạt đối với các hành vi quy định tại điểm b, c. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì các mức phạt tại dự thảo đã được tăng lên đảm bảo phù hợp với tính chất hành vi vi phạm. |
| b) Khai thác quá phạm vi vùng nước theo quy định; |  |  |
| c) Khai thác không đúng mục đích so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động; | **Tiền Giang**:  Đề nghị bổ sung:  c) Khai thác không đúng mục đích, “thời gian hoạt đông trong ngày” so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động. Hiện nay có rất nhiều bến, bãi bốc dỡ vật liệu xây dựng hoạt động không kể ngày đêm (24/24 giờ). | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quyết định công bố , cấp phép không quy định thời gian hoạt động trong ngày. |
| d) Tự ý cho phương tiện vào xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách khi phương tiện chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền. |  |  |
|  | **Đà Nẵng**: Đề nghị bổ sung điểm e khoản 1 Điều 28:  "e) Không ban hành nội quy hoạt động cảng, bến thủy nội địa hoặc có ban hành nhưng không niêm yết công khai". | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung này đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ cảng, người quản lý, khai thác cảng thủy nội địa có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. |  |  |
| 4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí hoặc bố trí không đầy đủ mỗi các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nơi chờ cho hành khách theo quy định. | **Đồng Tháp**: Kiến nghị bổ sung khoản 4 Điều 28 dự thảo: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với chủ bến, chủ khai thác thực hiện hành vi không bố trí hoặc bố trí …. quy định. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì khoản này áp dụng cả đối với chủ cảng, bến, người quản lý khai thác cảng, bến |
| 5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ mỗi thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định. | **Đồng Tháp**: Kiến nghị bổ sung khoản 5 Điều 28: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với chủ bến, chủ khai thác thực hiện hành vi không …..theo quy định. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì khoản này áp dụng cả đối với chủ cảng, bến, người quản lý khai thác cảng, bến |
| 6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa): | **Đồng Tháp**:  1. - Kiến nghị bổ sung: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ bến thực hiện hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa).  2. - Kiến nghị bổ sung hành vi phạm: “Khai thác bến thủy nội địa quá thời hạn, quá vùng nước, không đúng mục đích được quy định trong giấy phép hoạt động theo quy định” Chủ thể vi phạm chủ khai thác bến khách  **3. Bộ CA**: Khoản 6 sửa đổi như sau “... sau đây **~~(áp dụng đối với bến thủy nội địa):~~** | 1. Tiếp thu, chỉnh lại dự thảo  2. Tiếp thu 1 phần ý kiến góp ý: sẽ bổ sung nội dung xử phạt đối với hành vi khai thác bến thủy nội địa quá thời hạn  Đối với các nội dung góp ý về quá vùng nước, không đúng mục đích được quy định trong giấy phép hoạt động, đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều này.  3. Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo |
| a) Không thực hiện công bố lại hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định định phải thực hiện công bố lại; | **1. Cà Mau**: Đề nghị sửa đổi như sau: "Không thực hiện công bố lại hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại **hoặc khai thác quá thời hạn được ghi trong Giấy phép**".  **2. TP. Hồ Chí Minh:**  Tại điểm a khoản 6 đề nghị điều chỉnh như sau: “*Không thực hiện công bố lại,* ***gia hạn*** *hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại,* ***gia hạn***”.  Lý do: Phù hợp với quy định tại Điều 20 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (quy định về công bố lại và gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa).  **3. Bộ CA**: Điểm a, khoản 6 sửa đổi, bổ sung “Phạt tiền từ *10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu không gia hạn đến 01 năm kể từ ngày hết thời hạn cho phép hoạt động ghi trong quyết định công bố hoặc* không thực hiện công bố lại *đến 90 ngày kể từ ngày phải thực hiện công bố lại* trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại”. | 1, 2. Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo.  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đối với hành vi này chỉ cần cấu thành hành vi theo quy định là thực hiện xử phạt. |
| b) Không tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại khi đã được công bố đóng hoạt động. |  |  |
| 7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây (áp dụng đối với bến thủy nội địa): | **Phú Thọ**: Tại khoản 7 Điều 28 của Dự thảo này, đề nghị bổ sung thêm hành vi vi phạm: “Khai thác bên thủy nội địa quá thời hạn được cấp phép”  Lý do: chưa có hình thức xử phạt với hành vi tiếp tục khai thác, hoạt động bến thủy nội địa khi đã hết thời hạn hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp | Tiếp thu, đã bổ sung hành vi này tại điểm a khoản 6 Điều này |
| a) Tự ý thay đổi kết cấu, kích thước, công dụng công trình so với quy định tại quyết định công bố, giấy phép hoạt động; | **Bộ CA**: Điểm a, điểm b, điểm c, khoản 7 sửa đổi như sau “a) Tự ý thay đổi kết cấu, kích thước, công dụng công trình so với quy định tại quyết định công bố**~~, giấy phép hoạt động~~**; | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định này áp dụng cả đối với các trường hợp bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước khi Nghị định 08/2021 có hiệu lực. |
| b) Không cung cấp hồ sơ khi xây dựng công trình, hồ sơ công bố, cấp phép hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; | b) Không cung cấp hồ sơ khi xây dựng công trình, hồ sơ công bố**~~, cấp phép~~** hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu". | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định này áp dụng cả đối với các trường hợp bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước khi Nghị định 08/2021/NĐ-CP có hiệu lực. |
| c) Khai thác trong thời gian bị đình chỉ hoạt động. | **Bộ CA**: Đề nghị bỏ điểm c khoản 7. | Tiếp thu, chuyển xuống quy định tại khoản 13 Điều này |
| 8. Phạt tiền từ 10. 000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện duy tu, kiểm định chất lượng cảng thủy nội địa theo quy định hoặc vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều này (áp dụng đối với cảng thủy nội địa). |  |  |
| 9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 7 Điều này (áp dụng đối với cảng thủy nội địa). |  |  |
| 10. Xử phạt vi phạm hành chính đối với quản lý khai thác khu neo đậu như sau: |  |  |
| a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; |  |  |
| b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại điểm b, điểm c hoặc điểm d khoản 2 Điều này; |  |  |
| c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại khoản 6 hoặc điểm b khoản 7 Điều này; |  |  |
| d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với khu neo đậu vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 7 Điều này. |  |  |
| 11. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy chứng nhận điều khiển phương tiện, thiết bị theo quy định. |  |  |
| 12. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, đăng kiểm hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định. |  |  |
| 13. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác bến thủy nội địa, khu neo đậu mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc cấp phép hoạt động. | **1. Bộ CA**: Khoản 13 sửa đổi, bổ sung như sau “Phạt tiền từ **30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng** đối với hành vi khai thác bến thủy nội địa, khu neo đậu mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền **công bố ~~hoặc cấp phép~~ hoạt động hoặc không gia hạn lại quá 01 năm trở lên** **kể từ ngày hết thời hạn cho phép hoạt động ghi trong quyết định công bố hoặc không công bố lại quá 90 ngày trở lên kể từ ngày phải thực hiện công bố lại** **trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại hoặc trong thời gian bị đình chỉ hoạt động**”.  **2. TP. HCM**  Điều 23. Vi phạm quy định về khai thác cảng, bến thủy nội địa.  2.1. Đề nghị sửa đổi khoản 4 như sau: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng (mức phạt hiện nay từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng) đối với hành vi đưa bến thủy nội địa vào hoạt động mà không có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  - Đề nghị bổ sung thêm hành vi quy định tại khoản 5 như sau: Không lắp đặt bảng thông báo công khai thông tin về địa chỉ cung cấp cát, sỏi; không lắp đặt trạm cân, camera để giám sát khối lượng cát, sỏi tại bến bãi tập kết, mua bán khoáng sản làm vật liệu xây dựng. | 1. Tiếp thu một phần liên quan đến việc nâng mức xử phạt, chuyển hành vi hoạt động trong thời gian bị đình chỉ vào khoản này.  Đối với nội dung quy định chi tiết về thời gian quá hạn: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đối với hành vi này chỉ cần cấu thành hành vi theo quy định là thực hiện xử phạt  2.  2.1. Trường hợp công trình chưa được cấp phép hoạt động bến thủy nội địa thì không thể xác định đó có phải là bến thủy nội địa không, do vậy, dự thảo Nghị định không xử lý hành vi khai thác bến thủy nội địa không có giấy phép hoạt động. Tuy nhiên, để xử lý tình trạng neo đậu phương tiện vào bốc xếp, chuyển tải hàng hóa ở những nơi không đúng quy định, dự thảo đã bổ sung 02 quy định về xử lý hành vi tổ chức cho phương tiện vào neo đậu, xếp, dỡ, chuyển tài hàng hóa không đúng quy định và hành vi cho phương tiện vào neo đậu, xếp, dỡ, chuyển tài hàng hóa tại các khu vực không được công bố, cấp phép.  2.2. Hành vi này chưa có quy định nội dung, do vậy, dự thảo Nghị định không quy định hành vi. |
| 14. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cảng thủy nội địa mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoạt động. | **Bộ CA**: Khoản 14 sửa đổi, bổ sung như sau “Phạt tiền từ **40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng** đối với hành vi khai thác cảng thủy nội địa mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoạt động **hoặc không gia hạn lại quá 01 năm trở trên** **kể từ ngày hết thời hạn cho phép hoạt động ghi trong quyết định công bố hoặc không công bố lại quá 90 ngày trở lên kể từ ngày phải thực hiện công bố lại** **trong các trường hợp pháp luật quy định phải thực hiện công bố lại hoặc trong thời gian bị đình chỉ hoạt động**” | Tiếp thu một phần liên quan đến việc nâng mức xử phạt, chuyển hành vi hoạt động trong thời gian bị đình chỉ vào khoản này.  Đối với nội dung quy định chi tiết về thời gian quá hạn: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đối với hành vi này chỉ cần cấu thành hành vi theo quy định là thực hiện xử phạt |
| 15. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cảng, bến tiếp nhận xăng, dầu. | **Cục HHVN**: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: " Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cảng, bến tiếp nhận xăng, dầu; **bến thủy nội địa tiếp nhận hành khách và hàng hóa"**. | Quy định như dự thảo để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 47 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, sẽ chỉnh sửa lại dự thảo để đảm bảo chính xác về mặt từ ngữ theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP. |
| 16. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa tại cảng, bến, khu neo đậu, như sau: | **Bộ CA**: Khoản 16 sửa đổi, bổ sung như sau “*Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây của người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu để phương tiện vi phạm về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa xảy ra tại cảng, bến, khu neo đậu, như sau*: | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi để mỗi hành khách xuống phương tiện vượt quá sức chở của phương tiện; | **Bộ CA**: “... đồng đối với **~~hành vi để~~** mỗi hành khách xuống ...”; | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo nhằm làm rõ hành vi trong thực tiễn áp dụng. |
| b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe mô tô, xe gắn máy xuống phương tiện vượt quá số lượng xe mô tô, xe gắn máy được phép chở theo quy định; | **Bộ CA**: “... đối với **~~hành vi xếp~~** mỗi xe mô tô, xe gắn máy ...;” | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo nhằm làm rõ hành vi trong thực tiễn áp dụng. |
| c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô xuống phương tiện vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở theo quy định; | **Bộ CA**: “... đối với **~~hành vi xếp~~** mỗi xe ô tô xuống phương tiện vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở theo quy định **hoặc quá trọng tải cho phép hoặc quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở**), **số người mà ô tô được phép chở theo quy định**;” | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo nhằm làm rõ hành vi trong thực tiễn áp dụng, đối với quy định về quá tải trọng đã được quy định tại Điều 33 dự thảo. |
| d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn; | **Bộ CA**: “... đối với **~~hành vi xếp hàng hóa xuống~~** mỗi phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn;” | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo nhằm làm rõ hành vi trong thực tiễn áp dụng. |
| đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xếp ô tô xuống phương tiện tại cảng, bến không được tiếp nhận phương tiện chở ô tô. | **Bộ CA**: “... đối với **~~hành vi xếp~~ mỗi** ô tô xuống phương tiện ...” | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo nhằm làm rõ hành vi trong thực tiễn áp dụng. |
| 17. Xử phạt đối với hành vi để xe ô tô chở hàng hóa vượt quá tải trọng được phép chở ra khỏi cảng, bến như sau: | **1. Lạng Sơn:**  Tại khoản 17, Điều 28: Xử phạt hành vi để xe ô tô chở hàng hóa vượt quá tải trọng được phép chở ra khỏi cảng, bến như sau:" Đề nghị sửa đổi các mức chở hàng vượt quá trọng tải (KLHCC) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy CNKĐ ATKT và BVMT của xe, cụ thể:  - Mức 1: Từ trên 10% đến 30%;  - Mức 2: Từ trên 10% đến 30%;  - Mức 3: Từ trên 30% đến 50%;  - Mức 4: Từ trên 50% đến 100%;  - Mức 5: Từ trên 100% đến 150%;  - Mức 6: Từ trên 150%.  Lý do: Để phù hợp với mức xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chở hàng vượt quá trọng tải quy định tại Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.  **2. Ninh Bình**: Đề nghị sửa đổi khoản 17 Điều 28 dự thảo để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1; khoản 3, khoản 5 Điều 28 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP như sau: | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo |
| a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ 10% đến 50% ra khỏi cảng, bến, ***trừ xe xi téc chở chất lỏng***; | **1. Ninh Bình**:  a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức với hành vi để mỗi xe ô tô chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ 10% đến 50% ra khỏi cảng, bến;  **2. Vụ KHĐT**: Điểm b Khoản 17 Điều 28: “…trừ xe xi téc chở chất lỏng”, đề nghị làm rõ không bao gồm xe xi téc. | 1. Điểm này sẽ sửa lại để đảm bảo tương đồng với Nghị định 100/2019/NĐ-CP  2. Quy định này để đảm bảo tương đồng với Nghị định 100/2019/NĐ-CP.  (Điều 28 NĐ 100/2019. 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 10% đến 50% (trừ xe xi téc chở chất lỏng), trên 20% đến 50% đối với xe xi téc chở chất lỏng;  b) Xếp hàng hóa lên xe ô tô mà không ký xác nhận việc xếp hàng hóa vào Giấy vận tải theo quy định). |
| b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ trên 50% đến 100% ra khỏi cảng, bến; | b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 3.000.000 đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức với hành vi để mỗi xe ô tô chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ 50% đến 100% ra khỏi cảng, bến; |  |
| c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi để mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% ra khỏi cảng, bến. | c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đối với cá nhân, từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức với hành vi để mỗi xe ô tô chở hàng hóa vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% ra khỏi cảng, bến; |  |
| 18. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an ninh tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài như sau: |  |  |
| a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục xác nhận hàng năm giấy chứng nhận an ninh cho cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc không thực hiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài đã được phê duyệt hoặc không bố trí hoặc bố trí không đủ người làm công tác an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định; |  |  |
| b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc có giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoàì, nhưng đã hết giá trị. |  |  |
| 19. Hình thức xử phạt bổ sung: |  |  |
| Đình chỉ hoạt động của cảng, bến từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 18 Điều này trong trường hợp vi phạm từ 02 lần trở lên hoặc tái phạm. | **TP. Hồ Chí Minh:**  Tại khoản 19 đề nghị điều chỉnh thành “*Đình chỉ hoạt động của cảng, bến từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại* ***khoản 17,*** *18 Điều này trong trường hợp vi phạm từ 02 lần trở lên hoặc tái phạm”.*  Lý do: Để đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo |
|  | **TP. Hồ Chí Minh:** Đề xuất bổ sung thêm hình thức xử phạt đối với chủ khai thác cảng thủy nội địa có hành vi:  *a) Không thực hiện công bố lại hoạt động trong các trường hợp pháp luật quy định định phải thực hiện công bố lại;*  *b) Không tháo dỡ công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại khi đã được công bố đóng hoạt động.*  Lý do: Tại khoản 6 Điều 28 dự thảo Nghị định chỉ áp dụng đối với bến thủy nội địa mà không có cảng thủy nội đại và khu neo đậu. Do đó, cảng thủy nội đại và khu neo đậu cũng cần được áp dụng đối với quy định này để đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. | Tiếp thu, bổ sung nội dung này vào sau khoản 6 Điều này |
| 20. Biện pháp khắc phục hậu quả: |  |  |
| Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 6 Điều này. | **Bộ CA**: Khoản 20 bổ sung như sau *“a)* Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 6 Điều này.  *b) Buộc đưa người, phương tiện, hàng hóa vượt quá số lượng, sức chở hoặc không được phép chở lên khỏi phương tiện đối với vi phạm quy định tại khoản 16 Điều này”.* | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |
| **Điều 29. Vi phạm quy định về hoạt động của phương tiện trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu** | **Đồng Tháp:** Kiến nghị bổ sung hành vi: Đưa phương tiện vào xếp, dỡ hàng hóa, đón trả hành khách tại cảng, bến thủy nội địa chưa được công bố hoặc chưa được cấp phép hoạt động. | Tiếp thu, bổ sung vào khoản 5 Điều 29 (NĐ 132 được quy định tại khoản 3 Điều 24). |
| 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không để cho người của phương tiện khác đi qua phương tiện của mình. |  |  |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nội quy cảng, bến thủy nội địa hoặc gây mất trật tự tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu. |  |  |
| 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tự ý di chuyển phương tiện hoặc neo đậu phương tiện không đúng nơi quy định trong phạm vi vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; | **TP. HCM:**  Đề nghị sửa đổi khoản 3 như sau: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng (mức phạt hiện nay từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng) đối với hành vi đưa phương tiện vào xếp, dỡ hàng hóa, đón trả khách tại cảng, bến thủy nội địa chưa được công bố hoặc chưa được cấp giấy phép hoạt động.  Đồng thời, đề nghị bổ sung thêm hình thức xứ phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ lái phương tiện từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi này. | Trường hợp công trình chưa được cấp phép hoạt động thì không thể xác định đó là cảng, bến thủy nội địa, do vậy, dự thảo Nghị định không xử lý hành vi khai thác bến thủy nội địa không có giấy phép hoạt động. Tuy nhiên, để xử lý tình trạng neo đậu phương tiện vào bốc xếp, chuyển tải hàng hóa ở những nơi không đúng quy định, dự thảo đã bổ sung 02 quy định về xử lý hành vi tổ chức cho phương tiện vào neo đậu, xếp, dỡ, chuyển tài hàng hóa tại các vị trí chưa được công bố, cấp phép hoạt động và hành vi cho phương tiện vào neo đậu, xếp, dỡ, chuyển tài hàng hóa tại các khu vực không được công bố, cấp phép (khoản 3 Điều 30 và khoản 6 Điều 35 dự thảo). Về việc bổ sung hình thức xử phạt bổ sung: Tiếp thu, bổ sung tại Điều 35 dự thảo. |
| c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa; | **Tiền Giang**: Tại Điều 29: Đề nghị xem xét lại mức phạt tiền tại điểm d “phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng”, vì mức phạt này thấp hơn mức phạt tại điểm c “phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo theo hướng không chia nhóm phương tiện. |
| d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  |
| 4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không thực hiện sự điều động của người có thẩm quyền huy động phương tiện để cứu người, phương tiện bị nạn hoặc tự ý điều khiển phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc không có giấy phép vào, rời cảng, bến hoặc không có lệnh điều động theo quy định như sau: | **Hải Dương**: Tại Điều 29: Đề nghị có hình thức phạt bổ sung với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4. | Xem lại khoản này có cần hình thức xử phạt bổ sung không  Đề nghị không áp dụng hình thức xử phạt bổ sung vì mức xử phạt tiền đối với hành vi này đã đủ tính răn đe.  Bỏ hành vi không thực hiện sự điều động của người có thẩm quyền huy động phương tiện để cứu người, phương tiện bị nạn do đã được quy định tại khoản 4 Điều 25 dự thảo. |
| a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người; |  |  |
| b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách và đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; |  |  |
| c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách và trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa; |  |  |
| d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách và trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  |
| **Mục 6.** |  |  | **Mục 6.** |
| **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  | **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |
| **Điều 30. Vi phạm quy định về vận chuyển người, hành khách** | **Đồng Tháp:** Kiến nghị bổ sung hành vi phạm: “Bến khách thu giá vé cao hơn quy định” Chủ thể vi phạm chủ khai thác bến khách. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì chưa có quy phạm nội dung | **Điều 32. Vi phạm quy định về vận chuyển người, hành khách** |
| 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái phương tiện sử dụng phương tiện không có động cơ có sức chở đến 12 người, phương tiện có động cơ có sức chở dưới 05 người đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không bố trí chỗ ngồi cho hành khách, để hành khách đứng trên phương tiện hoặc có hành vi khác làm mất an toàn của phương tiện; để người, hành khách ngồi trên mui hoặc hai bên mạn của phương tiện;  b) Xếp người, hành khách, hàng hóa, hành lý, xe đạp, xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện khác làm nghiêng lệch phương tiện hoặc che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;  c) Không có nội quy an toàn hoặc không phổ biến nội quy an toàn, không hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, dụng cụ an toàn hoặc không có bảng hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, dụng cụ an toàn cho người, hành khách trên phương tiện;  d) Chở động vật nhỏ mà không nhốt trong lồng, cũi hoặc chở động vật lớn cùng với người, hành khách trên phương tiện.  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người lái phương tiện sử dụng phương tiện không có động cơ sức chở trên 12 người, phương tiện có động cơ sức chở từ 05 người đến dưới 12 (mười hai) người để vận chuyển người, hành khách có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này hoặc một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Đón, trả hành khách không đúng nơi quy định;  b) Không có danh sách hành khách trong mỗi chuyến hoặc danh sách hành khách không đúng quy định, trừ vận chuyển hành khách ngang sông;  c) Xếp hàng hóa, hành lý trên lối đi của hành khách.  3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền viên có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này hoặc chạy không đúng tuyến đã thông báo, trừ vận chuyển hành khách theo hợp đồng; bỏ chuyến đã đăng ký; chuyển nhượng hành khách sang phương tiện khác mà chưa được sự đồng ý của hành khách, như sau:  a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 12 (mười hai) khách đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách;  b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách;  c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện có động cơ sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách.  4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật bị dịch bệnh cùng với hành khách.  5. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 trên mỗi người đối với hành vi chở vượt quá sức chở người của phương tiện chở người, hành khách.  6. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 trên mỗi người đối với hành vi chở vượt quá sức chở người của phương tiện chở người, hành khách tốc độ cao. | **1. Thanh tra Bộ**: Tại khoản 1 Điều 30 của dự thảo, đề nghị bỏ cụm từ “phạt cảnh cáo” đồi với các hành vi được quy định xử phạt tại các điểm a, điểm b, lý do: các hành vi trên là VPHC có thể xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nghiêm trọng;  **2. Bộ CA**: Tại điểm a, khoản 2 Điều 30 bổ sung “Đón, trả hành khách **tại các cảng, bến thủy nội địa chưa được công bố hoạt động hoặc tại các vị trí chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép**”.  **3. Thanh tra Bộ**:  Tại khoản 4 Điều 30 của dự thảo, đề nghị chuyển quy định xử phạt đối với hành vi này quy định xử phạt tại Điều 34 của dự thảo, lý do: cho phù hợp quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm; | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo  2. Đề nghị bỏ do trùng với quy định tại khoản 7 Điều 33 dự thảo.  3. - Đề nghị giữ nguyên như dự thẩo vì quy định này tích hợp nhiều đối tượng (hàng nguy hiểm, động vật…) trong mối liên quan tới việc vận tải người.  - Dự thảo chuyển nội dung khoản 4 lên khoản 1. | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trên mỗi người đối với hành vi chở vượt quá sức chở người của phương tiện chở người, hành khách, phương tiện có công dụng tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi.  2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái phương tiện sử dụng phương tiện có sức chở đến 12 người có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không bố trí chỗ ngồi cho hành khách, để hành khách đứng trên phương tiện hoặc có hành vi khác làm mất an toàn của phương tiện; để người, hành khách ngồi trên mui hoặc hai bên mạn của phương tiện;  b) Xếp người, hành khách, hàng hóa, hành lý, xe đạp, xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện khác làm nghiêng lệch phương tiện hoặc che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc xếp hàng hóa, hành lý trên lối đi của hành khách;  c) Không phổ biến nội quy đi tàu, không hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm, thoát hiểm, chữa cháy cho người, hành khách trên phương tiện;  d) Chở động vật nhỏ mà không nhốt trong lồng, cũi hoặc chở động vật lớn cùng với người, hành khách trên phương tiện;  đ) Chở hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật bị dịch bệnh cùng với hành khách trên phương tiện;  e) Không có danh sách hành khách trong mỗi chuyến hoặc danh sách hành khách không đúng quy định, trừ vận chuyển hành khách ngang sông.  3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đúng tuyến đã thông báo, trừ vận chuyển hành khách theo hợp đồng; bỏ chuyến đã đăng ký; chuyển nhượng hành khách sang phương tiện khác mà chưa được sự đồng ý của hành khách, áp dụng đối với phương tiện có sức chở đến 12 người.  4. Xử phạt vi phạm hành chính đối với thuyền trưởng có mỗi hành vi vi phạm quy định tại khoản 2Điều này hoặc chạy không đúng tuyến đã thông báo, trừ vận chuyển hành khách theo hợp đồng; bỏ chuyến đã đăng ký; chuyển nhượng hành khách sang phương tiện khác mà chưa được sự đồng ý của hành khách, như sau:  a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có sức chở trên 12 người đến 50 người;  b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có sức chở trên 50 người đến 150 người;  c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có sức chở trên 150 người.  5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu theo tuyến cố định có mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không công khai thông tin về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc niêm yết tại cảng, bến, tại quầy bán vé để hành khách biết được trước khi đi tàu;  b) Không niêm yết tại cảng, bến, tại quầy bán vé bằng tiếng Việt và tiếng Anh: thông tin về thời gian xuất bến, số chuyến lượt, giá vé, chính sách giảm giá vé theo quy định pháp luật và của người kinh doanh vận tải, hành trình (bao gồm cả các điểm dừng nghỉ, thời gian dừng, nghỉ), dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, bảo hiểm hành khách, hành lý miễn cước, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách;  c) Không niêm yết trên tàu bằng tiếng Việt và tiếng Anh: số điện thoại đường dây nóng của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý, đơn vị tìm kiếm cứu nạn và nội quy đi tàu;  d) Không có bảng hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, dụng cụ cứu sinh, cứu đắm, thoát hiểm, chữa cháy;  đ) Vi phạm quy định về quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin bắt buộc cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định;  e) Vi phạm nghĩa vụ thông báo lịch trình chạy tàu theo quy định;  g) Không tổ chức diễn tập công tác ứng cứu khi tàu bị sự cố đâm va, hỏng máy, cháy nổ hàng năm theo quy định;  h) Không giao vé hành khách, chứng từ thu cước phí vận tải hành lý, bao gửi cho người đã trả đủ cước phí vận tải.  6. Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã theo quy định khi thực hiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, kinh doanh vận chuyển khách du lịch theo quy định. |
| 7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hành khách theo phương thức hợp đồng chuyến nhưng không có hợp đồng. | **Phòng TMCNVN**:  Khoản 7 Điều 30 Dự thảo quy định xử phạt đối với hành vi “vận tải hành khách theo phương thức hợp đồng chuyến nhưng không có hợp đồng”.  Theo quy định của pháp luật dân sự, hợp đồng được thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, không chỉ bằng văn bản. Bất kì hình thức nào thể hiện được sự đồng thuận giữa các bên. Vì vậy rất khó để xác định hành vi vân tải hành khách theo phương thức hợp đồng chuyến là có hợp đồng hay không. Xét bản chất thì việc vận chuyển hành khách theo phương thức hợp đồng chuyến, bên vận tải và hành khách cùng thống nhất cung cấp và sử dụng dịch vụ là xác lập hợp đồng, không cần thiết phải lập thành văn bản. Dưới góc độ quản lý nhà nước, thì việc hai bên có thiết lập hợp đồng bằng văn bản hay không cũng rất ít hảnh hưởng đến mục tiêu quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực này. Do đó không cần thiết phải ràng buộc các bên phải có hợp đồng bằng văn bản.  Để đảm bảo tính hợp lý, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc, xem xét bỏ quy định tại khoản 7 Điều 30 Dự thảo | Tiếp thu, bỏ quy định này.  Xem xét lại: vì theo Điều 523 Bộ luật dân sự quy định “hợp đồng vận chuyển hành khách có thể được lập thành văn bản, bằng lời nói hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”  Tuy nhiên, theo điểm b khoản 1 Điều 78 Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định “Vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến là vận tải theo yêu cầu của hành khách trên cơ sở hợp đồng”. |  |
| 8. Hình thức xử phạt bổ sung: | **Đà Nẵng**: Đề nghị sửa đổi khoản 8 như sau: |  | 7. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định **tại điểm c khoản 3 Điều này** hoặc đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở từ 30% đến 50% quy định tại **khoản 5, khoản 6** Điều này; | "a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định **tại điểm c khoản 3 Điều này** hoặc đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở từ 10% đến 15% quy định tại **khoản 5, khoản 6** Điều này"; | Rà soát, chỉnh sửa lại nội dung trong dự thảo, xử phạt bổ sung đối với hành vi chở vượt quá số người tại khoản 1 Điều này. | a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở từ 30% đến 50% quy định tại khoản 1 Điều này; |
| b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở từ 50% trở lên quy định tại **khoản 5, khoản 6** Điều này. | "b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở trên 15% quy định tại **khoản 5, khoản 6** Điều này". | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo | b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi chở vượt quá số người được phép chở từ 50% trở lên quy định tại khoản 1 Điều này. |
| 9. Biện pháp khắc phục hậu quả: |  |  | 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: |
| a) Buộc đưa lên khỏi phương tiện động vật lớn, hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; buộc đưa lên khỏi phương tiện số người, hành khách vượt quá sức chở của phương tiện theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này và phải tổ chức cho hành khách chở vượt đến nơi an toàn;  b) Buộc đưa lên khỏi phương tiện và tiêu hủy động vật bị dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này. | a) Buộc đưa lên khỏi phương tiện, hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này;  b) Buộc đưa lên khỏi phương tiện số người, hành khách vượt quá sức chở của phương tiện theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này và phải tổ chức cho số hành khách chở vượt quá sức chở của phương tiện đến nơi an toàn. |
| **Điều 31. Vi phạm quy định về trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong hoạt động vận tải** | **1. Cần Thơ:** Bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi chủ phương tiện không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự vào Điều 31 dự thảo (hiện nay, hành vi không có bảo hiểm trách nhiệm dân sự chỉ xử phạt đối với lái xe).  **2. Hải Dương**: Tại Điều 31 do các hành vi vi phạm tại Điều này đều xử lý đối với chủ phương tiện. Đề nghị hợp nhất các khoản tại Điều này vào Điều 20. Vi phạm quy định về trách nhiệm của chủ phương tiện, người thuê phương tiện cho phù hợp. | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì tại khoản 1 đã quy định đối với nội dung này  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để tách bạch riêng Điều quy định về trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm dân cho rõ ràng. | **Điều 33. Vi phạm quy định về trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong hoạt động vận tải** |
| 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hàng hóa không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau: |  |  | 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hàng hóa không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau: |
| a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ trên 15 tấn đến 100 tấn, phương tiện có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; | **Vụ KHĐT**: Điểm a, Điều 31 quy định về trách nhiệm mua bảo hiểm dân sự đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 15 tấn. Với phương tiện trọng tải toàn phần dưới 15 tấn có biện pháp xử phạt thế nào khi không mua bảo hiểm dân sự. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 77 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014). | a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa; |
| b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa; |  |  | b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa; |
| c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 200 tấn, phương tiện có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  | c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa. |
| 2. Xử phạt vi phạm hành chính với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hành khách không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với hành khách và mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau: |  |  | 2. Xử phạt vi phạm hành chính với hành vi của chủ phương tiện kinh doanh vận tải hành khách không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với hành khách và mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự người thứ ba, đối với mỗi loại phương tiện như sau: |
| a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở đến 50 (năm mươi) khách; phà có sức chở đến 50 (năm mươi) khách; |  |  | a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện sức chở đến 12 người; |
| b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 50 (năm mươi) khách đến 100 (một trăm) khách; |  |  | b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có sức chở trên 12 người đến 50 người; |
| c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với phương tiện chở khách, phương tiện lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện cánh ngầm, phương tiện cao tốc có sức chở trên 100 (một trăm) khách; phà có sức chở trên 100 (một trăm) khách. |  |  | c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có sức chở trên 50 người đến 150 người; |
|  |  |  | d) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có sức chở trên 150 người. |
| **Điều 32. Vi phạm quy định về an toàn giao thông của người, hành khách trên phương tiện** | **Hải Dương**: Tại Điều 32, mức xử phạt tiền các hành vi này thấp so với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và các mức xử phạt tại các quy định khác xuyên suốt Dự thảo Nghị định, đề nghị tăng mức xử phạt. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đây là mức xử phạt áp dụng với hành khách, người đi đò trên các phương tiện dân sinh. | **Điều 34. Vi phạm quy định về an toàn giao thông của người, hành khách trên phương tiện** |
| 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không chấp hành nội quy an toàn trên phương tiện, không chấp hành sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. |  |  | 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không chấp hành nội quy an toàn trên phương tiện, không chấp hành sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Mang hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm vận tải chung với hành khách; |  |  | a) Mang hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm vận tải chung với hành khách; |
| b) Gây mất trật tự, an toàn trên phương tiện. |  |  | b) Gây mất trật tự, an toàn trên phương tiện. |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không mặc áo phao cứu sinh hoặc không mang dụng cụ nổi cứu sinh do thuyền viên, người lái phương tiện phát khi tham gia giao thông trên phương tiện chở khách ngang sông, phương tiện có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người. | **Quảng Nam**: Đề nghị bổ sung xử phạt đối với các phương tiện khác có trọng tải và sức chở lớn hơn quy định tại khoản 3 Điều 32. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, các quy phạm nội dung không quy định băt buộc hành khách phải mặc áo phao cứu sinh hoặc mang dụng cụ nổi cá nhân, quy định này nhằm đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông trên các phương tiện nhỏ, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn giao thông. | 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không mặc áo phao cứu sinh hoặc không mang dụng cụ nổi cứu sinh khi tham gia giao thông trên phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện chở khách ngang sông. |
| **Điều 33. Vi phạm quy định về xếp, dỡ hàng hóa trên phương tiện** |  |  | **Điều 35. Vi phạm quy định về xếp, dỡ hàng hóa** |
| 1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 15 sức ngựa có một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện thô sơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn, phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa có một trong các hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Xếp, dỡ hàng hóa làm nghiêng lệch phương tiện; |  |  | a) Xếp, dỡ hàng hóa làm nghiêng lệch phương tiện; |
| b) Xếp hàng hóa che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc cản trở hoạt động của hệ thống lái, neo và các trang thiết bị an toàn khác; |  |  | b) Xếp hàng hóa che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc cản trở hoạt động của hệ thống lái, neo và các trang thiết bị an toàn khác; |
| c) Xếp hàng hóa vượt quá kích thước chiều ngang, chiều dọc của phương tiện. |  |  | c) Xếp hàng hóa vượt quá kích thước chiều ngang, chiều dọc của phương tiện. |
| 2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với mỗi loại phương tiện, như sau:  a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa;  b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa;  c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. | **Bộ CA**: Điểm a, khoản 2 bổ sung xử phạt đối với phương tiện từ 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa | Tiếp thu, đã chỉnh sửa trong dự thảo. | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người có một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người có một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người có một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. |
| 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi hành vi vi phạm quy định về xếp mô tô, xe gắn máy, ô tô trên phương tiện, như sau:  a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe mô tô, xe gắn máy xuống phương tiện vượt quá số lượng xe mô tô, xe gắn máy được phép chở theo quy định;  b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở theo quy định xuống phương tiện;  c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô vượt quá trọng tải, số người mà ô tô được phép chở theo quy định xuống phương tiện. | **1. Đồng Tháp**: Kiến nghị bổ sung hành vi: “Xếp mỗi ô tô có tải trọng từ 3,5 tấn trở lên hoặc xe ô tô khách từ 16 chỗ ngồi trên lên trên phà một lưỡi”.  **2. Hải Dương**: Tại Khoản 3, Điều 33: Đề nghị làm rõ hành vi vi phạm quy định tại điểm c: *“Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô vượt quá trọng tải, số người mà ô tô được phép chở theo quy định xuống phương tiện.”*  **3. Bộ CA**: Bổ sung mới điểm d trong khoản 3 như sau: *“d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi ô tô xuống phương tiện không được tiếp nhận phương tiện chở ô tô.”* | 1. Tiếp thu, quy định tích hợp tại điểm b khoản này (vì phà một lưỡi là một loại hình phương tiện thủy nội địa, việc chở cụ thể theo quy định pháp luật nội dung).  2. Điểm này để xử phạt đối với hành vi xếp quá tải trọng, quá số người mà ô tô được phép trở xuống phương tiện nhằm đảm bảo an toàn của phương tiện.  3. Tiếp thu, tích hợp bổ sung trong điểm b khoản 5 này. | 5. Xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi hành vi vi phạm quy định về xếp, dỡ, chở mô tô, xe gắn máy, ô tô trên phương tiện, như sau:  a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng trên mỗi xe mô tô, xe gắn máy được xếp trên phương tiện vượt quá số lượng xe mô tô, xe gắn máy được phép chở theo quy định;  b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở xuống phương tiện hoặc xếp mỗi xe ô tô không được phép chở trên phương tiện theo quy định.  6. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi neo đậu phương tiện để xếp dỡ, chuyển tải hàng hóa hoặc **đón, trả** hành khách tại vùng nước không được công bố, cấp giấy phép hoạt động, như sau:  a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;  b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;  c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn;  d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn. |
|  |  |  | 7. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này. |
| 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: |  |  | 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: |
| a) Buộc xếp hàng hóa theo đúng quy định đối với vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; | **Bộ CA**: Bỏ khoản 4 điều 33 vì áp dụng không khả thi | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo theo nguyên tắc của Luật XLVPHC. | a) Buộc xếp hàng hóa theo đúng quy định đối với vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này; |
| b) Buộc đưa ô tô không đúng chủng loại lên khỏi phương tiện đối với vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. | **Tiền Giang**: Tại điểm b khoản 4 Điều 33: Đề nghị xem xét lại nội dung” ô tô không đúng chủng loại”, do dùng từ “chủng loại thì chưa thật sự phù hợp” | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo | b) Buộc đưa xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô vượt quá số lượng lên khỏi phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. |
| **Điều 34. Vi phạm quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm** | **Bộ Công thương:** Đề nghị sử dụng thuật ngữ "vận tải" hoặc "vận chuyển" thống nhất tại Điều 34. Tại tên Điều 34 và khoản 1 Điều 34 đều sử dụng thuật ngữ "vận tải hàng hóa nguy hiểm", tuy nhiên, khoản 2 Điều 34 lại sử dụng thuật ngữ "vận chuyển hàng hóa nguy hiểm" (thuật ngữ này được sử dụng theo quy định tại Nghị định số 42/2020/NĐ-CP). | Tiếp thu, sử dụng thống nhất cụm từ “vận tải” để đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa | **Điều 36. Vi phạm quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm** |
| 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa nguy hiểm vi phạm các quy định sau: |  |  | 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Thuyền viên, người lái phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm mà không có chứng chỉ chuyên môn đặc biệt; |  |  | a) Thuyền viên, người lái phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm mà không có chứng chỉ chuyên môn đặc biệt; |
| b) Không chấp hành các quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm ghi trong giấy phép; |  |  | b) Không chấp hành các quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm ghi trong giấy phép; |
| c) Không trang bị thiết bị, dụng cụ phòng, chống cháy, nổ, độc hại; |  |  | c) Không trang bị thiết bị, dụng cụ phòng, chống cháy, nổ, độc hại; |
| d) Không có biểu trưng hàng hóa nguy hiểm, báo hiệu nguy hiểm; |  |  | d) Không có biểu trưng hàng hóa nguy hiểm, báo hiệu nguy hiểm; |
| đ) Không thực hiện đúng quy trình làm sạch phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm; |  |  | đ) Không thực hiện đúng quy trình làm sạch phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm; |
| e) Thực hiện rửa, tẩy phương tiện sau khi vận tải hàng hóa nguy hiểm không đúng nơi quy định. |  |  | e) Thực hiện rửa, tẩy phương tiện sau khi vận tải hàng hóa nguy hiểm không đúng nơi quy định. |
| 2. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm hoặc không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm hóa chất từ phương tiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định khi vận tải xăng, dầu, chất lỏng độc hại. |  |  | 2. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vận tải hàng hóa nguy hiểm hoặc không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm hóa chất từ phương tiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định khi vận tải xăng, dầu, chất lỏng độc hại. |
| 3. Hình thức xử phạt bổ sung: |  |  | 3. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này;  b) Đình chỉ hoạt động phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này. |  |  | Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này. |
|  |  |  | 4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm vệ sinh, môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c, đ, e khoản 1 Điều này. |
| **Điều 35. Vi phạm quy định về vận tải qua biên giới, động vật sống, hàng hóa siêu trường, siêu trọng** |  |  | **Điều 37. Vi phạm quy định về vận tải qua biên giới, hàng hóa siêu trường, siêu trọng** |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa, hành khách qua biên giới mà không có giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |  |  | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa, hành khách qua biên giới mà không có giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện vận tải động vật sống không bảo đảm vệ sinh, phòng dịch và bảo vệ môi trường theo quy định. |  | Bỏ do trùng với khoản 1 Điều 33 dự thảo. | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng không đúng phương án bảo đảm an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng mà không có phương án bảo đảm an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. |  |  | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng mà không có phương án bảo đảm an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. |
| 4. Hình thức xử phạt bổ sung: |  |  | 4. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| Tịch thu động vật bị cấm vận chuyển quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. | **1. Bộ Tư pháp, Bộ QP, Hải Dương**: Đề nghị bỏ cụm từ "điểm b" khoản 4 Điều 35 vì khoản 2 Điều này không có điểm b.  **2. Bộ CA**: Bỏ khoản 4 xử phạt hành vi vận chuyển động vật bị cấm vận chuyển để tránh chồng chéo với các lĩnh vực khác | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo;  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đã có sự rà soát với các lĩnh vực khác. | Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. |
|  | **Bộ CA:** Bổ sung khoản 5 như sau “5.Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm vệ sinh, môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.  b) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.” | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì |  |
| **Điều 36. Vi phạm quy định về xếp, dỡ hoặc chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện** | **Bộ CA:** Sửa đổi tên điều như sau “Điều 36.Vi phạm quy định **~~về xếp, dỡ hoặc~~** chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện”. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | **Điều 38. Vi phạm quy định về chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này. |  |  | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô của mỗi phương tiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định này. |
| 2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện từ trên 1/5 đến 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này, như sau: | **TP HCM:**  Đề nghị sửa đổi khoản 2 như sau:  + Điểm e: Phạt tiền từ 2.000.000 động đến 3.000.000 đồng (mức phạt hiện tại từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng) đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 300 tấn đến 500 tấn hoặc đoàn lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn.  + Điếm g: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng (mức phạt hiện tại từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng) đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc đoàn lai trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn.  + Điếm h: Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng (mức phạt hiện tại từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng) đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc đoàn lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn.  + Điểm i: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng (mức phạt hiện tại từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng) đối với đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn. | Nội dung này đã được chỉnh sửa lại phần chia nhóm phương tiện theo ý kiến của cơ quan đăng kiểm, đồng thời, điều chỉnh lại mức xử phạt phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi. | 2. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện trong khoảng từ trên 1/5 đến 1/2 chiều cao mạn khô của mỗi phương tiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định này, như sau: |
| a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn; | **Bộ CA**: Điểm a, khoản 2 sửa đổi, bổ sung như sau “a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồngđối với phương tiện *có động cơ hoặc* trọng tải toàn phần đến 15 tấn;” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người; |
| b) Phạt tiền từ **2.000.000 đồng đến 3.000.000** đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; | **Bộ CA**: Điểm b, khoản 2 và điểm c, khoản 3 bổ sung xử phạt đối với phương tiện từ 15 sức ngựa đến 100 sức ngựa. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người; |
| c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 250 tấn đến 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 800 tấn đến 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa; |  |  | c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 1500 tấn; |
| d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  | d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1500 tấn. |
| 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn trên 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn lai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này, như sau: |  |  | 3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn trên 1/2 chiều cao mạn khô của mỗi phương tiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định này, như sau: |
| a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn; | **Bộ CA**: Điểm a, khoản 3 sửa đổi, bổ sung “Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện *có động cơ hoặc*trọng tải toàn phần đến 15 tấn;” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người; |
| b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; |  |  | b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người; |
| c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với phà có sức chở đến 250 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 500 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 800 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa; |  |  | c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ hoặc tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần đến 1500 tấn; |
| d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với phà có sức chở trên 350 tấn hàng hóa; phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn; phương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa. |  |  | d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m3/h, tàu cần cẩu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn; đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1500 tấn. |
| 4. Hình thức xử phạt bổ sung: |  |  | 4. Hình thức xử phạt bổ sung: |
| a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; | **Quảng Nam**: Đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trang ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. | Tiếp thu, bổ sung tại khoản 5 Điều này | a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; |
| b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. |  |  | b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này. |
|  | **TP. HCM**. Đề nghị bổ sung khoản 4 như sau: Đình chỉ hoạt động của phương tiện từ 01 tháng đến 02 tháng đổi với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đã áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện. | 5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc đưa lên khỏi phương tiện số hàng hóa vượt quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này. |
| **Mục 7.** |  |  | **Mục 7.** |
| **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOA TIÊU** |  |  | **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOA TIÊU VÀ CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |
| **Điều 37. Vi phạm quy định về sử dụng hoa tiêu của phương tiện** |  |  | **Điều 39. Vi phạm quy định về sử dụng hoa tiêu của phương tiện** |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi phương tiện không treo cờ hiệu hoặc không sử dụng đèn hiệu theo quy định khi xin hoa tiêu hoặc khi hoa tiêu có mặt trên phương tiện. |  |  | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi phương tiện không treo cờ hiệu hoặc không sử dụng đèn hiệu theo quy định khi xin hoa tiêu hoặc khi hoa tiêu có mặt trên phương tiện. |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |  |  | 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Không sử dụng hoa tiêu theo quy định; | **Hải Dương**: Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 37: đề nghị bổ sung “*a) Không sử dụng hoa tiêu theo quy định* ***đối với những trường hợp bắt buộc phải sử dụng hoa tiêu****”* | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo | a) Không sử dụng hoa tiêu theo quy định đối với những trường hợp bắt buộc phải sử dụng hoa tiêu; |
| b) Không thông báo hoặc thông báo không chính xác cho hoa tiêu biết về đặc điểm và tính năng điều động của phương tiện; |  |  | b) Không thông báo hoặc thông báo không chính xác cho hoa tiêu biết về đặc điểm và tính năng điều động của phương tiện; |
| c) Không bảo đảm điều kiện làm việc cho hoa tiêu trong thời gian hoa tiêu ở trên tàu hoặc không có thang hoa tiêu hoặc thang hoa tiêu không bảo đảm an toàn theo quy định hoặc thang hoa tiêu được bố trí tại nơi không phù hợp hoặc không có các biện pháp bảo đảm an toàn khác cho hoa tiêu lên, rời phương tiện; |  |  | c) Không bảo đảm điều kiện làm việc cho hoa tiêu trong thời gian hoa tiêu ở trên tàu hoặc không có thang hoa tiêu hoặc thang hoa tiêu không bảo đảm an toàn theo quy định hoặc thang hoa tiêu được bố trí tại nơi không phù hợp hoặc không có các biện pháp bảo đảm an toàn khác cho hoa tiêu lên, rời phương tiện; |
| d) Đình chỉ hoặc yêu cầu thay thế hoa tiêu mà không có lý do chính đáng; |  |  | d) Đình chỉ hoặc yêu cầu thay thế hoa tiêu mà không có lý do chính đáng; |
| đ) Đón trả hoa tiêu không đúng địa điểm theo quy định. |  |  | đ) Đón trả hoa tiêu không đúng địa điểm theo quy định. |
| **Điều 38. Vi phạm quy định về hoa tiêu và dẫn luồng trên đường thủy nội địa** |  |  | **Điều 40. Vi phạm quy định về hoa tiêu và dẫn luồng trên đường thủy nội địa** |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | **Cần Thơ:** Đề nghị điều chỉnh tăng mức xử phạt quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 38 dự thảo để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 và điểm a khoản 2 Điều 45 Nghị định 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017, hiện, cùng hành vi nhưng mức xử phạt theo NĐ 142/2017 lần lượt là 6.000.000 đến 10.000.000 đồng và 5.000.000 đến 10.000.000 đồng. | Tiếp thu một phần, điều chỉnh tăng mức phạt, tuy nhiên, quy định tại Điều 44 NĐ 142/2017 áp dụng đối với tổ chức, còn quy định tại Điều 38 Dự thảo áp dụng đối với cá nhân hoa tiêu. | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài thuộc diện phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc mà không có chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hoặc giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu; | **Cục HHVN**: Đề nghị xem xét, bổ sung từ "bố trí" vào đầu điểm a, b khỏan 1 Điều 38 để thể hiện rõ hành vi vi phạm của tổ chức bố trí hoa tiêu, tránh nhầm lẫn sang vi phạm của hoa tiêu dẫn tàu. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung của điểm a, b khoản 1 là xử phạt đối với hoa tiêu dẫn tàu | a) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài thuộc diện phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc mà không có chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hoặc giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu; |
| b) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài không đúng vùng hoạt động của hoa tiêu theo quy định; |  |  | b) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài không đúng vùng hoạt động của hoa tiêu theo quy định; |
| c) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài vào vị trí neo đậu không đúng vị trí chỉ định của Cảng vụ Đường thủy nội địa; |  |  | c) Hoa tiêu dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài vào vị trí neo đậu không đúng vị trí chỉ định của Cảng vụ Đường thủy nội địa; |
| d) Hoa tiêu không thông báo những thay đổi của luồng cho Cảng vụ Đường thủy nội địa; |  |  | d) Hoa tiêu không thông báo những thay đổi của luồng cho Cảng vụ Đường thủy nội địa; |
| đ) Hoa tiêu tự ý rời phương tiện, tàu biển nước ngoài khi chưa được phép của thuyền trưởng; |  |  | đ) Hoa tiêu tự ý rời phương tiện, tàu biển nước ngoài khi chưa được phép của thuyền trưởng; |
| e) Từ chối dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo kịp thời cho Cảng vụ Đường thủy nội địa hoặc tổ chức hoa tiêu về việc từ chối dẫn phương tiện; |  |  | e) Từ chối dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo kịp thời cho Cảng vụ Đường thủy nội địa hoặc tổ chức hoa tiêu về việc từ chối dẫn phương tiện; |
| g) Không sử dụng trang phục hoa tiêu theo quy định khi dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài. |  |  | g) Không sử dụng trang phục hoa tiêu theo quy định khi dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài. |
| 2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | **Cục HHVN:** Đề nghị xem xét, bổ sung thêm các hành vi: "Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không thông báo cho cảng vụ việc tàu, thuyền chạy quá tốc độ cho phép;  b) Chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép". | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì pháp luật nội dung lĩnh vực ĐTNĐ không quy định giới hạn tốc độ. | 2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: |
| a) Dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài trên tuyến luồng, vùng nước đường thủy nội địa mà không có giấy phép hoạt động hoa tiêu ở khu vực đó; |  |  | a) Dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài trên tuyến luồng, vùng nước đường thủy nội địa mà không có giấy phép hoạt động hoa tiêu ở khu vực đó; |
| b) Ép buộc thuyền viên, người lái phương tiện phải thuê, mướn việc dẫn luồng tại khu vực không phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc; |  |  | b) Ép buộc thuyền viên, người lái phương tiện phải thuê, mướn việc dẫn luồng tại khu vực không phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc; |
| c) Tự ý dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài không đúng tuyến luồng đường thủy nội địa đã được công bố; |  |  | c) Tự ý dẫn phương tiện, tàu biển nước ngoài không đúng tuyến luồng đường thủy nội địa đã được công bố; |
| d) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn giao thông đường thủy nội địa; |  |  | d) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn giao thông đường thủy nội địa; |
| đ) Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu. |  |  | đ) Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu. |
|  |  |  | **Điều 41. Vi phạm quy định khi có hoạt động thanh tra, kiểm tra**  1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Từ chối nhận quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;  b) Không thực hiện việc báo cáo, kê khai, khai báo hoặc báo cáo, kê khai, khai báo không trung thực, không đúng thời hạn theo yêu cầu của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;  c) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính trong thời gian yêu cầu của người thi hành công vụ.  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không chấp hành yêu cầu về kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;  b) Cố tình không dừng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát theo hiệulệnh của người có thẩm quyền;  c) Không xuất trình hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài việc xuất trình giấy tờ của phương tiện, của thuyền viên hoặc người lái phương tiện, hàng hóa khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền;  d) Không đưa hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài thời gian đưa phương tiện về nơi xử lý vi phạm theo yêu cầu của người có thẩm quyền;  đ) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người có thẩm quyền;  e) Xúi giục, lôi kéo hoặc kích động người khác không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;  g)Tự ý tháo gỡ niêm phong tài liệu, tang vật, phương tiện, nhà kho, trang thiết bị vi phạm đang bị niêm phong; tạm giữ hoặc tẩu tán tài liệu, tang vật vi phạm, tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính trong lĩnh giao thông đường thủy nội địa.  3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:  a) Không thi hành quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa của người hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  b) Không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung và yêu cầu trong kết luận kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;  c) Dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người có thẩm quyền;  d) Gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người có thẩm quyền;  đ) Đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người có thẩm quyền để trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính. |
| **Chương III** |  |  | **Chương III** |
| **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  | **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |
|  | **1. Bộ CA:**  Bổ sung điều khoản quy định cụ thể các điều khoản của Nghị định thuộc thẩm quyền xử phạt của từng lực lượng thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Công an nhân dân, Thanh tra giao thông, Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Lực lượng Kiểm ngư, Thanh tra chuyên ngành: Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo. | **Điều 42. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.  2. Lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này, cụ thể như sau:  a) Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18;  b) Khoản 3 Điều 19;  c) Điều 20; Điều 21; Điều 22; khoản 1 Điều 23, Điều 24; Điều 25; Điều 26;  d) Khoản 3 Điều 30;  đ) Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41.  3. Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, cơ quan được giao thực hiện hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Cục Đường thủy nội địa Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 5 đến Điều 41 tại Chương II của Nghị định này.  4. Thanh tra Sở Giao thông vận tải trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 5 đến Điều 41 tại Chương II của Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm xảy ra tại các cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.  5. Cơ quan được giao thực hiện hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Chi cục Đường thủy nội địa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:  a) Điều 5, Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23, Điều 24; Điều 25, Điều 26;  b) Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39, Điều 40 và Điều 41.  6. Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này, các hành vi vi phạm khác của tàu biển, tàu cá quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu được giao quản lý.  7. Cảng vụ Hàng hải có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện; xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách quy định tại Nghị định này tại cảng, bến thủy nội địa được giao quản lý trong vùng nước cảng biển.  8. Bộ đội Biên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này, cụ thể như sau:  a) Điều 5; Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 24; Điều 25, Điều 26;  b) Khoản 1 Điều 31;  c) Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39, Điều 40 và Điều 41.  9. Cảnh sát biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, Điều của Nghị định này, cụ thể như sau:  a) Điều 5; Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 24; Điều 25, Điều 26;  b) Khoản 1 Điều 31;  c) Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39, Điều 40 và Điều 41.  10. Đối với những vi phạm hành chính xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa không thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lực lượng Thanh tra giao thông, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa, Công an nhân dân. |
| **Điều 39. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính** |  |  | **Điều 43. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính** |
| 1. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa:  a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;  b) **Cán bộ,** công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước, bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành, đơn vị lực lượng Quân đội, Công an đang thi hành công vụ;  c) Cảng vụ viên Cảng vụ Đường thủy nội địa; Cảng vụ viên Cảng vụ Hàng hải. | **1. Bộ Tư pháp**:  Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính:  Khoản 1 Điều 39 dự thảo Nghị định quy định về người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa:  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ những người nêu trên có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính “trong khi thi hành công vụ” để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức vi phạm.  Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn làm rõ việc bổ sung đối tượng là “cán bộ” là người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính vì theo khoản 1 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 thì “*Cán bộ ..được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ*”. | 1. Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo. | 1. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa:  a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;  b) Công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;  c) Cảng vụ viên Cảng vụ Đường thủy nội địa; Cảng vụ viên Cảng vụ Hàng hải. |
|  | **2. Bộ QP**: Tại điểm b khoản 1 Điều 39 đề nghị sửa đổi, bổ sung người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính bảo đảm phù hợp với các chủ thể được quy định trong dự thảo Nghị định, đồng thời, đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của CP; trong đó, đối với người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thuộc lực lượng vũ trang cần xác định là "người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ". | 2,3,4,8. Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo. |  |
|  | **3. Tiền Giang**:  Đề nghị bỏ cụm từ “Cán bộ” tại điểm b khoản 1 Điều 39 của dự thảo Nghị định và viết lại như sau: “Công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước, bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành, đơn vị lực lượng quân đội, Công an đang thi hành công vụ”; |  |  |
|  | **4. Bộ TN&MT:**  Điểm b khoản 1 Điều 39, đề nghị xem lại thẩm quyền lập biên bản của “Cán bộ” tại Điểm này bảo đảm phù hợp với quq định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật. |  |  |
|  | **5. Thanh tra Bộ**:  Tại điểm b Điều 39 của dự thảo, đề nghị bổ sung cụm từ: đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành” vào sau từ “đơn vị lực lượng Quân đội, Công an đang thi hành công vụ” cho phù hợp với khoản 1 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). | 5. Điểm b khoản 1 Điều này đã được sửa đổi để phù hợp với khoản 1 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). |  |
|  | **6. Bộ CA**: Tại điểm b, khoản 1 Điều 39 bổ sung như sau “…, đơn vị lực lượng Quân đội, Công an **và các lực lượng có thẩm quyền xử phạt khác** đang thi hành công vụ”. | 6. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì các lực lượng có thẩm quyền đã được liệt kê cụ thể |  |
|  | **7. TP. Hồ Chí Minh**: Tại điểm c khoản 1 Cảng vụ viên Cảng vụ Đường thủy nội địa có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.  Đề xuất Cảng vụ viên Cảng vụ Đường thủy nội địa có thẩm quyền tạm giữ các loại giấy tờ như “giấy phép hoặc giấy phép lưu hành phương tiện…” để đảm bảo việc chấp hành.  Lý do: Để đảm bảo việc chấp hành Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính “trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ một trong các loại giấy tờ theo thứ tự: giấy phép, chứng chỉ hành nghề” thì chỉ có những người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại các Điều từ 38 đến 51 Luật Xử lý vi phạm hành chính mới có quyền tạm giữ giấy tờ có liên quan đến vi phạm.  **8. Cục HHVN**: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "Công chức, viên chức Cảng vụ Đường thủy nội địa; Cảng vụ viên Cảng vụ Hàng hải đang thi hành công vụ, nhiệm vụ". | 7. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì theo quy định tại khoản 3 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 64 Điều 1 của Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2020 quy định: “Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật này thì có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Thẩm quyền tạm giữ không phụ thuộc vào giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”, người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật xử lý vi phạm hành chính không có cảng vụ viên Cảng vụ đường thủy nội địa, thẩm quyền thấp nhất là đến Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa (theo khoản 1 Điều 47 Luật xử lý vi phạm hành chính). |  |
| 2. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về giao thông đường thủy nội địa, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này phải buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm hành chính và kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính. |  |  | 2. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về giao thông đường thủy nội địa, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này phải buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm hành chính và kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính. |
|  |  | Tham khảo khoản 2 Điều 80 Nghị định 100/2019 | 3. Trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt căn cứ vào hành vi vi phạm để lập biên bản vi phạm hành chính đối với chủ phương tiện và tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật, thuyền trưởng, thuyền viên, người điều khiển phương tiện phải ký vào biên bản vi phạm hành chính với tư cách là người chứng kiến và được chấp hành quyết định xử phạt thay cho chủ phương tiện. |
| **Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp** |  |  | **Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp** |
| Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình theo thẩm quyền, cụ thể như sau:  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết chung là cấp xã) có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng; | **Phú Thọ**: Đề nghị tăng thẩm quyền xử phạt tiền tối đa của Chủ tịch UBND cấp xã tại Điều 40 dự thảo.  Lý do: Các mức xử phạt tiền của các hành vi vi phạm đã tăng lên rất nhiều trong khi thẩm quyền xử phạt của UBND cấp xã không tăng, dẫn đến giảm hiệu quả trong công tấc quản lý nhà nước tại địa phương. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính (theo khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch ủy ban nhân cấp xã có quyền: Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 5.000.000 đồng). | 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng; |
| c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng; | **Bộ Công thương, Vụ TCCB**: Đề nghị chỉnh sửa giá trị của tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền tịch thu của Chủ tịch UBND cấp xã tại điểm c khoản 1 Điều 40 đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Luật XLVPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020. | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo. | c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng; |
| d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. | **Bộ Công thương:** Đề nghị rà soát, chỉnh sửa quy định về biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND cấp xã tại điểm d khoản 1 Điều 40đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Luật XLVPHC, theo đó, Chủ tịch UBND cấp xã không được quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.  **Vụ TCCB**: Điểm d khoản 2 Điều 40: Đề nghị xem xét bỏ cụm “phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng”, căn cứ theo điểm c khoản 74 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020 | Tiếp thu, rà soát lại các biện pháp khắc phục hậu quả tại Chương II của Nghị định này để đảm bảo quy định cho phù hợp với điểm d khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính | d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 7, điểm b, c khoản 9 Điều 11, ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 7 Điều 27, khoản 8 Điều 28, khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 10 Điều 32 và khoản 4 Điều 36 Nghị định này. |
| 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết chung là cấp huyện) có quyền:  a) Phạt cảnh cáo; |  |  | 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo; |
| b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng; | **Bộ Công thương, Bộ KHĐT, Đắc Nông:** Đề nghị sửa mức phạt tiền tối đa của Chủ tịch UBND cấp huyện tại điểm b khoản 2 Điều 40 đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Luật XLVPHC. | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo | b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng; |
| c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; |  |  | c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; |
| d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng; | **Bộ Công thương:** Đề nghị chỉnh sửa giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Luật XLVPHC. | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo | d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; |
| đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |  |  | đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |
| 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết chung là cấp tỉnh) có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |  |  | 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |
| **Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân** | **Cần Thơ**: Bổ sung thẩm quyền xử phạt của lực lượng CAND đối với hành vi vi phạm xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu vào Điều 41 Dự thảo.  Hiện nay, tình hình trật tự an toàn giao thông, trật tự xã hội trên các tuyến đường thủy đang có xu hướng diễn biến phức tạp, lực lượng cảnh sát đường thủy phải tập trung, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm, điều tra giải quyết tai nạn giao thông trên toàn tuyến, địa bàn. Bên cạnh đó, Thông tư số 64/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020 của Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng CSGT thì lực lượng CS đường thủy được: "kiểm soát phương tiện, giấy tờ của phương tiện; kiểm soát thiền viên và giấy tờ của thuyền viên, giấy tờ tùy thân của người trên phương tiện; kiểm soát việc thực hiện các quy định về hoạt động vận tải trên đường thủy nội địa; kiểm soát các cảng, bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật". Do đó, đề nghị cơ quan chức năng xem xét, tăng thẩm quyền xử phạt của lực lượng CAND nói chung và của lực lượng CS đường thủy nói riêng tại "bến thủy nội địa" để đảm bảo giữ vững ổn định tình hình trật tự an toàn giao thông, trật tự xã hội. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì:  Thứ nhất, theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa), Cảng vụ đường thủy nội địa là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa. ...;  Thứ hai, khoản 3 Điều 99 Luật GT ĐTNĐ quy định: “*Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các biện pháp bảo vệ trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;* ***tổ chức lực lượng Cảnh sát đường thủy tuần tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trên đường thủy nội địa đối với người, phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật****; thống kê, cung cấp dữ liệu về tai nạn giao thông đường thủy nội địa*”.  Do đó, việc giao cho lực lượng CAND kiểm tra, xử lý VPHC trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa là không phù hợp. | **Điều 45. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân** |
| Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 19, Điều 23 và các hành vi vi phạm xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi thẩm quyền của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:  1. Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. **Trưởng trạm**, Đội trưởng **của người được quy định tại khoản 1 Điều này** có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.  3. Trưởng Công an cấp xã, **Thủy đội trưởng** có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.500.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này. | **1. Bộ Tư pháp**:  Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng một số chức danh có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân được quy định tại Điều 41 dự thảo Nghị định chưa phù hợp với Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng như chưa bảo đảm tính thống nhất trong dự thảo Nghị định, cụ thể:  1.1. + Khoản 2 Điều 41 quy định chức danh “Trưởng trạm” có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa thành “Trạm trưởng” để phù hợp với khoản 2 Điều 39 Luật XLVPHC đã được sửa đổi, bổ sung.  1.2. + Khoản 4 Điều 41 quy định chức danh “Thủy đoàn trưởng Cảnh sát đường thủy” và “Trưởng phòng Cảnh sát trật tự””, tuy nhiên khoản 4 Điều 39 Luật XPVPHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) lại chỉ quy định chức danh “Thủy đoàn trưởng” và không quy định chức danh “Trưởng phòng Cảnh sát trật tự”.  1.3. + Khoản 6 Điều 41 không quy định thẩm quyền xử phạt các chức danh “Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tối phạm về môi trường” và “Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạ, cứu hộ”, đây là cấp trên, đồng thời có cùng chức năng, nhiệm vụ như 02 chức danh được quy định tại khoản 4 Điều này là “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung 02 chức danh Cục trưởng nêu trên vào khoản 6 Điều 41 dự thảo Nghị định.  **2. Bộ CA**: Khổ thứ nhất sửa đổi, bổ sung như sau “Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại **khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 19; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 23** và các hành vi vi phạm xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi thẩm quyền của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:" | 1.1 Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để phù hợp với khoản 2 Điều 39 Luật XLVPHC đã được sửa đổi, bổ sung  1.2, 1.3: Tiếp thu, chỉnh sửa lại khoản này  2. Tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.  3. Trưởng Công an cấp xã, Thủy đội trưởng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 7 Điều 7, điểm b khoản 9 Điều 11, ~~khoản 8 Điều 25~~ Nghị định này. |
| 4. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Thủy đoàn trưởng Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. | **Bộ CA**: Khổ thứ nhất khoản 4 sửa đổi, bổ sung như sau: “Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Thủy đoàn trưởng **~~Cảnh sát đường thủy~~**; **Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nan, cứu hộ;** Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; **~~Trưởng phòng Cảnh sát trật tự~~**, **Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu;** Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền”. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phong cháy, chữa cháy và cứu nan, cứu hộ; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 5 Điều 8, khoản 9 Điều 11, khoản 3 Điều 13, ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| 5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; | **Cà Mau**: Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 5 Điều 39 Luật XLVPHC năm 2012; điểm a khoản 10, điểm d khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC năm 2020, Giám đốc Công an tỉnh chỉ phạt tiền đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa nhưng không quá 50.000.000 đồng, tuy nhiên, dự thảo quy định Giám đốc Công an tỉnh phạt tiền đến 75.000.000 đồng là chưa phù hợp. | Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo. | 5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; |
| d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng; | **Bộ KHĐT**: Điểm d khoản 5 Điều 41 dự thảo Nghị định: đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu bỏ cụm từ “có giá trị đến 75.000.000 đông” cho phù hợp với quy định tương ứng tại điểm c khoản 75, điểm c khoản 74 Điều 1 của Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo | d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; |
| đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. |  |  | đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 5 Điều 8, khoản 9 Điều 11, khoản 3 Điều 13, ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| 6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. | **Bộ CA**: Khổ thứ nhất khoản 6 bổ sung như sau “Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; **Cục trưởng Cục An ninh kinh tế; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền**”. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 5 Điều 8, khoản 9 Điều 11, khoản 3 Điều 13, ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| **Điều 42. Thẩm quyền của Thanh tra giao thông**  1. Thanh tra viên là thanh tra giao thông đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau: | **1. Thanh tra Bộ, Phú Thọ:**  **1.1. -** Tại điều 42 của dự thảo này, đề nghị thay thế các cụm từ “Thanh tra giao thông” thành cụm từ “Thanh tra giao thông vận tải”.  1.2. - Tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 42 của Dự thảo này, đề nghị tăng thêm thẩm quyền cho Thanh tra viên, Chánh Thanh tra Sở và trưởng đoàn thanh tra Sở Giao thông vận tải: Thanh tra viên, Chánh Thanh tra Sở và trưởng đoàn thanh tra Sở Giao thông vận tải có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong cảng, bến thủy nội địa do Sở giao thông vận tải công bố, công bố lại, gia hạn thời gian hoạt động và cả với các cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép trên địa bàn quản lý  **2. Quảng Nam: Đ**ề nghị bỏ cụm từ “là thanh tra giao thông” sửa thành”Thanh tra viên đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính…Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau”  Lý do: Trên tiêu đề Điều 42 đã ghi “thẩm quyền của thanh tra giao thông” nên khoản 1 Điều 42 không cần ghi lại.  **3. Sở GTVT Bắc Giang**:  3.1. Tại khoản 1 Điều 42, đề nghị thay thế cụm từ "*Thanh tra viên là thanh tra giao thông đang thi hành công vụ* …" bằng cụm từ "*Thanh tra viên là người thuộc hệ thống cơ quan thanh tra giao thông đang thi hành công vụ …*" để rõ nghĩa hơn.  3.2. Đề nghị bổ sung thẩm quyền tạm giữ tang vât, phương tiện vi phạm hành chính, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông ĐTNĐ vào thẩm quyền của các chức danh được quy định tại Điều 42, 43 của Dự thảo. Đặc biệt, với chức danh thanh tra viên, đề nghị bổ sung thẩm quyền tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề để tạo điều kiện thuận lợi, tháo dỡ khó khăn cho lực lượng thanh tra viên khi đang thi hành công vụ tại hiện trường.  **4. Đồng Tháp**:  Kiến nghị sửa đổi: Thanh tra viên Thanh tra giao thông có quyền xử phạt vi phạm hành chính **đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 37, Điều 38……….** Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau: | 1.1. - Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo  1.2. - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 của Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa), Cảng vụ đường thủy nội địa là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa. Vì vậy, thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính tại cảng, bến giao cho Cảng vụ đường thủy nội địa là phù hợp.  2. Tiếp thu, chỉnh sửa lại dự thảo  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì khái niệm thanh tra viên sẽ theo quy định của pháp luật về thanh tra.  Nội dung về thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện đã được quy định tại Điều 50 dự thảo.  4. Điều này đã được chỉnh sửa tại dự thảo theo hướng liệt kê các điều khoản thuộc thẩm quyền xử phạt | **Điều 46. Thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa đang thi hành công vụ có quyền: |
| a) Phạt cảnh cáo; |  |  | a) Phạt cảnh cáo; |
| b) Phạt tiền đến 500.000 đồng; |  |  | b) Phạt tiền đến 500.000 đồng; |
| c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng; |  |  | c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không đến 1.000.000 đồng; |
| d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này. |  |  | d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 7, điểm b khoản 9 Điều 11, ~~khoản 8 Điều 25~~ và khoản 4 Điều 36 Nghị định này. |
| 2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra Sở Giao thông vận tải có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau: | **Đồng Tháp**:  Kiến nghị sửa đổi: Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra Sở Giao thông vận tải có quyền xử phạt vi phạm hành chính **đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 37, Điều 38**………. bến thủy nội địa….. | Điều này đã được chỉnh sửa tại dự thảo theo hướng liệt kê các điều khoản thuộc thẩm quyền xử phạt | 2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra Chi cục Đường thủy nội địa, Chi cục trưởng Chi cục Đường thủy nội địa, Trưởng đoàn thanh tra Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền: |
| a) Phạt cảnh cáo; |  |  | a) Phạt cảnh cáo; |
| b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng; | **Sở GTVT Bắc Kạn, Lai Châu, Yên Bái, Trà Vinh, Sơn La, Bộ Tư pháp, Văn phòng Bộ, Bộ KHĐT**: Đề nghị xem lại thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của dự thảo để phù hợp với quy định của Luật XLVPHC (thẩm quyền của: Chủ tịch UBND các cấp, CAND, Thanh tra…). | Tiếp thu, đã chỉnh sửa lại dự thảo | b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng; |
| c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; |  |  | c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; |
| d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng; |  |  | d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng; |
| đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |  |  | đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |
| 3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Giao thông vận tải có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |  |  | 3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Giao thông vận tải có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 105.000.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |
| 4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |  |  | 4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. |
| **Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa**  1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.  2. Trưởng đoàn thanh tra Chi cục Đường thủy nội địa, Chi cục trưởng Chi cục Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường thủy nội địa; tiêu chuẩn kỹ thuật khai thác công trình giao thông đường thủy nội địa; vận tải đường thủy nội địa; cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện; cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện tại cảng, bến thủy nội địa hoặc nơi neo đậu phương tiện, trừ cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải, thẩm quyền cụ thể như sau:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.  4. Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền :  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. | **Bộ Tư pháp**:  - Khoản 2, 3, và 4 Điều 46 Luật XLVPHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thẩm quyền xử phạt của các chức danh cụ thể và các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt.  Điều 43 dự thảo Nghị định quy định về thẩm quyền xử phạt của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa. Trong đó, quy định các chức danh như “Trưởng đoàn thành tra Chi cục Đường thủy nội địa” (Khoản 2), “Trưởng đoàn thanh tra Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” (khoản 3), Bộ Tư pháp cho rằng các chức danh này không phải là chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 46 Luật XLVPHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) mà thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 46 Luật XLVPHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020).  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa lại các quy định này cho phù hợp, cân nhắc gộp các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 42, Điều 43 và lực lượng thanh tra chuyên ngành quy định tại Điều 48 dự thảo Nghị định thành một điều khoản cụ thể về thẩm quyền xử phạt của Thanh tra. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo, tích hợp Điều 42 và Điều 43 làm một. |  |
| **Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Đường thủy nội địa** |  |  | **Điều 47. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Đường thủy nội địa** |
| Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách quy định tại Nghị định này tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong phạm vi trách nhiệm được giao, kể cả cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép, thẩm quyền cụ thể như sau:  1. Trưởng đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng.  2. Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. | **1. Đồng Tháp, TP Hồ Chí Minh, Phú Thọ**:  Kiến nghị bãi bỏ cụm từ: “....**kể cả cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép**.....” và chuyển thẩm quyền xử phạt này cho cơ quan, đơn vị khác thực hiện sẽ phù hợp và tính khả thi cao hơn.  Căn cứ Điều 44, 65 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thuỷ nội địa, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2021 “Cảng vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa (trừ bến khách ngang sông), khu neo đậu đã được công bố, cấp phép hoạt động trên đường thủy nội địa".  **2. Ninh Bình**: Đề nghị bỏ cụm từ "quy định tại Nghị định này" sau cụm từ "đón trả hành khách", cụ thể: Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách ~~quy định tại Nghị định này~~ tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong phạm vi trách nhiệm được giao, kể cả cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép, thẩm quyền cụ thể như sau:  **3. Bộ Tư pháp**:  Về phân định thẩm quyền xử phạt VPHC:  Dự thảo phân định thẩm quyền xử phạt VPHC theo hướng căn cứ vào mô tả nhóm các hành vi vi phạm và phạm vi địa bàn hoạt động của các lực lượng mà không căn cứ vào từng điều, khoản, điểm. Tuy nhiên, việc phân định này chưa đảm bảo tính đầy đủ chính xác ví dụ như:  Điều 44 dự thảo nghị định quy định: *“cảng vụ đường thủy nội địa … cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép”*  Tuy nhiên, theo quy định tại điều 4 thông tư số 83/2015/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định về tổ chức và hoạt động của cảng vụ đường thủy nội địa thì nhiệm vụ và quyền hạn của cảng vụ đường thủy nội địa bao gồm rất nhiều nội dung, không chỉ gồm các nội dung được nêu tại điều 44 của dự thảo nghị định. Do đó, đề nghị chỉnh sửa theo hướng bổ sung điều khoản riêng quy định việc phân định thẩm quyền xử phạt để đảm bảo phân định một cách cụ thể, chính xác, thẩm quyền xử phạt VPHC của các chức danh có thẩm quyền xử phạt theo hướng gắn với các hành vi vi phạm cụ thể và phạm vi hoạt động của từng chức danh, lực lượng có thẩm quyền xử phạt trong dự thảo.  **4. TP. Hồ Chí Minh**: Đề nghị bổ sung thẩm quyền của Trưởng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa được áp dụng **“biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này”**  Lý do: Vì Trưởng Đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa là người được Giám đốc Cảng vụ phân công trực tiếp quản lý tại địa bàn và kịp thời áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra sẽ hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.  **5. Đắk Nông**: Sửa đổi điểm b và điểm d Điều 44 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với khoản 2 Điều 47 Luật XLVPHC như sau:  "b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng";  "d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị **không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này"**;  **6. Bộ KHĐT**:  Điểm d khoản 2 Điều 44 Dự thảo Nghị định: Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bỏ cụm từ “có giá trị đến 50.000.000 đồng” cho phù hợp với quy định tại điểm c khoản 74 Điều 1 của Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020. | 1, 2, 3. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo.  4. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 47 Luật xử lý vi phạm hành chính.  5. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, để đảm bảo phù hợp với khoản 22 và khoản 73 Luật sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC 2020.  6. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Trưởng đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 20.000.000 đồng.  2. Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 7 Điều 27, khoản 8 Điều 28, khoản 10 Điều 29, khoản 5 Điều 30 Nghị định này. |
| **Điều 45. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Hàng hải** |  |  | **Điều 48. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Hàng hải** |
| Cảng vụ Hàng hải có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về khai thác cảng, bến thủy nội địa, phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách tại cảng, bến thủy nội địa **kể cả cảng, bến thủy nội địa chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố** trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, ~~trừ quy định tại các khoản 15 Điều 28~~, thẩm quyền cụ thể như sau:  1. Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng.  2. Giám đốc Cảng vụ Hàng hải có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. | **Bộ Tài chính**: Tại Điều 45 dự thảo Nghị định có quy đinh: “Cảng vụ hàng hải có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi pham… kể cả cảng, bến thủy nội địa chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định này vì quy định tại dự thảo rất khó để phân định bến cảng, bến thủy nội địa mới ở trong danh mục quy hoạch, chưa khởi công hoặc khởi công chưa hoàn thành hoặc hoàn thanh nhưng chưa được công bố. Do đó cần có quy định cụ thể những loại cảng, bến thủy nội địa như thế nào thuộc phạm vi xử lý vi phạm hành chính để tránh việc lạm thu, lạm quyền. | Tiếp thu, hệ thống Cảng vụ Hàng hải và Đường thủy nội địa cần thống nhất thẩm quyền không xử phạt VPHC **cảng, bến thủy nội địa chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố** | 1. Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 20.000.000 đồng.  2. Giám đốc Cảng vụ Hàng hải có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 7 Điều 27, khoản 8 Điều 28, khoản 10 Điều 29, khoản 5 Điều 30 Nghị định này. |
| **Điều 46. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng** |  |  | **Điều 49. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng** |
| Bộ đội Biên phòng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về điều kiện hoạt động, tín hiệu của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, thẩm quyền cụ thể như sau:  1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. Đội trưởng, Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.  4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, **Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng** có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.  5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Cục phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.  6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, **Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng,** Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  d) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phân công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. | **TP. HCM:**  1. - Đề nghị bổ sung cụm từ "cửa khẩu cảng" sau cụm từ "khu vực biên giới". Vì một số tỉnh, thành phố có cửa khẩu cảng nằm sâu trong nội địa, không thuộc khu vực biên giới biển theo quy định tại Nghị định Số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trong đó có cửa khẩu cảng Thành phố Hồ Chí Minh), thực tế trong quá trình quản lý địa bàn, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố thường xuyên phát hiện các hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực giao thông thủy nội địa, nhưng tại Điều 40 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng tại khu vực biên giới, do đó khó khăn cho đơn vị (Biên phòng cửa khẩu cảng Thành phố Hồ Chí Minh) trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo đảm an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng.  2. Đề nghị quy định thẩm quyền của Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là "tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn" đối với các hành vi thuộc thầm quyền xử phạt của Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố để phù hợp với điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13. | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do các chức danh của Bộ đội biên phòng đã được đối chiếu với các chức danh được quy định trong Luậ XLVPHC.  2. Về việc điều chỉnh thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: Tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa trong dự thảo. | 1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~ và khoản 4 Điều 36 Nghị định này.  4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này.  5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này.  6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng,Cục trưởng Cục phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  d) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| **Điều 47. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển**  Cảnh sát biển có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này về điều kiện hoạt động, tín hiệu của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, vận tải thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, thẩm quyền cụ thể như sau:  1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.  2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 3.750.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;  c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định tại Chương II của Nghị định này.  4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phân công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. |  |  | **Điều 50. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển**  1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.  2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 3.750.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;  c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại tại ~~khoản 8 Điều 25~~ và khoản 4 Điều 36 Nghị định này.  4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| 5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 22.500.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. | **Bộ QP**: Sửa đối, bổ sung khoản 5 như sau để phù hợp với thẩm quyền các chức danh đã được quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC: "Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; ***Đoàn trưởng Đoàn trinh sát; Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam*** có quyền:". | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo, căn cứ khoản 5 Điều 41 Luật XLVPHC về Thẩm quyền của Cảnh sát biển. | 5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 45.000.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| 6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép. | **Bộ QP**: Sửa đối, bổ sung khoản 6 như sau để phù hợp với thẩm quyền các chức danh được quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC: "Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, ***Cục trưởng Cục nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam*** có quyền:".  ***c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;***  ***d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*** | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;  d)Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính*;*  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| 7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề khác thuộc thẩm quyền hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này. | **Bộ QP**: Sửa đối, bổ sung khoản 7 như sau để phù hợp với thẩm quyền các chức danh được quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC:  ***c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;***  ***d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*** | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d)Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính*;*  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại ~~khoản 8 Điều 25~~, khoản 10 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 4 Điều 36 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này. |
| **Điều 48. Thẩm quyền xử phạt của các lực lượng khác**  Lực lượng Kiểm ngư, Thanh tra chuyên ngành: Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, vận tải du lịch theo Nghị định này liên quan đến lĩnh vực, ngành mình quản lý. | **1. Bộ Công thương, Bộ TN&MT, Bộ Tư pháp**: Tại Điều 48, dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền của Lực lượng Kiểm ngư được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Công thương nhận thấy thẩm quyền của lực lượng này được quy định tại Điều 43a Luật XLVPHC. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo tính chính xác trong viện dẫn văn bản QPPL.  **2. Tiền Giang**:  Tại Điều 48 của dự thảo Nghị đinh: “Lực lượng Kiểm ngư, thanh tra chuyên ngành: Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, vận tải du lịch theo Nghị định này liên quan đến lực vực, ngành mình quản lý”, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung viết lại như sau: Lực lượng Kiểm ngư, thanh tra chuyên ngành: Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, khai thác khoáng sản, vận tải du lịch theo nghị định này liên quan đến lĩnh vực, ngành mình quản lý”.  **3. Bộ Xây dựng**: Đề nghị bổ sung thẩm quyền của Thanh tra xây dựng tại Điều 48 đối với hành vi quy định tại khoản 2,3,4,5,6 Điều 5 dự thảo. | **Dự thảo bỏ quy định này.** |  |
| **1.** Tiếp thu một phần và sửa theo hướng trích dẫn đúng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính. Ví dụ Lực lượng kiểm ngư có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Thanh tra chuyên ngành theo Điều 46;  **2. Tiền Giang**: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo sự tương thích giữa các cơ quan có thẩm quyền và lĩnh vực quản lý chuyên ngành.  **3. Bộ Xây dựng**: Kế thừa quy định tại Nghị định 132.  Các Bộ chủ quản không có ý kiến góp ý. |  |
| **Chương IV**  **QUY ĐỊNH VỀ TẠM GIỮ PHƯƠNG TIỆN, GIẤY TỜ, XÁC ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN KHÔNG ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KIỂM, CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ SỬ DỤNG HÌNH ẢNH, THIẾT BỊ ĐỂ XỬ PHẠT** |  |  | **Chương IV**  **QUY ĐỊNH VỀ TẠM GIỮ PHƯƠNG TIỆN, GIẤY TỜ, XÁC ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN KHÔNG ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KIỂM, CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ SỬ DỤNG HÌNH ẢNH, THIẾT BỊ ĐỂ XỬ PHẠT** |
| **Điều 49. Tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm** | **Bộ CA:** Sửa đổi tên điều như sau **“Điều 49. Tạm giữ giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm”.** | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định có bao gồm tạm giữ phương tiện. | **Điều 51. Tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm** |
| 1. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính có thể lập biên bản tạm giữ giấy tờ liên quan đến phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện theo quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính.  2. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.  3. Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ và chỉ tạm giữ bản chính một trong các giấy tờ theo thứ tự sau đây, cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt:  a) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng, chứng chỉ lái phương tiện;  b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện thế chấp;  c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;  d) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của máy trưởng;  đ) Giấy tờ liên quan đến tang vật, phương tiện khác. | **1. Bộ Tư pháp:**  - Khoản 1 điều 49 dự thảo nghị định quy định: “*để bảo đảm … theo quy định tại khoản 6, khoản 8 điều 125 của luật xử lý VPHC*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung sau:  Thứ nhất, Luật XLVPHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính sẽ được áp dụng trong các trường hợp: (i) Để xác minh tình tiết vụ việc làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; (ii) để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội; (iii) để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên khoản 1 Điều 49 dự thảo Nghị định nêu trên chỉ quy định tạm giữ “phương tiện” để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xác minh tình tiết vụ việc. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung:  + Quy định người có thẩm quyền tạm giữ có thể tạm giữ cả “tang vật” và “giấy phép, chứng chỉ hành nghề” (hoặt giấy tờ khác quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa).  + Quy định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong trường hợp để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiên trọng cho xã hội.  Thứ hai, khoản 3 Điều 125 Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định “Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm chính quy định tại Chương II phần thứ hai của Luật này thì có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép,chứng chỉ hành nghề”. Như vậy, khoản 1 Điều 49 dự thảo nghị định quy định “người có thẩm quyền xử phạt có thể quyết định tạm giữ phương tiện” là không phù hợp với quy định của Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).  Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa đoạn mở đầu của khoản 3 Điều 49 dự thảo Nghị định.  Thứ ba, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa đoạn “…người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính có thể lập biên bản tạm giữ giấy tờ liên quan đến phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện theo quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính” thành “người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đang giải quyết vụ việc lập biên bản tạm giữ….theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật XLVPHC”, bảo đảm phù hợp với Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).  **2. Bộ CA**: Khoản 1 sửa đổi như sau “**Các giấy tờ bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính gồm: Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; Giấy chứng nhận lái phương tiện, Chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhân an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện; Biên bản vi phạm hành chính; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hoặc các giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến tang vật, phương tiện**”. | Tiếp thu, dự thảo quy định lại theo hướng dẫn chiếu về Luật XLVPHC | 1. Trong trường hợp cần thiết quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật quy định tại Nghị định này có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy tờ liên quan đến vi phạm.  2. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.  3. Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ một trong các giấy tờ theo thứ tự sau đây, cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt:  a) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng, chứng chỉ lái phương tiện;  b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện thế chấp;  c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;  d) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của máy trưởng;  đ) Giấy tờ liên quan đến tang vật, phương tiện khác. |
| 4. Người có thẩm quyền tạm giữ giấy tờ phải ghi đầy đủ thông tin của giấy tờ bị tạm giữ, thời gian tạm giữ trong biên bản **vi phạm hành chính** và giao cho người vi phạm có giấy tờ bị tạm giữ.  5. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ phương tiện hoặc thuyền viên, người lái phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hành khách, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ. | **Đồng Tháp**: Kiến nghị sửa đổi: Khi tạm giữ và khi trả giấy phép, chứng chỉ, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính”.  Theo các mẫu Biên bản vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định 97/2017/NĐ-CP và Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT không quy định khi tạm giữ giấy tờ người có thẩm quyền phải ghi đầy đủ các thông tin và thời hạn tạm giữ vào Biên bản vi phạm hành chính.  **Bộ Tư pháp**:  Khoản 4 Điều 49 dự thảo Nghị định quy định “..., thời gian tạm giữ trong biên bản vi phạm hành chính và giao cho người vi phạm có giấy tờ bị tạm giữ”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa quy định này thành “Người có thẩm quyền tạm giữ…trong biên bản tạm giữ và giao cho…” cho chính xác, do Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) không quy định biên bản vi phạm hành chính phải bắt buộc có nội dung về thông tin giấy tờ bị tạm giữ, thời gian tạm giữ.  **3. Bộ CA**:  3.1. Khoản 4 sửa đổi như sau “…, thời gian tạm giữ trong **biên bản** **~~vi phạm hành chính~~** và giao cho người vi phạm có giấy tờ bị tạm giữ.”  3.2. Xuất phát từ đặc thù của hoạt động giao thông vận tải thủy hiện nay, thuyền viên, người lái phương tiện chủ yếu là người làm thuê, phương tiện thường không có giấy tờ, không có bến tạm giữ phương tiện, chính vì thế, đảm bảo xử phạt thông qua việc tạm giữ các giấy tờ trên hiệu quả không cao; đồng thời, việc tạm giữ phương tiện để đảm bảo xử phạt là rất khó khăn. Từ thựuc tế trên, trong dự thảo Nghị định mới cần quy định cụ thể về biện pháp đặt tiền để đảm bảo xử phạt. | **Đồng Tháp**:  Khoản này đã được sửa lại để đảm bảo phù hợp với khoản 9 Điều 125 Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).  **Bộ Tư pháp**: Tiếp thu chỉnh sửa.  **3. Bộ CA**:  3.1. Khoản này đã được sửa lại để đảm bảo phù hợp với khoản 9 Điều 125 Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).  3.2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do việc quy định các biện pháp bảo đảm xử lý vi phạm hành chính bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 119 Luật XLVPHC. | 4. Người có thẩm quyền tạm giữ giấy tờ phải ghi đầy đủ thông tin của giấy tờ bị tạm giữ, thời gian tạm giữ trong biên bản tạm giữ và giao cho người vi phạm có giấy tờ bị tạm giữ.  5. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ phương tiện hoặc thuyền viên, người lái phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hành khách, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ. |
| **Điều 50. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề và đình chỉ hoạt động có thời hạn** |  |  | **Điều 52. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề và đình chỉ hoạt động có thời hạn** |
| 1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động được thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị định này. |  |  | 1. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề như sau:  a) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt đã tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề là thời điểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;  b) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt chưa tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nội dung quyết định xử phạt phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành của hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề (thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước) là kể từ thời điểm mà người vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho người có thẩm quyền xử phạt tạm giữ;  c) Khi tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm b khoản này và khi trả giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.  2. Trường hợp người có hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề nhưng thời hạn sử dụng còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó ít hơn thời hạn bị tước thì người có thẩm quyền vẫn ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm. |
| 2. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc thời hạn đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này là mức trung bình của khung thời gian tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động là mức tối thiểu của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối đa của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động. |  |  |
| 3. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề như sau:  a) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt đã tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề là thời điểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;  b) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt chưa tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nội dung quyết định xử phạt phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành của hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề (thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước) là kể từ thời điểm mà người vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho người có thẩm quyền xử phạt tạm giữ;  c) Khi tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm b khoản này và khi trả giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. |  |  |
| 4. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề.  5. Trường hợp người có hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề nhưng thời hạn sử dụng còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó ít hơn thời hạn bị tước thì người có thẩm quyền vẫn ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm. | **Bộ CA**: Tại Điều 50, bỏ khoản 4 vì đã có quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 22. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | 4. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ phương tiện hoặc thuyền viên, người lái phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hành khách, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ.  5. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan khác của pháp luật. |
| **Điều 51. Phương pháp xác định trọng tải, công suất của phương tiện không đăng kiểm, không đăng ký**  Đối với các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định này liên quan đến phương tiện không đăng ký, không đăng kiểm thì phương pháp xác định trọng tải toàn phần, công suất của phương tiện để áp dụng xử phạt, như sau:  1. Trọng tải toàn phần của phương tiện ký hiệu là T (tấn) và được tính theo công thức T = A x K, trong đó:  a) A là giá trị của số đo chiều dài boong chính, đo từ mũi đến lái phương tiện nhân với số đo chiều rộng mép boong ở giữa phương tiện nhân với số đo chiều cao mạn, đo từ đáy đến mặt boong ở giữa phương tiện, được tính theo công thức A = L x B x D, trong đó:  L (m): Chiều dài boong chính đo từ mũi đến hết lái phương tiện;  B (m): Chiều rộng mép boong đo ở giữa phương tiện;  D (m): Chiều cao mạn đo từ đáy đến mặt boong ở giữa phương tiện;  b) K là hệ số tương ứng với giá trị A và áp dụng như sau:  Giá trị của A từ 4,55 m3 đến 18,76 m3 thì hệ số K = 0,26;  Giá trị của A từ trên 18,76 m3 đến 49,80 m3 thì hệ số K = 0,29;  Giá trị của A từ trên 49,80 m3 đến 387,20 m3 thì hệ số K = 0,35;  Giá trị của A từ trên 387,20 m3 đến 1.119,80 m3 thì hệ số K = 0,51;  Giá trị của A trên 1.119,80 m3 thì hệ số K = 0,57.  2. Nếu phương tiện không phải là phương tiện vận tải hàng hóa, hành khách thì căn cứ vào tổng công suất máy chính lắp trên phương tiện để áp dụng hình thức, mức xử phạt. Trường hợp không có cơ sở để xác định công suất máy chính lắp trên phương tiện, không nhãn mác, thì áp dụng mức xử phạt theo công suất máy 50 sức ngựa.  3. Trường hợp không xác định được trọng tải toàn phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền đề nghị Cơ quan đăng kiểm xác định trọng tải toàn phần của phương tiện để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.  4. Đối với phương tiện như: bến nổi hoặc kết cấu nổi khác mà trên đó đặt thiết bị thi công cuốc, hút để nạo vét luồng, khai thác khoáng sản, xếp dỡ hàng hóa nếu không đủ căn cứ để xác định trọng tải toàn phần hoặc công suất của phương tiện thì xác định như sau:  a) Phương tiện có chiều dài lớn nhất đến 10 m hoặc có chiều rộng lớn nhất đến 4 m thì được xác định như phương tiện có trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn;  b) Phương tiện có chiều dài lớn nhất trên 10 m hoặc có chiều rộng lớn nhất trên 4 m thì được xác định như phương tiện có trọng tải toàn phần trên 15 tấn;  c) Chiều dài của phương tiện được tính từ điểm ngoài cùng của mũi phương tiện đến điểm ngoài cùng của lái phương tiện hoặc từ hai điểm ngoài cùng của phương tiện nơi có mặt cắt lớn nhất trên mặt boong;  d) Chiều rộng của phương tiện được tính từ mép boong bên này đến mép boong bên kia, ở vị trí có kích thước lớn nhất. |  |  | **Điều 53. Cách xác định khung tiền phạt phương tiện, đoàn lai và phương pháp xác định trọng tải, công suất của phương tiện không đăng kiểm, không đăng ký**  1. Đối với phương tiện vi phạm có đồng thời hai hoặc ba thông số về trọng tải toàn phần, sức chở người hoặc tổng công suất máy chính mà các thông số này không thuộc cùng một điểm, khoản tại cùng một Điều thì áp dụng điểm, khoản có khung tiền phạt cao hơn.  2. Đối với đoàn lai được quy định tại Điều 25 và Điều 38 Nghị định này: Trọng tải toàn phần của đoàn lai bao gồm tổng trọng tải toàn phần của các phương tiện đoàn lai. Đối với các hành vi vi phạm khác của đoàn lai, áp dụng hình thức, mức xử phạt đối với từng phương tiện đoàn lai.  Trường hợp trong đoàn lai có nhiều phương tiện chở quá vạch dấu mớn nước an toàn, khi xác định hành vi vi phạm phải căn cứ phương tiện bị lai có mức chìm quá mạn khô lớn nhất.  3. Đối với các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định này liên quan đến phương tiện không đăng ký, không đăng kiểm thì áp dụng hình thức xử phạt căn cứ trọng tải toàn phần của phương tiện, công thức như sau:  T = A x K, trong đó:  T là Trọng tải toàn phần của phương tiện;  A = L x B x D, trong đó:  L (m): Chiều dài boong chính, là khoảng cách nằm ngang được đo từ điểm xa nhất phía mũi đến điểm xa nhất phía lái của boong chính;  B (m): Chiều rộng boong chính, là khoảng cách nằm ngang được đo từ mép boong mạn này đến mép boong mạn kia tại ví trí rộng nhất của thân phương tiện.  D (m): Chiều cao mạn, là khoảng cách thẳng đứng được đo từ đáy đến mép boong ở giữa chiều dài boong chính;  K là hệ số tương ứng với giá trị A và áp dụng như sau:  Giá trị của A từ 4,55 m3 đến 18,76 m3 thì hệ số K = 0,26;  Giá trị của A từ trên 18,76 m3 đến 49,80 m3 thì hệ số K = 0,29;  Giá trị của A từ trên 49,80 m3 đến 387,20 m3 thì hệ số K = 0,35;  Giá trị của A từ trên 387,20 m3 đến 1.119,80 m3 thì hệ số K = 0,51;  Giá trị của A trên 1.119,80 m3 thì hệ số K = 0,57. |
| **Điều 52. Cách đổi các đơn vị ra dung tích**  Trường hợp giấy chứng nhận của phương tiện không ghi dung tích thì dung tích của phương tiện được tính như sau: |  |  | **Điều 54. Cách quy đổi các đơn vị**  Trường hợp giấy chứng nhận của phương tiện không ghi dung tích thì dung tích của phương tiện được tính như sau: |
| 1. Phương tiện thủy nội địa có động cơ: 1,5 tấn trọng tải được tính bằng 01 GT. |  |  | 1. Phương tiện thủy nội địa có động cơ: 1,5 tấn trọng tải được tính bằng 01 GT. |
| 2. Phương tiện thủy nội địa không có động cơ: 01 tấn trọng tải toàn phần được tính bằng 01 GT. |  |  | 2. Phương tiện thủy nội địa không có động cơ: 01 tấn trọng tải toàn phần được tính bằng 01 GT. |
| 3. Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách và cẩu nổi: 01 mã lực (HP, CV) được bằng 0,5 GT; 01 KW được tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cẩu đặt trên tàu thuyền được tính bằng 06 GT. |  |  | 3. Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách và cẩu nổi: 01 mã lực (HP, CV) được bằng 0,5 GT; 01 KW được tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cẩu đặt trên tàu thuyền được tính bằng 06 GT. |
| 4. Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách được tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm được tính bằng 04 GT.  5. Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: Được tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc tàu đẩy.  6. Việc quy đổi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này được chọn phương thức quy đổi có tổng dung tích lớn nhất.  7. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP hoặc 01 KW được tính tròn bằng 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW. |  |  | 4. Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách được tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm được tính bằng 04 GT.  5. Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: Được tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc tàu đẩy.  6. Việc quy đổi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này được chọn phương thức quy đổi có tổng dung tích lớn nhất.  7. Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP hoặc 01 KW được tính tròn bằng 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW. |
| **Điều 53. Xử lý hành vi không có hoặc không mang giấy tờ theo quy định, thuyền viên điều khiển phương tiện vừa chở khách vừa chở hàng hóa** |  |  | **Điều 55. Xử lý hành vi không có hoặc không mang giấy tờ theo quy định, thuyền viên điều khiển phương tiện vừa chở khách vừa chở hàng hóa** |
| 1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện **đang** thế chấp thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải phô tô, lưu lại giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. | **NHNN Việt Nam:** Đề nghị bổ sung "Giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện thế chấp" cho thống nhất với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 49 dự thảo. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thả để thống nhất cách viết là phương tiện thế chấp hay phương tiện đang thế chấp để thống nhất với điểm b khoản 3 Điều 50 dự thảo | 1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện **đang** thế chấp thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải phô tô, lưu lại giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. |
| 2. Trường hợp giấy tờ của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện đã bị tạm giữ để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt, nếu người vi phạm xuất trình biên bản vi phạm hành chính có ghi giấy tờ bị tạm giữ còn thời hạn, thì được xem như phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện có giấy tờ theo quy định. Nếu biên bản vi phạm hành chính đã quá thời hạn quy định, thì bị xử phạt với hành vi không có giấy tờ theo quy định. | **Bộ CA**: Tại Điều 53 sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau “Trường hợp giấy tờ của phương tiện, ... biên bản vi phạm hành chính **~~còn thời hạn~~** **có ghi giấy tờ bị tạm giữ chưa quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm** **hoặc xuất trình được quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi giấy tờ bị tạm giữ chưa quá thời hạn nộp tiền phạt ghi tại quyết định**, thì được xem như phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện có giấy tờ theo quy định. Nếu biên bản vi phạm hành chính **hoặc quyết định xử phạt** đã quá thời hạn quy định **nêu trên**, thì bị xử phạt với hành vi không có giấy tờ theo quy định.” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo | 2. Trường hợp giấy tờ của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện đã bị tạm giữ để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt, nếu người vi phạm xuất trình biên bản vi phạm hành chính **có ghi giấy tờ bị tạm giữ chưa quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm** **hoặc xuất trình được quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi giấy tờ bị tạm giữ chưa quá thời hạn nộp tiền phạt ghi tại quyết định**, thì được xem như phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện có giấy tờ theo quy định. Nếu biên bản vi phạm hành chính **hoặc quyết định xử phạt** đã quá thời hạn quy định **nêu trên**, thì bị xử phạt với hành vi không có giấy tờ theo quy định. |
| 3. Trường hợp phương tiện được phép chở hành khách và hàng hóa, nếu thuyền viên, người lái phương tiện có vi phạm quy định về hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì căn cứ vào quy định đảm nhiệm chức danh, loại chứng chỉ chuyên môn áp dụng cho phương tiện chở khách để xử phạt. |  |  | 3. Trường hợp phương tiện được phép chở hành khách và hàng hóa, nếu thuyền viên, người lái phương tiện có vi phạm quy định về hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì căn cứ vào quy định đảm nhiệm chức danh, loại chứng chỉ chuyên môn áp dụng cho phương tiện chở khách để xử phạt. |
| **Điều 54. Chế độ thông tin trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính** | **1. Thanh tra Bộ:**  Tại Điều 54 của dự thảo, đề nghị quy định cụ thể số ngày mà cơ quan ban hành quyết định xử phạt VPHC và thực hiện việc tước quyền sử dụng giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyển môn, chứng chỉ hành nghề có thời gian phải thông báo đến các cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó. | **1. Thanh tra Bộ**: nghiên cứu, tiếp thu vào khoản 2 Điều 54 dự thảo. | **Điều 56. Chế độ thông tin trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính** |
| 1. Đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm **giữ phải chuyển cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó để tiến hành việc thu hồi theo quy định của pháp luật**, thông báo bằng văn bản hoặc bằng các hình thức phù hợp khác về Cục Cảnh sát giao thông và thông báo cho người vi phạm biết. Các trường hợp đã thông báo nhưng sau đó tổ chức, cá nhân đến thi hành quyết định xử phạt thì đơn vị xử phạt phải thông báo lại cho cơ quan đã cấp các giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông. | **1. Quảng Nam**: Đề xuất sửa đổi khoản 1 như sau:  “Đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi thành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm giữ phải thông báo bằng văn bản hoặc các hình thức phù hợp khác cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông. Các trường hợp đã thông báo nhưng sau đó tổ chức, cá nhân đến thi hành quyết định xử phạt thì đơn vị xử phạt phải thông báo lại cho cơ quan đã cấp các giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông.  Lý do: việc tiến hành bàn giao các giấy tờ tạm giữ cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó sẽ mất thời gian đi lại, tốn kinh phí và không đủ con người làm việc vì cả nước đang trong giai đoạn tinh giản biên chế, kinh tế khó khăn nên người có thẩm quyền tạm giữ chỉ cần thông báo cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông biết, theo dõi  **Bộ Tư pháp**:  Khoản 1 Điều 54 dự thảo Nghị định quy định “Đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề …. Các trường hợp đã thông báo nhưng sau đó tổ chức, cá nhân đến thi hành quyết định xử phạt thì đơn vị xử phạt phải thông báo lại cho cơ quan đã cấp các giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông”. Bộ Tư pháp cho rằng, quy định này chưa rõ ràng, cụ thể, chưa giải quyết được trường hợp sau khi thực hiện thông báo theo quy định, cá nhân, tổ chức vi phạm đến thì giải quyết như thế nào, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa lại cho phù hợp. | **1. Quảng Nam**: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì việc “chuyển cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó để tiến hành việc thu hồi” không nhất thiết phải đi lại, bàn giao; chuyển theo hình thức bưu điện đảm bảo cũng có thể được;  **2. Bộ Tư pháp**:  A Toàn: tiếp thu theo hướng bỏ quy định như vậy. Đề nghị Cục ĐTNĐVN nghiên cứu xem trong trường hợp như vậy thì tổ chức, cá nhân phải thực hiện những công việc gì tiếp theo, đã được quy định ở văn bản QPPL nào?  (Xem lại Điều này để phù hợp với Điều 126 Luật xử lý vi phạm) | 1. Đối với giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt, người có thẩm quyền tạm giữ phải chuyển cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó để tiến hành việc thu hồi theo quy định của pháp luật, thông báo bằng văn bản hoặc bằng các hình thức phù hợp khác về Cục Cảnh sát giao thông và thông báo cho người vi phạm biết. |
| 2. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề thì phải thông báo ngay bằng văn bản hoặc hình thức khác cho cơ quan cấp giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông. | **Quảng Nam**: Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:  “Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tước quyền sử dụng giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề thì phải thông báo bằng văn bản hoặc các hình thức phù hợp khác cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông. | Tiếp thu chỉnh sửa để đảm bảo có thời gian thực hiện | 2. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề thì **trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định** phải thông báo bằng văn bản hoặc hình thức khác cho cơ quan cấp giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông. |
| 3. Thông báo gửi cho cơ quan cấp giấy tờ, Cục Cảnh sát giao thông phải ghi rõ loại giấy tờ tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng: tên, số, ký hiệu của giấy tờ, số đăng ký phương tiện, thời gian tạm giữ, thời gian tước quyền sử dụng, họ tên, địa chỉ của người có giấy tờ bị tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng và hành vi vi phạm hành chính. |  |  | 3. Thông báo gửi cho cơ quan cấp giấy tờ, Cục Cảnh sát giao thông phải ghi rõ loại giấy tờ tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng: tên, số, ký hiệu của giấy tờ, số đăng ký phương tiện, thời gian tạm giữ, thời gian tước quyền sử dụng, họ tên, địa chỉ của người có giấy tờ bị tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng và hành vi vi phạm hành chính. |
| **Điều 55. Sử dụng thông tin, hình ảnh để xử phạt** |  | **Dự thảo bỏ quy định này theo ý kiến BTP.** |  |
| 1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định này được sử dụng các nguồn hình ảnh làm căn cứ để xác định hành vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa như sau: |  |  |  |
| a) Hình ảnh thu được từ phương tiện,thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thu thập; |  |  |  |
| b) Hình ảnh thu được từ phương tiện,thiết bị kỹ thuật của cơ quan, tổ chức được giao quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa; | **Bộ C**A: Điểm b, khoản 1 sửa đổi như sau “b) Hình ảnh thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật của cơ quan, tổ chức được giao quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng **~~giao thông~~** đường thủy nội địa, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa;” | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |  |
| c) Hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa do tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội. |  |  |  |
| 2. Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật thu hình ảnh làm căn cứ xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải đảm bảo đúng nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính. | **Bộ CA**: Khoản 2 sửa đổi như sau “Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật thu hình ảnh làm căn cứ xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải đảm bảo đúng nguyên tắc quy định tại **~~khoản 2~~** Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính”. | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. |  |
| 3. Yêu cầu đối với hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa do tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội: |  |  |  |
| a) Thông tin, hình ảnh phản ánh vi phạm được xác minh phải bảo đảm điều kiện thể hiện thông tin về thời gian, địa điểm, đối tượng, hành vi vi phạm còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; |  |  |  |
| b) Tổ chức, cá nhân khi ghi nhận được thông tin, hình ảnh phản ánh vi phạm có thể cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thông qua thư điện tử, đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan. Tổ chức, cá nhân cung cấp hình ảnh phải có họ tên, địa chỉ rõ ràng, số điện thoại liên hệ (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin, hình ảnh đã cung cấp. |  |  |  |
| 4. Khi tiếp nhận hình ảnh làm căn cứ để xác định hành vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ghi chép vào sổ theo dõi, ký giao nhận và lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. |  |  |  |
| **Điều 56. Tiếp nhận và xử lý thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm để xử phạt.** |  |  |  |
| 1. Đối với thông tin, hình ảnh thu được theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 55 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. |  |  |  |
| 2. Đối với thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa do tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội được tiếp nhận và xử lý như sau: |  |  |  |
| a) Tiếp nhận thông tin, hình ảnh: |  |  |  |
| Các cơ quan có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định này có trách nhiệm: Thông báo địa điểm, hộp thư điện tử tiếp nhận thông tin, hình ảnh để Nhân dân biết cung cấp; Tổ chức trực ban 24/24 giờ để tiếp nhận thông tin, hình ảnh; Bảo đảm bí mật tên, họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, bút tích và thông tin khác của tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin, hình ảnh. |  |  |  |
| b) Xử lý thông tin, hình ảnh |  |  |  |
| Khi tiếp nhận thông tin, hình ảnh, người có thẩm quyền phải xem xét, phân loại, nếu bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, thì ghi chép vào sổ và báo cáo thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền thực hiện như sau: |  |  |  |
| Trường hợp thông tin, hình ảnh phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa đang diễn ra trên tuyến, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm thì tổ chức lực lượng kiểm tra, phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định. Trường hợp không thể kiểm tra hoặc hành vi vi phạm được phản ánh đã kết thúc thì thực hiện biện pháp xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật; |  |  |  |
| Trường hợp không thuộc tuyến, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm của mình thì thông báo cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện biện pháp xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật. |  |  |  |
| 3. Xác minh, thu thập tài liệu, tình tiết xác định vi phạm hành chính và xử lý vi phạm |  |  |  |
| a) Căn cứ yêu cầu cụ thể từng vụ việc, trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền xử phạt thực hiện một hoặc nhiều hình thức xác minh phù hợp sau: |  |  |  |
| Tiến hành xác minh thông tin về hành vi vi phạm; gửi thông báo mời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền để làm rõ vụ việc. Trường hợp quá thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà tổ chức, cá nhân chưa đến trụ sở cơ quan đã ra thông báo để giải quyết vụ việc thì người có thẩm quyền xử phạt tiếp tục gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân đăng ký thường trú đề nghị phối hợp giải quyết theo quy định; |  |  |  |
| Làm việc với tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc, người chứng kiến, biết vụ việc xảy ra; gửi văn bản đến cơ quan báo chí đã đăng tải, đề nghị cung cấp thông tin, hình ảnh đã đăng tải; |  |  |  |
| Trực tiếp xác minh hoặc phối hợp với Công an cấp xã thực hiện xác minh vụ việc; |  |  |  |
| Trưng cầu giám định thông tin, hình ảnh và các tài liệu liên quan; Các hình thức khác theo quy định của pháp luật; |  |  |  |
| b) Khi làm việc với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và tổ chức, cá nhân có liên quan, phải lập thành biên bản. Các tài liệu, tình tiết tiếp nhận, thu thập được để xác định vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa phải được lưu trong hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật; |  |  |  |
| c) Căn cứ kết quả xác minh, tài liệu, tình tiết thu thập được, người có thẩm quyền xử phạt thực hiện như sau: |  |  |  |
| Trường hợp thông tin, hình ảnh phản ánh đúng, xác định có hành vi vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính; |  |  |  |
| Trường hợp thông tin, hình ảnh có dấu hiệu làm giả thì chuyển toàn bộ hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật; |  |  |  |
| Trường hợp thông tin, hình ảnh của tổ chức, cá nhân cung cấp mà qua xác minh, xác định không có hành vi vi phạm hoặc không đủ căn cứ để xác định hành vi vi phạm thì tiến hành kết thúc hồ sơ vụ việc và lưu theo quy định. |  |  |  |
| **Chương V** |  |  | **Chương V** |
| **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |  | **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |
| **Điều 57. Hiệu lực thi hành** |  |  | **Điều 57. Hiệu lực thi hành** |
| 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2021. |  |  | 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2021. |
| 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. |  |  | 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. |
| **Điều 58. Điều khoản chuyển tiếp** |  |  | **Điều 58. Điều khoản chuyển tiếp** |
| Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định xử phạt theo nguyên tắc có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm. |  |  | Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định xử phạt theo nguyên tắc có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm. |
| **Điều 59. Tổ chức thực hiện** |  |  | **Điều 59. Tổ chức thực hiện** |
| Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |  | Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |
| **Ý kiến khác:** |  |  |  |
| A. Đối với các thành phần hồ sơ khác | |  | |
| **I. Dự thảo tờ trình:**  1. Đối với nội dung dự thảo Tờ trình, đề nghị xem xét bổ sung một số nội dung:  Tại mục I-2-2.2. Bất cập từ những quy định của Nghị định (trang 5)  *“- Quy định về xử phạt nồng độ cồn trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa còn thấp, chưa có tính răn đe.*  *- Một số điều của Nghị định chưa quy định rõ ràng về thẩm quyền xử phạt.*  *- Quy định đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã hết hiệu lực còn thấp và không được chia ra theo thời gian đăng kiểm hết hạn và chưa có hình thức phạt bổ sung đối với hành vi hết thời hạn đăng kiểm.*  *- Chưa có hình thức xử lý đối với những phương tiện đánh bắt thủy sản bằng xung kích điện, gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong quá trình xử lý”.*  **(Hòa Bình).**  **2.** Tại điểm 2.3 mục 2 phần IV dự thảo Tờ trình Bộ có nêu “Dự thảo Nghị định có sự điều chỉnh tăng mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo cụ thể về hành vi vi phạm tăng mức xử phạt và giải trình cụ thể cơ sở tăng mức xử phạt.  **(Bộ Tài chính)**  **3.** Phần I dự thảo Tờ trình về sự cần thiết ban hành Nghị định: Đề nghị tập trung đánh giá những bất cập, vướng mắc tại mục 2 để làm rõ sự cần thiết phải ban hành Nghị định. Nội dung tại mục 1 nên thể hiện tại Báo cáo tổng kết tình hình thi hành Nghị định. **(Bộ VH-TT&DL)**  4. Hồ sơ dự thảo Nghị định tại mục 3 phần III dự thảo tờ trình đề nghị bổ sung Báo cáo về rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 93 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 và khoản 26 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. **(Bộ VH-TT&DL)**  5. Tại mục III dự thảo Tờ trình, chủ thể báo cáo quá trình xây dựng dự thảo Nghị dịnh với vai trò là Cục Đường thủy Việt Nam, không phải với vai trò Bộ Giao thông vận tải. Do đây là Tờ trình Bộ Giao thông vận tải, nên đề nghị Bộ nghiên cứu, chỉnh lý chủ thể báo cáo tại dự thảo Tờ trình để đảm bảo tính thống nhất của chủ thể báo cáo. **(Bộ KHĐT)**  **6. Bộ Tư pháp:**  a) Về sự cần thiết ban hành văn bản (Phần I dự thảo Tờ trình)  - Thứ nhất, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10, ngày 13/11/2020, trong đó, đã sửa đổi, bổ sung rất nhiều nội dung quan trọng như: Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền phạt tiền; thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Đây là những nội dung quan trọng, là căn cứ để các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước nói chung và trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa nói riêng quy định cụ thể về hành vi vi phạm, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh…  - Thứ hai, ngày 26/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 126/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC. Theo đó, Bộ Giao thông vận tải đã được giao nhiệm vụ xây dựng “Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa” (STT10 Mục VIII Danh mục các nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC).  - Thứ ba, ngày 28/01/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2021/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (Nghị định số 08/2021/NĐ-CP), có hiệu lực từ ngày 15/3/2021, trong đó, có các quy định về nghĩa vụ, trách nhiêm là căn cứ để quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.  Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa đề cập đế các căn cứ nêu trên để lập luận cho sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị định. Do đó, để đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện của dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các nội dung nêu trên vào Phần I dự thảo Tờ trình.  b) Về kết quả thực hiện Nghị định số 132/2015/NĐ-CP:  Tại Mục 1 Phần I dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo có nêu kết quả thực hiện Nghị định số 132/2015/NĐ-CP gồm công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định và công tác tuần tra, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm hành chính. Bộ Tư pháp cho rằng, đây không phải là các lý do cho sự cần thiết ban hành Nghị định, do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc rút gọn các nội dung này, không xây dựng thành một mục riêng thuộc Phần I dự thảo Tờ trình.  c) Về mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định  Tại Mục 1 Phần II dự thảo Tờ trình về mục đích xây dựng dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung nội dung: Sửa đổi, bổ sung các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC.  Tại mục 2 Phần II dự thảo Tờ trình về “quan điểm xây dựng”, đề nghị sửa đổi bổ sung điểm c theo hướng “Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”.  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý bảo đảm dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 03, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. | | Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Tờ trình. | |
| II. Theo quy định tại khoản 25, 26 Điều 1 Luật sửa đôi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hồ sơ gửi thẩm định và hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ có bổ sung tài liệu mới là “Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị đinh”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soản thảo luu ý đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật **(Bộ Tài chính)** | | Tiếp thu, bổ sung | |
| III. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động  Đề nghị sử dụng tên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 92, khoản 6 Điều 93 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 và khoản 26 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.  Bố cục nội dung theo quy định tại mẫu số 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. **(Bộ VH-TT&DL);**  Các nội dung đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị định còn chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, bổ sung các nội dụng: đánh giá tác động tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp. **(Bộ KHĐT)** | | Tiếp thu, chỉnh sửa | |
| Về báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa (gọi tắt là Nghị định 132/2015/NĐ-CP):  - Đối với các số liệu thống kê về các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường thủy (tại khoản 1, khoản 2 mục II), đề nghị Bộ Giao thông vận tải:  + Nghiên cứu, bổ sung số liệu thống kê nhóm lỗi vi phạm theo từng năm (có so sánh tỷ lệ tăng (giảm) so với cùng kỳ năm trước và trước khi Nghị định 132/2015/NĐ-CP ban hành, thống kê các lỗi thường xuyên tái phạm do mức xử phạt không đủ sức răn đe) để làm căn cứ cho việc xác định các thuận lợi, tồn tại, hạn chế trong quá trình thực thi các quy địn của nghị định và làm căn cứ để đề xuất xây dựng nghị định thay thế.  + Nghiên cứu, bổ sung số liệu thống kê các hành vi vi phạm đối với phương tiện vận tải hành khách mà mức xử phạt hiện tại còn nhẹ chưa đủ sức răn đe, giao dục người vi phàm (trong đó có thống kê tình trạng tái phạm đối với các hành vi này) làm cơ sở để đề xuất mức xử phạt hợp lý, đủ sức răn đe, giao dục và đảm bảo an toàn giao thông.  + Nghiên cứu, bổ sung số liệu thống kê các hành vi vi phạm liên quan đến luồng, hành lang bảo vệ luồng khó xác định, dẫn đến khó khăn, bất cập trong việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính.  **(Bộ KH-ĐT)** | | Tiếp thu, điều chỉnh tại các văn bản trong hồ sơ. | |
| B. Nội dung dự thảo NĐ | |  | |
| 1. Đề xuất bổ sung thêm:  - Một điều về “**Giải thích từ ngữ**” để rõ nghĩa.  - Công suất, mã lực (CV, HP, KW);  - Thủy phi cơ.  **(TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang).** | | 1. Đối với đề nghị bổ sung quy định về giải thích từ ngữ: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì những từ ngữ sử dụng tại dự thảo Nghị định đã được pháp luật nội dung quy định; Khái niệm thủy phi cơ được quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2016/TT-BGTVT, khái niệm công suất, mã lực được quy định tại Điều 51, 52 dự thảo. | |
| 2. Điều 50 khoản 2 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa như sau:  *“Trước khi phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa, người làm thủ tục thông báo về phương tiện (số đăng ký), thời gian sẽ vào, rời cảng, bến thủy nội địa và loại hàng hóa hoặc số lượng hành khách cho Cảng vụ biết. Thông báo bằng tin nhắn, điện thoại hoặc hình thức khác. Thuyền trưởng, người lái phương tiện chỉ được đưa phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa khi có đồng ý của Cảng vụ. Thời gian thông báo như sau:*  *a) Trước 02 giờ đối với phương tiện vận tải hàng hóa;*  *b) Trước 01 giờ đối với phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ.”*  Tuy nhiên trong Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa không có chế tài xử lý hành vi không thông báo hoặc thông báo không đúng trước khi phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa.  **(TP. Hồ Chí Minh).** | | Tiếp thu, bổ sung quy định dự thảo. | |
| Đề xuất bổ sung thêm các điều khoản xử phạt đối với các hành vi sau:  - Không bàn giao lại kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã tiếp nhận từ cơ quan quản lý đường thủy sau khi thi công xong công trình;  - Không lắp đặt đầy đủ báo hiệu công trình theo quy định.  - Thực hiện việc thi công các dự án liên quan đến đường thủy nội địa khi chưa có ý kiến chuyên ngành của cơ quan quản lý đường thủy.  - Thực hiện thi công công trình hoặc tổ chức các hoạt động khi chưa có thông báo hạn chế luồng từ cơ quan quản lý đường thủy.  - Đối với cơ quan quản lý nhà nước không thực hiện đầy đủ theo các chức năng theo nhiệm vụ được giao làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa. (**TP. Hồ Chí Minh).** | | Các hành vi từ gạch đầu dòng thứ 1 đến gạch đầu dòng thứ 5 đã được quy định trong nghị định ở các mục về kết cấu hạ tầng và mục cảng bến thủy nội địa. | |
| - Theo quy định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa thì phương tiện thủy phi cơ thuộc phạm vi quản lý, tuy nhiên dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa không quy định xử lý cụ thể đối với phương tiện thủy phi cơ khi có hành vi vi phạm. Do đó, đề xuất bổ sung hình thức xử lý đối với loại phương tiện này. (**TP. Hồ Chí Minh).** | | - Đối với nội dung về thủy phi cơ: Xin ý kiến, bổ sung vào quy định vào Điều quy định về vi phạm của phương tiện trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu. | |
| Đề nghị bổ sung nội dung xử phạt vi phạm hành chính “Không mặc áo phao hoặc cầm theo dụng cụ cứu sinh đối với người đi trên phương tiện thô sơ”**. (Lai Châu)** | | Đề nghị bổ sung nội dung xử phạt vi phạm hành chính “Không mặc áo phao hoặc cầm theo dụng cụ cứu sinh đối với người đi trên phương tiện thô sơ”**.** | |
| *Xem xét bổ sung quy định theo hướng bắt buộc tất cả các phương tiện thủy khi tham gia vận chuyển khoáng sản phải gắn thiết bị định vị và camera giám sát hành trình:* Vì đây là biện pháp cần thiết để cơ quan chức năng quản lý phương tiện, là cơ sở để xem xét, xử lý các hành vi vi phạm hành chính, góp phần bảo đảm an toàn trật tự giao thông đường thủy. (**TP. Hồ Chí Minh).** | | Nội dung đề nghị đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 dự thảo: "1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Sử dụng mỗi phương tiện nạo vét, phương tiện vận chuyển chất nạo vét để thực hiện nạo vét mà không lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét theo quy định;". | |
| Điều 14,15,16,17,26,27,31,33,36 cần bổ sung quy định xử phạt đối với loại phương tiện 15 đến 100 sức ngựa  **(Hà Tĩnh)** | | Tiếp thu, rà soát và đã chỉnh sửa trong dự thảo. | |
| Về thẩm quyền xử phạt, cần tăng mức phạt của lực lượng Công an nhân dân. **(Hà Tĩnh)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì thẩm quyền xủ phạt, mức xử phạt của mỗi lực lượng phải phù hợp với các quy định của pháp luật nội dung và Luật XLVPHC. | |
| 1. Bố cục lại các Mục (các nhóm hành vi) tại Chương II, như sau: Đưa Mục 5. Vi phạm quy định về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (gồm có Điều 28 và Điều 29) hợp nhất vào Mục 1. Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng và bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, tức Chương II bố cục thành 06 Mục (nhóm hành vi), không thay đổi số điều khoản quy định xử phạt. **(Hải Dương)**  2**. Bộ CA:**  - Tại Điều 6, 7, 8, 9, 10 sắp xếp lại thứ tự các điều “Điều 6. Vi phạm quy định nạo vét vùng nước đường thủy nội địa; Điều 7. Vi phạm quy định về thiết lập, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa; Điều 8 Vi phạm quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; Điều 9. Vi phạm quy định về trục vớt, thanh thải vật chướng ngại; Điều 10. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa”.  - Tại Điều 14, 15, 16 sắp xếp lại thứ tự các điều “Điều 14. Vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện; Điều 15. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện ; Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện”. | | 1.Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đây là nhóm hành vi đặc thù, việc quy định tách riêng quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tra cứu và áp dụng trên thực tế.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do việc kết cấu các điều được xếp theo tnhóm và tầm quan trọng của đối tượng. | |
| Tại Khoản 6, Điều 17; Khoản 6, Điều 22; Điểm a, Khoản 8, Điều 26; Điểm b, Khoản 4, Điều 36: Các quy định về áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đối với các hành vi vi phạm chung tại các điểm, các khoản quy định tại các Điều là: ***“Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng từ 06 tháng đến 12 tháng****”.* Đặc biệt, Điểm a, Khoản 8, Điều 26, quy định phạt bổ sung: *“tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng* ***từ 12 tháng đến 24 tháng*** *đối với vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này*”. Biên độ khung xử phạt bổ sung như vậy là quá lớn, khó áp dụng đối với từng hành vi; đề xuất chia ra các khoảng biên độ nhỏ như 06 tháng đến 08 tháng, 08 tháng đến 10 tháng, 10 tháng đến 12 tháng hoặc 22 tháng đến 24 tháng tương ứng với từng hành vi vi phạm quy định tại các khoản cụ thể của Điều để vừa đảm bảo nguyên tắc mức độ xử phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi vi phạm, vừa đảm bảo cho việc thuận tiện trong áp dụng của cơ quan có thẩm quyền xử phạt VPHC. (**Hải Dương)** | | Tiếp thu, điều chỉnh biên độ theo mức độ của từng hành vi vi phạm 3-6 tháng; 6-9 tháng; 9-12 tháng; 12 đến 18 tháng; 18-24 tháng. | |
| Đề nghị quy định chi tiết hơn về nội dung hành vi “*không bảo đảm điều kiện an toàn”* quy định tại Khoản 1, Điều 14 và Điểm c, Khoản 1, Điều 28 để đảm bảo việc dễ thực hiện của tổ chức, cá nhân cũng như thực thi của lực lượng thi hành công vụ. (**Hải Dương)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì hành vi “*không bảo đảm điều kiện an toàn”* đã được quy định trong Luật GTĐTNĐ (Khoản 4 Điều 24). | |
| Tại Khoản 4, Điều 4 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP quy định: “*Mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân. Mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân*”. Tuy nhiên, theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, quy định: “*Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải được quy định cụ thể tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước*”; do đó, tại Dự thảo Nghị định, cơ quan soạn thảo đã bỏ quy định, nguyên tắc chung về mức phạt tiền của tổ chức và cá nhân tại Chương I (bỏ quy định tại Khoản 4, Điều 4 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP đã nêu trên). Tuy nhiên, tại Chương II, rất nhiều hành vi vi phạm chưa thể hiện rõ được đối tượng vi phạm thực hiện hành vi và các mức xử phạt tương ứng với từng nhóm đối tượng là tổ chức hay cá nhân. Do vậy, đề nghị quy định chi tiết, cụ thể các nội dung này tại Dự thảo Nghị định để áp dụng, thi hành. (**Hải Dương)** | | Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về mức tiền phạt đối với cá nhân và tổ chức. | |
| Đề nghị bổ sung quy định trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt căn cứ vào hành vi vi phạm để lập biên bản VPHC đối với chủ phương tiện và tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật, người điều khiển phương tiện phải ký vào biên bản vi phạm hành chính với tư cách là người chứng kiến và được chấp hành quyết định xử phạt thay cho chủ phương tiện. (**Hải Dương)** | | Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo. | |
| Tại Chương III của Dự thảo, đề nghị có quy định chi tiết, cụ thể về phân định thẩm quyền của từng chức danh xử phạt VPHC tương ứng với các hành vi, nhóm hành vi quy định tại các điều, khoản, điểm cụ thể thuộc Chương II, để tránh việc áp dụng sai thẩm quyền, dẫn đến chồng chéo hoặc tạo lỗ hổng trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý VPHC lĩnh vực đường thủy nội địa. (**Hải Dương, Bộ VH-TT&DL)** | | Tiếp thu, dự thảo đã quy định cụ thể phạm vi xử phạt vi phạm hành chính của mỗi chức danh đến từng Điều, khoản cụ thể. | |
| Đề nghị xem xét bổ sung thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của lực lượng Thanh tra giao thông địa phương đối với các cảng, bến, phương tiện, người điều khiển phương tiện vi phạm tại cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Cục Đường thủy nội địa, Cảng vụ Đường thủy nội địa. Do thực tế thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát lực lượng Thanh tra giao thông địa phương phát hiện các hành vi vi phạm tại cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Cục Đường thủy nội địa, Cảng vụ Đường thủy nội địa nhưng không có thẩm quyền xử lý nên có thể gây ra nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông, khó khăn cho lực lượng thực thi công vụ và thái độ không tuân thủ pháp luật của một số bộ phận cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực đường thủy nội địa. **(Hòa Bình)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì thẩm quyền xử phạt của lực lượng thanh tra giao thông và thanh tra chuyên ngành đã được quy định tại Điều 42, 43 dự thảo Nghị định theo từng cấp hành chính. | |
| Tại chương III quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đề nghị rà soát quy định về thẩm quyền phạt tiền tịch thu tang vật phương tiện vi phạm hành chính đề phù hợp với quy định tại khoản 73, 74 Điều 1 Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính **(Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Cục HHVN, Bộ Tư pháp, Bộ CA, Cần Thơ, Thanh tra Bộ, Bộ Ngoại giao)** | | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo. | |
| 3. Bổ sung vào mục 3 chương II dự thảo Nghị định một số hành vi vi phạm về điều kiện phương tiện, người lái phương tiện khi tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác vùng hoạt động và cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước. Hành vi vi phạm được xây dựng trên cơ sở nội dung của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/06/2019 của chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ chơi, giải trí dưới nước.  (**Bộ VH-TT-&DL**) | | Xin ý kiến, phuơng tiện vui chơi giải trí dưới nước là phương tiện thủy nội địa sẽ tuân theo các quy định chung về phương tiện thủy nội địa đối với điều kiện về phương tiện, người lái, quy tắc giao thông…. | |
| Đề nghị ra soát, bổ sung vào dự thảo Nghị định các quy định về xử phạt vi phạm bảo vệ môi trường trong hoạt đồng đường thủy nội địa cho phù hợp với quy định tại các Điều 46, 47, 48, 49 của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. (**Vụ Môi trường)** | | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | |
| Hiện nay, trên vùng nước ĐTNĐ, nhiều cảng, bến thủy nội địa đã xây dựng không theo quy hoạch, đang hoạt động khai thác. Do vậy, trong dự thảo Nghị định cần có nội dung rà soát, có biện pháp xử phạt theo quy định của pháp luật. **(Vụ KHĐT)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc cảng, bến thủy nội địa xây dựng không theo quy hoạch sẽ không đảm bảo các điều kiện công bố hoạt động, do vậy, việc đưa vào khai thác các cảng, bến thủy nội địa này là hành vi vi phạm, bị xử phạt theo khoản 13, 14 Điều 28, 29 dự thảo. | |
| Về các quy định xử phạt cỡ tàu (ví dụ tàu từ 12 - 50 khách, 15 - 500 tấn; đoàn lai có trong tải 800 - 1.500 tấn…), đề nghị làm rõ căn cứ lựa chọn các cỡ tàu nêu trên để xử phạt. **(Vụ KHĐT)** | | Việc phân loại phương tiện đẻ xử phạt được căn cứ vào Điều 24 Luật GT ĐTNĐ, các Thông tư: số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa. | |
| Các biện pháp vi phạm tự ý thay đổi kết cấu công trình… cần có biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật. **(Vụ KHĐT)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì việc quy định biện pháp khắc phục còn căn cứ tính khả thi trong thực tế, trường hợp không thể áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, dự thảo đã cân nhắc áp dụng mức xử phạt tương ứng. | |
| 1. Hành vi không cùng tính chất trong cùng một khung hình phạt  Dự thảo quy định xử phạt đối với các hành vi như “không thực hiện nghĩa vụ”, “thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn theo quy định” vào cùng một khung xử phạt. Điều này là chưa hợp lý, bởi vì hành vi”không thực hiện nghĩa vụ”, tức là hoàn toàn không thực hiện nghĩa vụ, có tính chất nghiêm trọng hơn là hành vi”thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn theo quy định”, tức là có thực hiện nghĩa vụ nhưng không đúng thời hạn.Việc xếp chung hai hành vi này vào một khung xử phạt sẽ tạo ra sự không công bằng cho các chủ thể vi phạm.  Dự thảo có một số quy định có tính chất như trên, ví dụ:  - Hành vi “không bàn giao hoặc bàn giao không đúng thời hạn, không đủ hồ sơ công trình có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa khi đưa công trình vào sử dụng” (điểm a khoản 1 Điều 5); “không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn công trình vào sử dụng theo quy đinh” (điểm b khoản 1 Điều 5) có cùng khung phạt tiền. “Không thông báo” là việc chủ thể hoàn toàn không thực hiện hành vi thông báo, còn”thông báo không đúng thời hạn” là việc chủ thể có thực hiện hành vi thông báo, nhưng chưa đúng thời hạn theo yêu cầu. Việc xếp chung hành vi không thông báo và thông báo chậm (có thể là 01 ngày) vào cùng mức phạt là chưa hợp lý;  - Hành vi”không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận đăng kí phương tiện” (điểm a khoản 2 Điều 14); “không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện” (khoản 4 Điều 14) có chung khung phạt tiền là chưa hợp lý. Bởi vì “không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện”, có nghĩa phương tiện có thể không đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Đây là hành vi vi phạm có tính chất nghiệm trong hơn hẳn hành vi”không mang theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện” vì hành vi này là có Giấy chứng nhận và phương tiện vận chuyển vẫn đáp ứng được yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;  - Hành vi “không trang bị hoặc trang vị không đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân…” (khoản 2 Điều 16).  (**Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam)** | | Tiếp thu, rà soát, điều chỉnh cụ thể trong dự thảo cho phù hợp (tại Điều 5, Điều 14, 16 dự thảo). | |
| 2. Hành vi có tính chất tương tự nhưng ở khung xử phạt khác nhau  Việc hai hành vi có cùng tính chất tương tự nhưng ở khung xử phạt khác nhau sẽ xảy ra tình huống, cơ quan có thẩm quyền sẽ áp dụng hai mức phạt khác nhau cho cùng một hành vi vi phạm. Điều này là chưa hợp lý và tạo ra sự không công bằng cho các chủ thể bị xử phạt. Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc, xem xét các quy định về các hành vi tương tự nhau nhưng ở khung phạt tiền khác nhau như sau:  - Hành vi “tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, diễn tập (trừ trường hợp diễn tập bí mật quốc phòng, an ninh theo quy đinh) không đúng phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa trước khi thực hiện” bị phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (khoản 2 Điều 11) “Hành vi tổ chức diễn tập, tập luyện thể dục, tập luyện, biểu diễn thi đấu thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí” bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 (khoản 2 Điều 13)  - Về vi phạm quy định về đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiên (Điều 19)  Hành vi “thiếu từ 01 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ đóng tàu theo quy định” tại điểm c khoản 2 Điều 19 có thể bị phạt tiền ở khung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và khung 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19, vì có cùng tính chất với hành vi “không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý tại cơ sở theo quy định”.  (**Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam)** | | Tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa trong dự thảo, tuy nhiên, đối với hành vi tại Điều 11 là xử phạt đối với thực hiện hoạt động không đúng phương án đảm bảo an toàn giao thông, hành vi tại Điều 13 áp dụng đối với việc tổ chức hoạt động trái phép và đã được điều chỉnh mức xử phạt cho phù hợp; tại Điều 19, tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo. | |
| - Vi phạm quy định về đống mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện (Điều 19)  Điều 19 Dự thảo quy định xử phạt đối với các hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện. Doanh nghiệp có các hành vi vi phạm quy định tại điều nay có nghĩa là không đáp ứng được điều kiện kinh doanh, sẽ không đươc phép kinh doanh trong ngành nghề này. Do đó, biện pháp khắc phục hậu quả cần phải có biện pháp đình chỉ hoạt động cho đến khi doanh nghiệp đáp ứng được điều kiện kinh doanh theo quy định.  Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả này tại khoản 6 Điều 19.  (**Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam)** | | Tiếp thu, bổ sung điểm b khoản 6 Đièu 19 dự thảo. | |
| Thiết kế quy định chưa nhất quán  - Vi phạm quy định về vận tải qua biên giới, động vật sống, hàng hóa siêu trường, siêu trọng (Điều 35)  Khoản 2 Điều 34 Dự thảo quy định xử phạt đối với hành vi “không có Kế hoặc ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm hóa chất từ phương tiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định khi vận tải xăng, dầu , chất lỏng độc hại” và hình thức xử phạt bổ sung là “đình chỉ hoạt động phương tiện từ 06 đến 12 tháng”  Khoản 3 Điều 35 Dự thảo quy định xử phạt đối với hành vi “vận tải hành hóa siêu trường siêu trong mà không có phương án bảo đảm an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyêt” tuy nhiên lại không quy định hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này, trong khi về tính chất của hai hành vi vi phạm trên là tương tự nhau.  Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại quy định tại Điều 35 để đảm bảo tính nhất quán trong thiết kế quy định.  - Vi phạm quy định về hoa tiêu và dẫn luồng trên đường thủy nội địa (Điều 38)  Quy định về hành vi vi phạm liên quan đến có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở, đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện thì Dự thảo có chia ra các mức: i) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligame/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam /01 lít khí thở; ii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 milugam đến 80 miligame/100 mililit máu hoặc 0,25 đến 0,4 miligam/01 lít khi thở; iii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligame/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam /01 lít khí thở, tương ứng với từng nồng độ cồn đo được là các khung phạt tiền tương ứng.  Cũng hành vi vi phạm về có nồng độ cồn, thì quy định xử phạt đối với hoa tiêu, Dự thảo không quy định theo hướng phân chia các nồng độ cồn trong máu và hơi thở mà chỉ sử dụng một mức chung là 80 miligame/100 mililit máu hoặc 0,4 miligam /01 lít khí thở để quy định xử phạt. Điều này khiến cho quy định được thiết kế cho hành vi vi phạm có tính chất tương tự chưa thống nhất. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại quy định này và giải trình về sự khác biệt giữa cách thiết kế quy đinh của hai quy định.  (**Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam)** | | 4. Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo đối với nội dung tại điều 34, 35; đối với nội dung tại Điều 38 đề nghị giữ nguyên như dự thảo do phụ thuộc vào vai trò và sự ảnh hưởng của từng đối tượng đối với hoạt động vận tải mà dự thảo đưa ra hành vi vi phạm và mức xử phạt phù hợp. | |
| Một số khái niệm tại Dự thảo còn quy định chung chung, chưa tạo các hiểu thống nhất giữa các đối tượng áp dụng và có thể tạo ra sự không đồng nhất, phân biệt đối xử giữa các chử thể vi phạm trên thực tế áp dụng. Ví dụ, khái niệm “kịp thời” được sử dụng khá nhiều trong Dự thảo (điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6; điểm a khoản 3 Điều 8; khoản 1 Điều 24) và đây là một khái niệm chưa rõ ràng. Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi quy định theo hướng có thể định lượng được.  Đề nghị Ban soạn thảo rà soát toàn bộ Dự thảo để điều chỉnh lại các quy định có tính chất tương tự như trên theo hướng có thể định lượng các khái niệm trên.  (**Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam)** | | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | |
| **Ngân hàng nhà nước Việt Nam:**  Luật sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC có quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một số chức danh mới, đề nghị rà soát, bổ sung vào dự thảo Nghị định cho đầy đủ. | | Tiếp thu, chỉnh sửa trong dự thảo. | |
| Đề nghị bổ sung quy định xử phạt đối với các hành vi: "Khai thác hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc cấp phép hoạt động". **(Cục HHVN)** | | Hành vi này đã được quy định tại Điều 14 dự thảo. | |
| **Quảng Nam:** Đề nghị bổ sung hành vi vi phạm  Đề nghị bổ sung xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa  Lý do: Tại khoản 2 Điều 26 Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 06 năm 2004 quy đinh: Cơ quan đăng kiểm khi thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật của phương tiện phải tuân theo hệ thống quy phạm, tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành. Người đứng đầu cơ quan đăng kiểm và người trực tiếp thực hiện kiểm tra phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra. | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì: "*Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.*  *Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan*.” | |
| Đề nghị tăng mức xử phạt tiền đối với một số hành vi nhằm đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn phát triển nền kinh tế - xã hội, tăng tính răn đe chủ thể có hành vi vi phạm, nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức liên quan. **(Thái Bình, Bộ Công An)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì mức xử phạt tại dự thảo đã tăng rất nhiều lần so với NĐ 132/2015, có sự phù hợp với thực tế và đảm bảo tính răn đe, giáo dục. | |
| Bổ sung các quy định liên quan đến chế độ thông tin, giám sát hành trình trong kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực GT ĐTNĐ. **(Thái Bình)** | | Nội dung này đã được bổ sung quy định tại Điều 55, 56, 57 dự thảo. | |
| Đề nghị không làm phát sinh TTHC gây ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân; Công khai, minh bạch, ứng dụng khoa học công nghệ trong XPVPHC. **(Thái Bình)** | | Nghị định XPVPHC không quy định TTHC. | |
| **Quảng Ngãi**:  Đề xuất chỉnh sửa nội dung nội dung sửa đổi, bổ sung Luật giao thông đường thủy nội địa về khái niệm “đường thủy nội địa” như sau: “Đường thủy nội địa là luồng, âu tàu, các công trình đưa phương tiện qua đạp, thác trên sông, kênh, rạch hoặc luồng trên hồ, đàm,phá vụng, vịnh, ven bờ biển, ra đảo, nối các đảo có cự ly các bờ dưới 12 hải lý hoặc chỉ nằm trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ướng”. Vì hiện nay trên địa bàn tỉnh có các tuyến thủy nội địa có cự ly trên 12 hải lý nhưng chỉ năm trong địa giới của tỉnh, chủ yếu phục vụ mục đích dân sinh và phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng địa phương | | Nội dung góp ý không liên quan đến dự thảo Nghị định. | |
| Đối với các quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện:  - Quy định xử phạt cả tổ chức và cá nhân tự ý hoán cải phương tiện;  - Quy định xử phạt cụ thể đối với phà chở quá số lượng phương tiện, hành khách…  - Về vùng hoạt động của phương tiện: Ngoài quy định về vùng hoạt động SI, SII như hiện nay, cần phải quy định thêm về điều kiện hoạt động của phương tiện lớn ở các cấp đường thủy nội địa (vì từng cấp đường thủy nội địa đều có quy định cụ thể về chuẩn tắc luồng, chiều cao, chiều rộng của khoang thông thuyền của các cầu, công trình vượt sông…)  **(Bộ Công an)** | | - Đối với việc tự ý hoán cải phương tiện, chỉ thực hiện xử phạt đối với chủ thể có hành vi đưa phương tiện được tự ý hoán cải vào hoạt động do hành vi này chỉ có ảnh hưởng đến giao thông đường thủy nội địa khi đáp ứng đủ hai điều kiện: Phương tiện đã tự ý hoán cải và được đưa vào họat động.  - Quy định xử phạt cụ thể đối với phà chở quá số lượng phương tiện, hành khách…: Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật Giao thông đường thủy nội địa, phà là một dạng phương tiện thủy nội địa, do vậy, hành vi chở quá số lượng phương tiện, hành khách của phà được áp dụng xử lý theo quy định tại Điều 35 dự thảo.  - Về vùng hoạt động của phương tiện: Đề nghị giữa nguyên như dự thảo (Điều 17) vì vùng hoạt động của phương tiện được ghi trong giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do cơ quan đăng kiểm cấp. Đồng thời, quy định này để phù hợp với Luật Giao thông đường thủy nội địa, tại khoản 3 Điều 77 Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định như sau: “Người vận tải đường thủy nội địa chỉ được đưa phương tiện vào khai thác đúng với công dụng và vùng hoạt động theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm”. | |
| Đối với các quy định về xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông ĐTNĐ: Bỏ hành vi vi phạm liên quan đến khai thác khoáng sản trên ĐTNĐ đã được quy định tại Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. **(Bộ Công an)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do Nghị định số 36/2020/NĐ-CP chỉ quy định xử phạt đối với các hành vi nạo vét, khơi thông luồng để mở mới luồng, tuyến giao thông thủy nội địa, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ không đúng phương án thực hiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận gây sạt, lở lòng, bờ, bãi sông hoặc gây ngập úng nặng vùng đất ven sông và không đăng ký khối lượng nạo vét các dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch, như vậy, các quy định này không bị trùng lặp với nội dung quy định tại Điều 7 dự thảo. Các hành vi quy định về nạo vét vùng nước đường thủy nội địa tại dự thảo được căn cứ vào Nghị định số 159/2018/NĐ-CP quy định về nạo vét vùng nước hàng hải và vùng nước đường thủy nội địa. | |
| Đối với điều kiện hoạt động của cảng, bến thủy nội địa: Quy định rõ về việc xử lý bến trái phép, hết phép. Đặc biệt, phải quy định cụ thể bến hết hạn giấy phép đến thời gian nào thì bị xử lý như bến không phép. **(Bộ Công an)** | | Nội dung này đã được quy định chi tiết tại các Điều 27, 28, 29 dự thảo, trong đó, trường hợp khải thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu khi hết thời hạn hoạt động chỉ yêu cầu cấu thành hành vi và sẽ bị xử lý như hành vi khai thác trong thời gian bị đình chỉ hoạt động. | |
| Đối với điều kiện hoạt động của thuyền viên, người lái phương tiện: Cần quy định rõ hơn về vi phạm liên quan đến trách nhiệm của chủ phương tiện với thuyền viên; trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện với hành khách trên phương tiện…. **(Bộ Công an)** | | Nội dung này đã được tiếp thu, điều chỉnh và quy định chi tiết tại mục 3 Chương II của dự thảo. | |
| Về hình thức xử phạt chính trong dự thảo Nghị định:  Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, một số hành vi vi phạm trong dự thảo Nghị định đang áp dụng 02 hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền, ví dụ: khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29…  Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC quy định về xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ, do đó, việc quy định như trong dự thảo Nghị định có thể tạo ra sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật khi người có thẩm quyền xử phạt phát hiện một hành vi vi phạm mà có thể lựa chọn áp dụng 01 trong 02 hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền.  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc tách hình thức xử phạt cảnh cáo và phạt tiền tương ứng với mức độ hành vi vi phạm trong dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm hoặc kết hợp 02 hình thức trên với điều kiện mức tối đa của khung phạt tiền phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC, đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đến 500.000 đồng (đối với cá nhân) như: Thanh tra viên, Chiến sĩ Bộ đội biên phòng. **(Bộ Tư pháp)** | | Tiếp thu, dự thảo đã điều chỉnh lại dự thảo. | |
| Qua nghiên cứu các biện pháp khắc phục hậu quả trong dự thảo, Bộ Tư pháp thấy rằng có một số biện pháp khắc phục hậu quả được quy định chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm hoặc chưa đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn, ví vụ:  - Điểm a khoản 9 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc di chuyển phương tiện, cây, đồ vật, lều, quán, tre, gỗ*” đối với hành vi “*Buộc động vật vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng”* quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.  - Điểm a khoản 9 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc đưa lên khỏi phương tiện động vật lớn,…” đối với hành vi “chở hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật bị dịch bệnh cùng với khách hàng” quy định tại khoản 4 Điều này.  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại toàn bộ các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng trong dự thảo Nghị định để quy định cho phù hợp, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn. **(Bộ Tư pháp)** | | Tiếp thu, dự thảo đã điều chỉnh lại dự thảo. | |
| Về thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả trong dự thảo nghị định, ngoài các biện pháp đã được quy định trong luật xử lý VPHC (được sửa đổi bổ sung năm 2020), dự thảo nghị định có rất nhiều biện pháp khắc phục hậu quả mới do Chính Phủ quy định.  Theo quy định của luật xử lý VPHC (được sửa đổi bổ sung năm 2020), không phải chức danh nào cũng có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do Chính Phủ quy định, ví dụ như: Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng công an cấp xã, Đội trưởng Đội nghiệp vụ cảnh sát biển, Thanh tra viên, Trạm trưởng trạm kiểm ngư thuộc chi cục kiểm ngư vùng,…  Tuy nhiên, trong dự thảo nghị định quy định hầu hết các chức danh có thẩm quyền xử phạt VPHC đều có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tại Chương 2 dự thảo nghị định, bao gồm cả các biện pháp do Chính Phủ quy định và không bảo đảm tính hợp pháp, ví dụ như chủ tịch UBND cấp xã (điểm d khoản 1 điều 40 dự thảo), trưởng công an cấp xã (điểm d khoản 3 điều 41 dự thảo), thanh tra viên (điểm d khoản 1 điều 42 dự thảo), người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (điểm d khoản 1 điều 43 dự thảo), đội trưởng đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc lực lượng bộ đội biên phòng (điểm d khoản 3 điều 46 dự thảo),…  Do đó, đề nghị nghiên cứu xây dựng một điều khoản riêng để quy định chung về các biên pháp khắc phục hậu quả được áp dụng trong dự thảo nghị định. Từ đó tiến hành rà soát toàn bộ các quy định về biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để quy định rõ ràng, chính xác nội dung này trong dự thảo. **(Bộ Tư pháp)** | | Các quy định về thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được rà soát, điều chỉnh lại trong dự thảo NĐ. | |
| Về những nội dung luật xử lý VPHC giao Chính Phủ quy định  Đề nghị nghiên cứu quy định tại điểm a khoản 1 điều 4 luật xử lý VPHC đã được sửa đổi, bổ sung về việc giao Chính Phủ quy định: “*Hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước;”*  Trong dự thảo quy định về *“hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng xử phạt; thẩm quyền xử phạt; mức phạt tiền cụ thể đối theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với VPHC; việc thi hành các hình thức xử phạt VPHC”;* Tuy nhiên, chưa có các quy định về “*hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiên*”, “*việc thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước*”, đề nghị nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp. **(Bộ Tư pháp)** | | Tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý. | |
| Đề nghị xem xét làm rõ các quy định liên quan đến môi trường, nhận chìm, khoáng sản,… tại Nghị định này để tránh trùng lặp với các văn bản hiện hành (ví dụ:quy định tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản). Trường hợp quy định tại dự thảo Nghị định này đề nghị giải trình cụ thể, đồng thời bảo đảm hình thức xử phạt tương đương với các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính các lĩnh vực liên quan (ví dụ tại các Điều như: 7, 10, 11…). (**Bộ TN&MT)** | | Tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý. | |
| . Đề nghi ra soát mô tả rõ các hành vi vi phạm để áp dụng trên thực tế, ví dụ: hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 “Không kịp thời bảo đảm an toàn giao thông khi phát hiện vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa” rà soát tránh quy định trùng hành vi nhưng mức tiền lại khác nhau ví dụ hành vi quy định tại khoản 4 và hành vi quy định tại điểm b khoản 6 Điều 10  Ngoài ra, đề nghị rà soát cần có quy định định lượng cụ thể đối với các hành vi như hành vi quy đinh tại: khoản 4, điểm b khoản 6 Điều 10. (**Bộ TN&MT)** | | Tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý. | |
| Đề nghị xem xét lại khung phạt tiền tại một số điều vì có khoảng chênh lệch nhiều giữa các khoản. (**Bộ TN&MT)** | | Tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý. | |
| Bổ sung Điều xử phạt hành vi vi phạm về thi, kiểm tra, sát hạch, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. (**Thanh tra Bộ GTVT)** | | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nhóm hành vi này đã được điều chỉnh tại Điều 23 dự thảo. | |
| Bổ sung xử phạt hành vi vi phạm trong hoạt động điều tiết, chống va trôi (đối với lực lượng tham gia điều tiết, chống va trôi và đối với người điều khiển phương tiện không tuân thủ hướng dẫn điều tiết). (**Thanh tra Bộ GTVT)** | | 2. Tiếp thu, bổ sung tại điều 9 dự thảo. | |
| Bổ sung xử phạt hành vi chủ phương tiện trực tiếp điều khiển phương tiện không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; không đảm bảo sức khỏe; chưa đủ tuổi hoặc quá tuổi theo quy định trong Nghị định 132/2015/NĐ-CP. (**Thanh tra Bộ GTVT)** | | 3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì “vi phạm điều khiển phương tiện không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; không đảm bảo sức khỏe; chưa đủ tuổi hoặc quá tuổi “ sẽ bị xử lý theo quy định không phân biệt là chủ phương tiện hay thuyền viên khác. | |
| Chương II của dự thảo Nghị định quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả. Hầu hết các Điều trong Chương này không quy định các hành vi vi phạm thuộc cá nhân hay tổ chức, chỉ có một số điều quy định cụ thể các hành vi vi phạm của cá nhân (người lái thuyền, thuyền trưởng, chủ thuyền, chủ phương tiện,…). Khoản 2 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 có quy định mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức bằng 02 lần mức tiền phạt các nhân. Do đó, để đảm bảo tính minh bạch và dễ thực thi khi áp dụng Nghị định, đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, bổ sung thêm cụm từ “cá nhân” đối với các hành vi vi phạm của cá nhân, cụm từ “tổ chức” đối với các hành vi vi phạm của tổ chức trong Chương II dự thảo Nghị định. **(Bộ KHĐT)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, dự thảo đã có quy định xác định mức phạt trong Nghị định áp dụng đối với cá nhân, có loại trừ cụ thể các quy định áp dụng đối với tổ chức tại Điều 4 dự thảo. | |
| Đối với các hành vi vi phạm mang tính chất định tính, gây khó khăn trong việc thực thi nghị đinh, đề nghi Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các quy định mang tính định lượng đối với các hành vi này (giới hạn khối lượng chịu mức phạt hành chính đối với các hành vi đổ đất, bùn, cát, sỏi, chất thải,… xuống vùng nước thuộc đường thủy, bến cảng, bến thủy; giới hạn tốc độ phải chịu mực phạt hành chính đối với tốc độ gây mất an toàn của các phương tiện lưu thông trên đường thủy nội địa. **(Bộ KHĐT)** | | Tiếp thu, rà soát và điều chỉnh trong dự thảo. | |
| Tại khoản 2.2 Mục I dự thảo Tờ trình có đề cập đến bất cập khi thực thi Nghị đinh 132/2015/NĐ-CP liên quan đến việc quy định về mức xử phạt đối với hành vi sử dụng một số loại giấy tờ đã hết hiệu lực còn chưa phù hợp và không được chia ra theo mức độ vi phạm (theo thời gian hết hạn) dẫn đến một số trường hợp lợi dụng quy định này đề cố tình hoạt động trái quy định. Tuy nhiên, trong dự thảo Nghị định chưa có quy định cụ thể theo mức độ vi phạm (theo thời gian hết hạn) đối với hành vi sử dụng một số loại giấy tờ đã hết hiệu lực. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể theo mức độ vi phạm và mức phạt tiền tương ứng đối với hành vi nêu trên nhằm giải quyết triệt để được các bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện và áp dụng các quy định của pháp luật. **(Bộ KHĐT)** | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do mức phạt áp dụng đối với hành vi này đã ở mức cao, đồng thời, hành vi này chỉ cần ccấu thành hahf vi, không yêu cầu điều kiện thời gian. | |
| C. Về thể thức, kỹ thuật:  1. **(Bộ KHĐT).**  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa lại tên gọi của văn bản cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 154/2020/NĐ-CP): “Tên gọi của văn bản bằng chữ in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm được đặt canh giữa, ngay dưới tên loại văn bản”  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa các cụm từ “xử phạt vi phạm hành chính” ở đoạn mở đầu của khoản 3, khoản 4 Điều 14, khoản 1, khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 16; Điều 17; Điều 27; khoản 10 Điều 28…và “xử phạt” tại khoản 3 Điều 15; khoản 2 Điều 16, Điều 17, khoản 17, khoản 18 Điều 28…thành “Phạt tiền” để bảo đảm tính chính xác, thống nhất, đồng bộ của dự thảo Nghị định.  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát, sắp xếp các khoản trong các điều cho phù hợp, bảo đảm “các khung tiền phạt trong một điều phải được sắp xếp theo thứ tự mức phạt từ thấp đến cao”, bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Nghị định, ví dụ: khoản 4, 5, 6 Điều 30 của dự thảo.  2. Đề nghị thực hiện việc đánh số trang đối với dự thảo Nghị định **(Hòa Bình).** | | Tiếp thu, chỉnh sửa thể thức dự thảo. | |
| Qua rà soát nội dung của dự thảo Nghị định thì Nghị định chỉ sửa đổi, bổ sung một số điêu (số lượng nhỏ), do đó, đề nghị ban hành nghị định dưới hình thức Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều. (**Bộ Y Tế**) | | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi toàn bộ các Điều của NĐ số 132/2015, đồng thời, ngày 26/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 126/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC, theo đó, Bộ Giao thông vận tải đã được giao nhiệm vụ xây dựng “Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa” (STT10 Mục VIII Danh mục các nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC. | |
| 1. Đề nghị chỉnh sửa nội dung “Hoặc hoặc đình chỉ hoạt đồng có thời hạn” thành “Hoặc đình chỉ hoạt đồng có thời hạn” do dư một từ “Hoặc” tại điểm c khoản 3 Điều 40, điểm c khoản 4 Điều 41,điểm c khoản 4 Điều 42, điểm c khoản 4 Điều 44, điểm c khoản 2 Điều 44.  2. Đề nghị chỉnh sửa nội dung “phân công trình xây dựng” thành”phần công trình xây dựng” tại điểm đ khoản 6 Điều 46, điểm d khoản 4 Điều 47.  3. Tại khoản 3 Điều 52: Đề nghị chỉnh sửa nội dung “01 mã lực (HP,CV) được bằng 0,5GT” thành “01 mã lực (HP,CV) được tính bằng 0,5GT  4. Đề nghị chỉnh sửa nội dung “xác định hành vi phạm hành chính” thành “xác định hành vi vi phạm hành chính” tại khoản 1, khoản 4 Điều 55  **(Tiền Giang)** | | Tiếp thu, chỉnh sửa thể thức dự thảo. | |